ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

# NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

***Đề cương chi tiết các học phần này đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Kinh tế công nghiệp nghiệm thu và thông qua***

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH & ĐT KHOA KTCN**

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Ngô Thúy Hà**

**THÁI NGUYÊN NĂM 2022**

# MỤC LỤC


ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN ..... 4
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN ..... 8
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC ..... 13
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ..... 18
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ..... 23
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÁC SUẤT THỐNG KÊ ..... 28
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 ..... 33
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2 ..... 41
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3 ..... 49
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC TRONG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP ..... 54
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG ..... 58
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT BẮT BUỘC ..... 64
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN ..... 69
BÓNG CHUYỀN 1 ..... 69
BÓNG ĐÁ 1 ..... 74
BÓNG RỔ 1 ..... 79
CẦU LÔNG 1 ..... 84
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ ..... 89
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP ..... 93
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP ..... 96
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN ĐẠI CƯƠNG ..... 99
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LUẬT KINH DOANH ..... 107
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN KINH TẾ ..... 112
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC VI MÔ ..... 117
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC VĨ MÔ ..... 122
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KINH TẾ HỌC ..... 126
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ ..... 129
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN ..... 134
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN ..... 139
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ ..... 145
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP ..... 149
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ..... 154
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP ..... 159
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ HỌC ..... 163
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ LƯỢNG ..... 167
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1 ..... 172

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP CƠ SỞ NGÀNH.....179
(CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP).....179
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN CĂN BẢN.....182
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....187
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP.....191
Chương 1: Tổng quan về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (3/0/6) ..... 192
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN NGÂN SÁCH.....196
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP CƠ SỞ NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP.....201
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....204
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH.....208
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA KINH DOANH.....212
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1.....217
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2.....223
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN THUẾ.....228
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN MÁY.....234
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN.....242
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....249
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KẾ TOÁN THUẾ.....252
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUỐC TẾ.....256
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN.....262
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ.....267
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH.....272
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....277
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP.....282
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP.....285
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG.....289
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC.....295
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN.....301
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP.....307
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHỞI SỰ KINH DOANH.....312
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC.....316
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....322
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN QUẢN LÝ DỰ ÁN.....327
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP.....331
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG.....334

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP ..... 339
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP ..... 342

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Triết học Mác - Lênin
- Tên tiếng Anh: Marx - Lenin philosophy
- Mã học phần: BAS123
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không có
- Các học phần học trước: Không có
- Các học phần song hành: Không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Trang bị những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin thông qua nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.<br>Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể. |
| M2 | Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn để hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn có hiệu quả.<br>Có năng lực hiểu biết và khả năng vận dụng các tri thức từ môn học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước. |
| M3 | Nhận thức được ý nghĩa, giá trị khoa học của môn học từ đó có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn để xây dựng lý tưởng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và của CNXH. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Trình bày được những nội dung cơ bản, có tính hệ thống về Triết học và vấn đề cơ bản của triết học; triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội | 2 |
| | 1.1.2 | Trình bày được những kiến thức cơ bản về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức | 2 |
| | 1.1.3 | Trình bày được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.1.1 | Có tư duy lôgic, biện chứng và phương pháp làm việc khoa học. | 3 |
| | 2.1.2 | Vận dụng sáng tạo Triết học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn để xây dựng được lý tưởng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và của CNXH. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin (9/0/18)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học<br>II. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội | 1.1.1<br>2.1.1<br>2.1.2 | 1,2,3,4 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 3.1.1 | | |
| **Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (17/0/34)** | | | | |
| 3-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Vật chất và ý thức<br>II. Phép biện chứng duy vật<br>III. Lý luận nhận thức | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2 | 1,2,3,4 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 3.1.1 | | |
| | **Tuần 4: Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (17/0/34)** | | | | |
| 7-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội<br>II. Giai cấp và dân tộc<br>III. Nhà nước và cách mạng xã hội<br>IV. Ý thức xã hội<br>V. Triết học về con người | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1,2,3,4 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 8: Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | | |
| **Hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần (2/0/4)** | | | | |
| 10 | Tổng hợp các nội dung đã học, ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên. | 1.1.1<br>1.1.2<br>1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1,2,3,4 | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | - Triết học và vấn đề cơ bản của triết học<br>- Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội<br>- Vật chất và ý thức | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1 | 13.3 |
| Tự luận | - Phép biện chứng duy vật<br>- Lý luận nhận thức | Tuần 8 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.2; 2.1.1<br>2.1.2; 3.1.1 | 13.3 |
| Tự luận/vấn đáp/khác | Chương 3 | Tuần 10 | Bài tập nộp+Điểm chuyên cần | 1.1.3; 2.1.1<br>2.1.2; 3.1.1 | 13.4 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung môn học | Theo lịch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 2.1.1<br>2.1.2; 3.1.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Nhớ | - Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin<br>- Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử | 30 |
| | Hiểu | Hiểu được những giá trị khoa học và vai trò của Triết học Mác – Lênin đối với hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. | 50 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; *Giáo trình môn Triết học Mác – Lênin*; NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội; 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[3]. Trương Văn Phước, *Hướng dẫn ôn thi môn triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội; 2000.

[4]. Trần Văn Phòng, Nguyễn Thế Kiệt, *Hỏi đáp môn triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính

1. TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Email: ntthuthuy@tnut.edu.vn
2. ThS. Hoàng Thị Hải Yến Email: hoangyen@tnut.edu.vn
3. TS. GVC. Ngô Minh Thương Email: ngominhthuong@tnut.edu.vn
4. ThS. Nguyễn Nam Hưng Email: namhung1987@gmail.com
5. ThS. Trương Vũ Long Email: truongvulong@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng BM | Tổ trưởng CM | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | ThS. Hoàng Thị Hải Yến | ThS. Hoàng Thị Hải Yến |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Tên tiếng Anh: Political economics of Marxism and Leninism
- Mã học phần: BAS215
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không có
- Các học phần học trước: Triết học Mác - Lênin
- Các học phần song hành: Không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Trang bị những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. |
| M2 | Hình thành tư duy, kỹ năng đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường của họ. |
| M3 | Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>Trình bày được lý luận của C. Mác về hàng hóa; thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường<br>Trình bày được những nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư<br>Trình bày được vấn đề cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | 2 |
| | 1.1.2 | Trình bày được nội dung của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam<br>Trình bày được vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | |
| M2 | 2.1.1 | Biết tư duy, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và một số vấn đề kinh tế chính trị của thế giới. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự giác thực hiện công cuộc xây dựng kinh tế và thúc đẩy kinh tế phát triển. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác – Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin (2/0/4)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin<br>II. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin | 1.1.1<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1, 2 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (4/0/8)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa<br>II. Thị trường và nền kinh tế thị trường<br>III. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường | 1.1.1<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1, 2,<br>3, 4, 5 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường (6/0/12)** | | | | |
| 3-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư<br>II. Tích lũy tư bản<br>III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | 1.1.1 | 1,2,3,4,5 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 2.1.1<br>3.1.1 | | quyết vấn đề. |
| | **Tuần 4: Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường (6/0/12)** | | | | |
| 5-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường<br>II. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường<br>III. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | 1.1.1<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3,4,5 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam (6/0/12)** | | | | |
| 7-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>III. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | 1.1.2<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3,4,5 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 8: Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (4/0/8)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam<br>II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 1.1.2<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,4,5 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện, giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần (1/0/2)** | | | | |
| 10 | - Tổng hợp các nội dung đã học, ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên. | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3,4,5 | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Chương 1 và chương 2 | Tuần 4 | Kiểm tra | 1.1.1; 2.1.1 | 13,3 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | quá trình 1 | 3.1.1 | |
| Tự luận | Chương 3 và chương 4 | Tuần 8 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.1.1; 2.1.1 3.1.1 | 13,3 |
| Tự luận/vấn đáp/khác | Chương 5 và chương 6 | Tuần 10 | Bài tập nộp+điểm chuyên cần | 1.1.2; 2.1.1 3.1.1 | 13,4 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung môn học | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 3.1.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Nhớ | - Trình bày được những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>- Trình bày được những nội dung cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. | 40 |
| | Hiểu | - Hiểu được bản chất của hàng hóa, kinh tế thị trường, giá trị thặng dư và độc quyền trong kinh tế thị trường.<br>- Hiểu được tính tất yếu, nội dung và tác động của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Biết tư duy, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và một số vấn đề kinh tế chính trị của thế giới.<br>- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, môn Lịch sử ĐCS Việt Nam | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[3]. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.4,8,12,13,20,25,46.

[4]. Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc, *Hướng dẫn ôn tập môn kinh tế chính trị Mác - Lênin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

[5]. An Như Hải, *Hỏi đáp môn kinh tế chính trị*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính

1. TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Email: ntthuthuy@tnut.edu.vn
2. ThS. Hoàng Thị Hải Yến Email: hoangyen@tnut.edu.vn
3. TS. GVC. Ngô Minh Thương Email: ngominhthuong@tnut.edu.vn
4. ThS. Nguyễn Nam Hưng Email: namhung1987@gmail.com
5. ThS. Trương Vũ Long Email: truongvulong@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng BM | Tổ trưởng CM | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | ThS. Hoàng Thị Hải Yến | ThS. Hoàng Thị Hải Yến |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Tên tiếng Anh: Scientific Socialism
- Mã học phần: BAS305
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không có
- Các học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Trang bị những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. |
| M2 | Hình thành năng lực thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. |
| M3 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Trình bày nội dung cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác- Lênin. | 2 |
| | 1.1.2 | Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân<br>Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.<br>Trình bày được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 1.1.3 | Trình bày được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>Trình bày những kiến thức cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.<br>Trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và các vấn đề chính trị - xã hội mang tính quy luật trong tiến trình đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam hiện nay. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Hình thành lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam; có trách nhiệm trong việc tuyên truyền, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thái độ, hành vi đúng đắn trong nhận thức cũng như có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học (2/0/4)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học<br>II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học<br>III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học | 1.1.1 | 1, 2 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (4/0/8)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác - | 1.1.2<br>2.1.1 | 1,2,3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế của giai cấp công nhân<br>II. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay<br>III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | 3.1.1 | | - Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (4/0/8)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Chủ nghĩa xã hội<br>II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội<br>III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 1.1.2<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 4: Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (5/0/10)** | | | | |
| 4-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa<br>II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa<br>III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 1.1.2<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (4/0/8)** | | | | |
| 6-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội<br>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội<br>III. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 1.1.3<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (5/0/10)** | | | | |
| 7-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội<br>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 1.1.3<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | III. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | | | giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 8: Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (4/0/8)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình<br>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội<br>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 1.1.3<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3,4 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần (1/0/2)** | | | | |
| 10 | - Tổng hợp các nội dung đã học, ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên. | 1.1.1<br>1.1.2<br>1.1.3<br>2.1.1<br>3.1.1 | 1,2,3,4 | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Chương 1, 2, 3 | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 3.1.1 | 13,3 |
| Tự luận | Chương 4, 5 | Tuần 8 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.1.2; 1.1.3<br>2.1.1; 3.1.1 | 13,3 |
| Tự luận/vấn đáp/khác | Chương 6, 7 | Tuần 10 | Bài tập nộp+điểm chuyên cần | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1 | 13,4 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung môn học | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.1;1.1.2<br>1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Nhớ | - Trình bày được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là | 40 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | chủ nghĩa xã hội.<br>- Trình bày được những nội dung cơ bản liên quan của một số vấn đề chính trị xã hội của Việt Nam hiện nay. | |
| | Hiểu | - Phân tích được những cơ sở và nội dung khoa học của quá trình đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác nói chung và ở Việt Nam nói riêng. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng các kiến thức đã học để học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.<br>- Có trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thái độ, hành vi đúng đắn trong nhận thức cũng như có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội. | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học; NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội; 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

[3]. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội; 2004, t.1,4,6,23,31,33,38,39.

[4]. TS. Nguyễn Thị Thu Thủy: *Phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa ở vùng Đồng bằng Sông Hồng hiện nay*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính

1. TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Email: ntthuthuy@tnut.edu.vn
2. ThS. Hoàng Thị Hải Yến Email: hoangyen@tnut.edu.vn
3. TS. GVC. Ngô Minh Thương Email: ngominhthuong@tnut.edu.vn
4. ThS. Nguyễn Nam Hưng Email: namhung1987@gmail.com
5. ThS. Trương Vũ Long Email: truongvulong@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng BM | Tổ trưởng CM | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | ThS. Hoàng Thị Hải Yến | ThS. Hoàng Thị Hải Yến |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam
- Mã học phần: BAS217
- Số tín chỉ: 02 tín chỉ
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Học phần trước: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng (từ 1930 đến nay). Tổng kết những thắng lợi và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng. |
| M2 | Góp phần hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; vận dụng kiến thức môn học để nhìn nhận, đánh giá đúng đắn những vấn đề trong lịch sử, trong thực tiễn chính trị - xã hội hiện nay. |
| M3 | Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, tự hào dân tộc, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng. Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, có niềm tin vào sự lựa chọn của Đảng và dân tộc. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Nêu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| | 1.1.2 | Trình bày được quá trình vận động thành lập Đảng. Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng (từ 1930 đến nay). | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 1.1.3 | Trình bày được những thắng lợi lớn và bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo. | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá vấn đề khách quan, biện chứng | 3 |
| | 2.1.2 | Vận dụng kiến thức môn học để nhìn nhận, đánh giá đúng đắn những vấn đề trong lịch sử, trong thực tiễn chính trị - xã hội hiện nay. | 3 |
| | 2.1.3 | Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến môn học | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Nâng cao tinh thần yêu nước. Thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. | 3 |
| | 3.1.2 | Thực hiện trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2/0/4)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy chính*<br>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br>IV. Mục đích, yêu cầu của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. | 1.1.1<br>2.1.1<br>2.1.2<br>2.1.3<br>3.1.1<br>3.1.2 | 1;2 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề.<br>- Thảo luận nhóm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) (6/0/12)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy chính trên lớp*<br>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương | 1.1.2<br>2.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 - 1930)<br>II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) | 2.1.2<br>2.1.3<br>3.1.1<br>3.1.2 | | - Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề.<br>- Thảo luận nhóm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:Không* | | | |
| **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) (8/0/16)** | | | | |
| 3-6 | A. Các nội dung giảng dạy trên lớp:<br>I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 - 1954<br>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946<br>II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>2.1.3<br>3.1.1<br>3.1.2 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề.<br>- Thảo luận nhóm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 4 : Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay) (12/0/24)** | | | | |
| 6 - 10 | A. Các nội dung giảng dạy trên lớp:<br>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng xã hội chủ nghĩa bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)<br>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay) | 1.1.2<br>1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>2.1.3<br>3.1.1<br>3.1.2 | 1; 2; 3; 4 5; 6 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề.<br>- Thảo luận nhóm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Tuần 8: Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | | |
| **Hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần (1/0/2)** | | | | |
| 10 | - Tổng hợp các nội dung đã học, ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên. | 1.1.1<br>1.1.2<br>1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>2.1.3<br>3.1.1<br>3.1.2 | 1;2;3;4;5;6 | - Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Chương nhập môn + Chương 1 | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1 2.1.2; 2.1.3; 3.1.1 3.1.2 | 13,3 |
| Tự luận/Vấn đáp/khác | Chương 2 | Tuần 8 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.2; 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.1; 3.1.2 | 13,3 |
| Tự luận/Vấn đáp/khác | Chương 3 | Tuần 10 | Bài tập nộp+ chuyên cần | 1.1.1; 1.1.2; 1.1.3; 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3 3.1.1; 3.1.2 | 13,4 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.1; 1.1.2; 1.1.3; 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3 3.1.1; 3.1.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được khái niệm Đảng cộng sản Việt Nam<br>- Trình bày được sự ra đời của ĐCSVN, nội dung Đảng lãnh đạo CMVN từ khi Đảng ra đời cho đến nay | 40 |
| | Hiểu | - Tính tất yếu của sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, con đường cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa.<br>- Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng các kiến thức của môn học vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.<br>- Tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo<br>- Nhận diện những vấn đề về "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" và thực hiện đúng theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. | 20 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2021

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 - 2004, T1,2,3,4, 6, 9, 13, 14, 15, 16, 17,18, 19,20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 33.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh Email: vananhnguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Vân Email: ntvan@tnut.edu.vn
3. ThS. Trương Thị Thùy Liên Email: thuylienktcn@gmail.com
4. ThS. Nguyễn Thị Nga Email: nguyennga209@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng BM | Tổ trưởng | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | TS. Nguyễn Thị Vân Anh | TS. Nguyễn Thị Vân Anh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh ideology
- Mã học phần: BAS110
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Các học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Các học phần song hành: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. |
| M2 | *Về kĩ năng:* Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để nhìn nhận, đánh giá các vấn đề trong lịch sử, trong thực tiễn chính trị - xã hội hiện nay. |
| M3 | *Về thái độ:* Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có ý thức, trách nhiệm trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của bản thân. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Nêu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| | 1.1.2 | Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Minh và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh | |
| | 1.1.3 | Trình bày được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá vấn đề khách quan, biện chứng | 3 |
| | 2.1.2 | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để nhìn nhận, đánh giá các vấn đề trong lịch sử, trong thực tiễn chính trị - xã hội hiện nay. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng và xác định trách nhiệm của bản thân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh (2/0/0)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>II. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu<br>III. Ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | 1.1.1<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | | | |
| **Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh(6/0/0)** | | | | |
| 1-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh<br>III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (6/0/0)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc<br>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam<br>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH<br>IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | | | |
| | **Tuần 4: Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân (6/0/0)** | | | | |
| 5-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam<br>II.Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước Việt Nam<br>III. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | | | |
| **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế (4/0/0)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc<br>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế<br>III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong giai đoạn hiện nay | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | | | |
| | **Tuần 8: Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người (6/0/0)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa<br>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức<br>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người<br>IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1 | 1;2;3 | - Thuyết trình<br>- Đàm thoại<br>- Trực quan<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | | | |
| | **Tuần 10: Ôn tập 1 tiết + Bài tập nộp (1/0/2)** | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Chương 1 + 2 | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.2; 2.1.1 2.1.2; 3.1.1 | 13,3 |
| Tự luận | Chương 3 + 4 + 5 | Tuần 8 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 3.1.1 | 13,3 |
| Bài tập + chuyên cần | Chương 6 | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 3.1.1 | 13,4 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 3.1.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Nêu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>- Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh<br>- Trình bày được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. | 40 |
| | Hiểu | - Nêu được vai trò, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2021

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội, 2004.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội, 1997-2010

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1. TS. Lương Thị Thúy Nga | Email:luongnga@tnut.edu.vn |
| 2. ThS.Phạm Thị Cẩm Ly | Email: ptcamly80@tnut.edu.vn |
| 3. ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng | Email: ntthuhang@tnut.edu.vn |
| 4. ThS. Ngô Thị Phương Thảo | Email: ngophuongthao@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng BM | Tổ trưởng | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| **TS. Nguyễn Thị Thu Thủy** | **TS. Lương Thị Thúy Nga** | **TS. Lương Thị Thúy Nga** |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÁC SUẤT THỐNG KÊ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Xác suất thống kê
- Tên tiếng Anh: Probability and Statistics
- Mã học phần: BAS0210
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Kiến thức cơ bản về Xác suất, các phép tính của tính xác suất; các kiến thức về đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất; về ước lượng tham số của đại lượng ngẫu nhiên; về kiểm định giả thiết thống kê; về tương quan và hồi quy.<br>- Vận dụng các kiến thức trên để giải quyết các bài toán ứng dụng trong đời sống, kinh tế, xã hội. |
| M2 | - Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận để giải quyết các bài toán theo yêu cầu đặt ra.<br>- Kỹ năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu tài liệu. |
| M3 | - Chủ động, kiên trì tìm tòi phương pháp giải quyết các bài toán. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | - Nhắc lại được các khái niệm về xác suất, các phép tính cơ bản và các công thức tính xác suất; Mô tả được các đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất; cách ước lượng tham số của đại lượng ngẫu nhiên; bài toán tương quan và hồi quy. Phân loại các phương pháp kiểm định giả thiết thống kê.<br>- Mô tả bài toán thống kê dựa trên các số liệu đầu vào. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 1.1.2 | - Vận dụng các kiến thức trên để giải quyết các bài toán ứng dụng trong đời sống kinh tế, xã hội. | 3 |
| M2 | 2.1.1 | - Phân loại các dạng bài tập. | 2 |
| | 2.3.1 | - Giải quyết bài toán phù hợp với phương pháp lựa chọn. | 2 |
| M3 | 2.4.2 | - Chủ động trong việc tìm tòi các phương pháp giải quyết các bài toán. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần xác suất thống kê là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và các phép tính về xác suất (8/0/16)** | | | | |
| 1-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1 Phép thử ngẫu nhiên.<br>1.2. Khái niệm xác suất<br>1.3. Xác suất có điều kiện<br>1.4. Các quy tắc suy diễn xác suất: công thức cộng, công thức nhân<br>1.5. Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes<br>1.6. Công thức Bernoulli | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | [1] | Thuyết trình, vấp đáp, trao đổi, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2. Đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất (4/0/8)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Đại lượng ngẫu nhiên<br>2.2. Đại lượng nhiên rời rạc. Phân phối xác suất rời rạc<br>2.3. Đại lượng nhiên liên tục. Hàm phân phối xác suất và hàm mật độ của đại lượng ngẫu nhiên liên tục<br>2.4. Kỳ vọng toán học của đại lượng ngẫu nhiên | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | [1]; [2] [3]; [4] | Thuyết trình, vấn đáp, trao đổi, thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2.5. Phương sai và độ lệch chuẩn<br>2.6. Các đặc trưng số khác của đại lượng ngẫu nhiên<br>2.7. Một số dạng phân phối của đại lượng ngẫu nhiên | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3. Lý thuyết mẫu và ước lượng tham số của đại lượng ngẫu nhiên (6/0/12)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Lý thuyết mẫu<br>3.1.1 Mẫu ngẫu nhiên<br>3.1.2 Các đặc trưng mẫu (kỳ vọng và phương sai)<br>3.1.3 Tính toán các đặc trưng mẫu<br>3.2. Ước lượng điểm và ước lượng khoảng<br>3.2.1 Khoảng tin cậy<br>3.2.2 Khoảng tin cậy cho kỳ vọng<br>3.2.3 Khoảng tin cậy cho tỷ lệ | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | [1]; [2] [3]; [4] | Thuyết trình, vấn đáp, trao đổi, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4. Kiểm định giả thiết thống kê (6/0/12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Khái niệm chung<br>4.2. Quy tắc kiểm định giả thiết thống kê<br>4.3. Kiểm định tham số. | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | [1]; [2] [3]; [4] | Thuyết trình, vấn đáp, trao đổi, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5. Tương quan và hồi quy (4/0/8)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1 Tương quan, hệ số tương quan mẫu<br>5.2 Mô hình hồi quy tuyến tính | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | [1]; [2] [3]; [4] | Thuyết trình, vấn đáp, trao đổi, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các kiến thức Chương 1, Chương 2 | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.3.1 2.4.2 | 15 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các kiến thức Chương 3, Chương 4 | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.3.1<br>2.4.2 | 15 |
| Chuyên cần | | Cả học kỳ | | | 10 |
| Tự luận | Toàn bộ nội dung chương trình | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.3.1<br>2.4.2 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Xác định được các công thức cần sử dụng trong bài.<br>- Mô tả, ghi nhớ được các phương pháp giải các bài toán tương ứng. | 30 |
| | Hiểu | - Thuyết minh, giải thích được các thông số, dữ liệu đầu vào của các bài toán.<br>- Lựa chọn được phương pháp giải phù hợp. | 30 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng công thức, phương pháp vào tính toán giải quyết các bài toán cụ thể. | 40 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1] Nguyễn Cao Văn; Trần Thái Ninh - *Giáo trình lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán* - Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2005.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2] *Bài giảng môn Xác suất thống kê* do bộ môn Toán trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp biên soạn.

[3]. Doulas C.Montgomery, George C.Runger, *Applied Statistics and Probability for Engineers*, 3rd, 2002.

[4]. Sheldon M.Ross, *Probability and statistics for Engineers and Scientists*, Department of Industrial Engineering and Operations Research University of California, Berkeley, 2004

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Vũ Hồng Quân — Email: vuhongquan@tnut.edu.vn

2. ThS.GVC Phạm Thị Thu Hằng — Email:phamthithuhang@tnut.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Xuân Mai — Email:nguyenthixuanmai@tnut.edu.vn

4. ThS. Lê Bích Ngọc Email: lebichngoc@tnut.edu.vn

5. ThS. Ngô Văn Giang Email: ngovangiang@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Vũ Hồng Quân | ThS. Nguyễn Thị Xuân Mai |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Tên tiếng Anh: English 1
- Mã học phần: ENG112
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2. |
| M2 | Rèn luyện cho người học năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, và giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ đầu của trình độ A2. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Sử dụng tiếng Anh để thực hiện một số các giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hàng ngày | 3 |
| M2 | 2.4.6 | Tự học tiếng Anh, chủ động tiếp thu kiến thức. | 3 |
| | 3.1.2 | Làm việc cặp, nhóm hiệu quả | 3 |
| | 3.2.3 | Giao tiếp bằng văn bản viết | 3 |
| | 3.2.6 | Thuyết trình, giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ đầu của trình độ A2. | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản liên quan tới một số chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở

cấp độ đầu của trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **UNIT 1: PEOPLE (7/0/21)** | | | | |
| 1-2 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**1.1. Explorers**<br>Vocabulary: personal information<br>Grammar: be (am/is/are)<br>Pronunciation: contracted form<br>**1.2. A family in East Africa**<br>Reading: an article about a family of explorers<br>Vocabulary: Family<br>Grammar: possessive 's and possessive adjectives<br>Pronunciation: the same or different sounds<br>Speaking: ask and answer about some personal information<br>**1.3. The face of seven billion people**<br>Reading: the face of seven billion people<br>Critical thinking :the writer's purpose<br>Vocabulary: everyday verbs<br>Word focus: preposition "in"<br>Speaking: asking and answering questions<br>**1.4. At a conference**<br>Speaking: Spelling the words<br>Listening: conversations<br>Real life: meeting people for the first time<br>**1.5. Introduce yourself**<br>Writing: a personal description<br>Writing skill: *and, but*<br>**1.6. World party**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không.** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **UNIT 2: POSSESSIONS (7/0/21)** | | | | |
| 2-3 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**2.1. Possessions**<br>Vocabulary: everyday objects<br>Grammar: plural nouns; this, that, these, those<br>Listening: an interview with Andy Torbet<br>Speaking: ask and answer about things<br>**2.2. At home**<br>Reading: A place called home<br>Vocabulary: furniture<br>Grammar: there is/are, prepositions of place<br>Writing and speaking: Describe a room<br>**2.3. Global objects**<br>Reading: Global objects<br>Critical thinking: close reading<br>Vocabulary: countries and nationalities<br>Speaking: where things are from<br>**2.4. At the shop**<br>Real life: shopping<br>Word focus: one/ ones<br>Pronunciation: contrastive stress<br>**2.5. For sale**<br>Writing: adverts<br>Vocabulary: adjectives<br>Writing skill: describing objects with adjectives<br>**2.6. Coober Pedy's opals**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 3: PLACES (7/0/21)** | | | | |
| 4-5 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**3.1. No-car zones**<br>Reading: an article about no-car zones<br>Vocabulary: adjectives about cities.<br>Grammar: present simple (I/you/we/they)<br>Listening: an interview with a student living in | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | London<br>Grammar: present simple questions<br>Speaking: Ask and answer questions<br>**3.2. Working under the sea**<br>Vocabulary: places of work<br>Listening: an interview with Beverley Goodman<br>Word focus: work<br>Grammar: present simple (he/she/it)<br>Pronunciation: -s endings<br>Speaking: exchange the information to complete a fact file<br>**3.3. Places and languages**<br>Reading and vocabulary: places and languages<br>Critical thinking: relevance<br>Vocabulary: cardinal and ordinal numbers<br>Speaking: tell about numbers<br>**3.4. The city of Atlanta**<br>Vocabulary: places in a city<br>Real life: giving directions<br>**3.5. Describing a place**<br>Writing: a travel website<br>**3.6. Cowley Road**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | | | |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:** Không | | | |
| **UNIT 4: FREE TIME (7/0/021)** | | | | |
| 6-7 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**4.1. 100% identical?**<br>Reading: an article about identical twins<br>Vocabulary: free-time activities<br>Grammar: like/love + -ing<br>Speaking: Ask and answer about likes and dislikes<br>**4.2. Free time at work**<br>Reading: an article about a nature photographer<br>Grammar: adverbs of frequency; expressions of | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | frequency<br>Listening: an interview with Norbert Rosing<br>Speaking: Ask and answer questions<br>**4.3. Extreme sports**<br>Vocabulary: sports<br>Reading: extreme sports<br>Critical thinking: fact or opinion<br>Grammar: can/can't<br>Speaking: Ask and answer questions<br>**4.4. In your gap year**<br>Reading: an advert for volunteer work<br>Real life: talking about abilities and interests<br>**4.5. You have an email**<br>Writing short emails<br>Writing skill: reference words<br>**4.6. In my free time**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | | | |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:** Không | | | |
| **UNIT 5: FOOD (7/0/021)** | | | | |
| 7-8 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**5.1. Famous for food**<br>Vocabulary: Food<br>Speaking and listening: famous for food<br>Grammar: countable and uncountable nouns<br>**5.2. Food markets**<br>Reading: Top 5 food markets<br>Grammar: a lot of, not much, not many; how many, how much<br>Listening and Vocabulary: quantities and containers<br>Speaking: asking for food<br>**5.3. The seed vault**<br>Reading: The seed vault<br>Word focus: of Critical thinking: summarizing<br>Speaking: summarizing<br>**5.4. At the restaurant** | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Speaking and vocabulary:<br>Real life: ordering a meal<br>**5.5. What do I do next?**<br>Writing: instructions<br>**5.6. Gelato University**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | | | |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:** Không | | | |
| **UNIT 6: FOOD (8/0/24)** | | | | |
| 9-10 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**6.1. The face of money**<br>Reading: A face of money<br>Vocabulary: age<br>Grammar: was/were<br>Writing and Speaking<br>**6.2. Discover the past**<br>Listening:<br>Vocabulary: -ed/-ing adjectives<br>Reading: Anglo-Saxon gold under the ground<br>Grammar: past simple (affirmative) with regular and irregular verbs<br>Speaking:<br>**6.3. A cashless world?**<br>Reading: A cashless world?<br>Critical thinking: relevance<br>Speaking<br>**6.4. Help!**<br>Listening<br>Real life: requesting<br>**6.5. Thanks!**<br>Writing: thank for messages<br>**6.6. Bactrian treasure**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:** Không | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận/ vấn đáp | Units 1-3 | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 3.2.3 3.2.6 | 13,33 |
| Tự luận/ vấn đáp | Units 4-5 | Tuần 8 | Bài kiểm tra quá trình 2 | 1.1.1; 3.2.3 3.2.6 | 13,33 |
| Bài tập | Units 1-6 | Tuần 1-Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.1.1; 2.4.6 3.1.2; 3.2.3 3.2.6 | 13,33 |
| Vấn đáp | Units 1-6 | Theo kế hoạch thi kết thúc học phần | Bài thi kết thúc học phần | 1.1.1; 3.1.2 3.2.3; 3.2.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ cách phát âm, nghĩa của các từ đã học, và các cấu trúc câu trong học phần | 30 |
| | Hiểu | Phân loại các từ đã học; mô tả và thảo luận được các chủ đề về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích, địa điểm nổi tiếng, hoạt động thời gian rảnh, và đồ ăn yêu thích; đưa ra ví dụ áp dụng các cấu trúc câu trong học phần | 30 |
| 2 | Áp dụng | Sử dụng các từ vựng và cấu trúc đã học để nói về các chủ đề đã học trong khoảng 1-2 phút; nghe hiểu và tham gia được 1 số tình huống giao tiếp đơn giản; viết câu đơn, câu ghép, đoạn ngắn sử dụng cấu trúc phù hợp, liên quan đến các chủ đề đã học; đọc hiểu và nghe hiểu các văn bản, hội thoại, độc thoại ngắn, đơn giản về các chủ đề đã học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện, tìm ý chính và tìm thông tin chi tiết | 30 |
| 3 | Sáng tạo | Tạo ra các cuộc hội thoại, bài nói, viết (theo các chủ đề đã học) 1 cách chính xác và lưu loát | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1] Helen Stephenson, Paul Dummentt, John Hughes, Life – *A1-A2 - Student's Book National Geographic Learning*, 2015.

[2] Nhóm các Giảng viên Bộ môn Ngoại ngữ-Khoa Quốc tế-ĐHKTCN, *Tiếng Anh Cơ bản và Bài tập Bổ trợ - Trình độ A2 (tập 1)*. NXB ĐHTN, 2020

*8.2. Sách tham khảo:*

[3] McCarthy M. and O'Dell F. English Vocabulary in Use - Elementary. Cambridge University Press, 2004.

[4] Murphy, R. Essential Grammar in Use. Cambridge University Press, 2004.

[5] Jack C. Richards. Basic Tactics for Listening – Second edition. Oxford University Press, 2003

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Phùng Thị Thu Hà Email: thuha@tnut.edu.vn
2. TS. Hoàng Hương Ly Email: hoanghuongly@tnut.edu.vn
3. ThS. Hoàng Thị Thắm Email: hoangtham@tnut.edu.vn
4. ThS. Nguyễn Thị Thu Linh Email: thulinh80@gmail.com
5. ThS. Vi Thị Phương Thảo Email: viphuongthao@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Tiến Hưng | TS. Phùng Thị Thu Hà | TS. Hoàng Hương Ly |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2
- Tên tiếng Anh: English 2
- Mã học phần: ENG113
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản ở nửa sau trình độ A2 |
| M2 | Rèn luyện năng lực tự học, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ A2 |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Sử dụng tiếng Anh được học trong học phần để hoàn thành các bài tập trong học phần và thực hiện các giao tiếp đơn giản, thường ngày ở trình độ A2 | 3 |
| M2 | 2.4.6 | Tự học tiếng Anh, chủ động tiếp thu kiến thức. | 3 |
| | 3.1.2 | Làm việc cặp, nhóm theo hướng dẫn. | 3 |
| | 3.2.3 | Giao tiếp bằng văn bản viết. | 3 |
| | 3.2.6 | Thuyết trình, giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ A2. | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

## 5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| **UNIT 7. JOURNEYS (7/0/21)** | | | | |
| 1-2 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**7a. Flight of the Silver Queen**<br>Reading<br>Grammar: past simple in negatives, questions and short answers<br>Listening<br>Speaking<br>**7b. Animal migrations**<br>Vocabulary: journey adjectives<br>Listening:<br>Grammar: comparative adjectives<br>Word focus: than<br>Speaking<br>**7c. The longest journey in space**<br>Reading:<br>Grammar: superlative adjectives<br>Writing and speaking<br>**7d. How was your trip?**<br>Vocabulary: journey, travel or trip?<br>Real life: asking about a trip<br>**7e. The digital nomad**<br>Vocabulary: online writing<br>Writing: a travel blog<br>**7f. Women in space**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 8. APPEARANCE (7/0/21)** | | | | |
| 2-3 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**8a. The faces of festivals**<br>Listening<br>Grammar: have got/has got<br>Vocabulary: face and appearance | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Speaking<br>**8b. Global fashion**<br>Reading<br>Word focus: like<br>Grammar: present continuous<br>Vocabulary: clothes<br>Speaking<br>**8c. In fashion or for life?**<br>Reading<br>Critical thinking: close reading<br>Vocabulary: parts of the body<br>Speaking<br>**8d. The photos of Reinier Gerritsen**<br>Real life: talking about pictures and photos<br>**8e. How R U?**<br>Speaking and reading:<br>Writing: texts and online messages<br>**8f. Festivals and special events**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 3.2.6 | | quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 9. FILM AND THE ARTS (7/0/21)** | | | | |
| 4-5 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**9a. All roads film festival**<br>Vocabulary: types of film<br>Reading<br>Listening<br>Grammar: going to (for plans)<br>Speaking<br>**9b. People in film and the arts**<br>Vocabulary: art and entertainment<br>Reading<br>Listening<br>Grammar: infinitive of purpose<br>Speaking<br>**9c. Nature in art**<br>Vocabulary: nature | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Reading:<br>Critical thinking: the writer's preferences<br>Speaking:<br>**9d. Making arrangements**<br>Listening<br>Real life: inviting and making arrangement<br>**9e. It looks amazing!**<br>Writing: reviews and comments<br>**9f. Camera traps**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | | | |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 10. SCIENCE (7/0/21)** | | | | |
| 6-7 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**10a. Technology has changed our life**<br>Vocabulary: everyday technology<br>Reading and listening:<br>Grammar: present perfect<br>Speaking<br>**10b. How well can you remember?**<br>Speaking and reading:<br>Vocabulary: memory and learning<br>Listening<br>Grammar: present perfect and past simple<br>Speaking<br>**10c. Why haven't scientists invented it?**<br>Vocabulary: science and invention<br>Reading<br>Critical thinking: the main argument and supporting information<br>Writing<br>**10d. Problems with technology**<br>Listening<br>Real life: checking and clarifying<br>**10e. Please leave a message after the tone**<br>Vocabulary: email addresses and websites<br>Writing: a telephone message | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **10f. Memory and language learning**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | | | |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 11. TOURISM (7/0/21)** | | | | |
| 7-8 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**11a. Going on holiday**<br>Reading: a quiz from a travel magazine; a tourist information leaflet; a travel article.<br>Listening<br>Word focus: take<br>Grammar: should/shouldn't<br>Speaking<br>**11b. Planning a holiday**<br>Reading<br>Vocabulary: in another country<br>Grammar: have to/don't have to; can/can't<br>Writing and speaking<br>**11c. Should I go there?**<br>Reading<br>Critical thinking: arguments for and against<br>Grammar: everywhere, somewhere, nowhere, anywhere<br>Writing<br>**11d. A holiday in South America**<br>Listening<br>Real life: making suggestions<br>**11e. Your feedback**<br>Speaking<br>Writing: a feedback form<br>Writing skill: closed and open questions<br>**11f. Mecca and the Hajj**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 12. THE EARTH (8/0/24)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9-10 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>**12a. Climate change**<br>Vocabulary: measurements<br>Reading<br>Grammar: will/won't<br>Writing and speaking<br>**12b. Exploring the Earth**<br>Reading and vocabulary: land and water<br>Grammar: definite *the* or *no* article + names<br>Listening<br>Word focus: *how*<br>Speaking<br>**12c. Looking for a new Earth**<br>Speaking<br>Reading<br>Vocabulary: the Earth and other planets<br>Critical thinking: structuring an argument<br>Speaking<br>**12d. Earth Day**<br>Reading<br>Real life: making presentation<br>Pronunciation: pausing on commas<br>**12e. Planning an event**<br>Writing a poster<br>**12f. Volcanoes**<br>Before you watch<br>While you watch<br>After you watch | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận/Vấn đáp | Units 7-9 | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1<br>3.2.3<br>3.2.6 | 13,33 |
| Tự luận/Vấn đáp | Units 10-11 | Tuần 8 | Bài kiểm tra quá trình 2 | | 13,33 |
| Bài tập | Units 7-12 | Tuần 1- | Bài tập nộp | 1.1.1; 2.4.6 | 13,33 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tuần 10 | | 3.1.2; 3.2.3<br>3.2.6 | |
| Vấn đáp | Units 7-12 | Theo lịch thi kết thúc học phần | Thi cuối kỳ | 1.1.1<br>3.2.3<br>3.2.6 | 60 |
| Tự luận/Vấn đáp | Units 7-9 | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình 1 | | 13,33 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Biết cách phát âm và nghĩa của các từ đã học, ghi nhớ các cấu trúc câu trong học phần | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được cách sử dụng của các từ đã học, các cấu trúc câu trong học phần | 30 |
| 2 | Áp dụng | Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để nói về các chủ đề đã học trong khoảng 2 phút, nghe hiểu và tham gia được các tình huống giao tiếp đơn giản, viết câu đơn, câu ghép, đoạn ngắn sử dụng cấu trúc phù hợp, liên quan đến các chủ đề đã học, đọc hiểu và nghe hiểu các văn bản, hội thoại, độc thoại ngắn, đơn giản về các chủ đề đã học trong học phần, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện, tìm ý chính và tìm thông tin chi tiết | 30 |
| 3 | Sáng tạo | Tạo ra các cuộc hội thoại, bài nói, viết (theo các chủ đề đã học) 1 cách chính xác và lưu loát | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1] Helen Stephenson, Paul Dummentt, John Hughes, Life – *A1-A2 - Student's Book National Geographic Learning*, 2015.

[2] Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Quốc tế - ĐHKTCN, *Tiếng Anh Cơ bản và Bài tập Bổ trợ - Trình độ A2 (Tập 2)*. NXB Hà Nội, 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[3] McCarthy M. and O'Dell F. *English Vocabulary in Use - Elementary*. Cambridge University Press, 2004.

[4] Murphy, R. *Essential Grammar in Use*. Cambridge University Press, 2004.

[5] Jack C. Richards. *Basic Tactics for Listening* – Second edition. Oxford University Press, 2003

**9. Phụ trách học phần:**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Hương Lý Email: huongly3110@gmail.com

| | |
|---|---|
| 2. ThS. Nguyễn Thu Hương | Email: nguyenthuhuongtnut@gmail.com |
| 3. ThS. Dương Thị Thảo | Email: duongthaotnut.edu@gmail.com |
| 4. ThS. Nguyễn Thị Thu Linh | Email: thulinh80@gmail.com |
| 5. ThS. Phạm Ái Linh | Email: phamailinh2018@gmail.com |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Tiến Hưng | TS. Phùng Thị Thu Hà | TS. Phùng Thị Thu Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 3
- Tên tiếng Anh: English 3
- Mã học phần: ENG217
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Tiếng Anh 1, 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp ở cấp độ đầu của trình độ B1 |
| M2 | Rèn luyện năng lực tự học, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giao tiếp bằng tiếng Anh |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Sử dụng tiếng Anh được học trong học phần để hoàn thành các bài tập trong học phần và thực hiện các giao tiếp đơn giản, thường ngày ở trình độ B1 | 3 |
| M2 | 2.4.6 | Tự học tiếng Anh, chủ động tiếp thu kiến thức. | 3 |
| | 3.1.2 | Làm việc cặp, nhóm hiệu quả. | 3 |
| | 3.2.3 | Giao tiếp bằng văn bản viết. | 3 |
| | 3.2.6 | Thuyết trình, giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ đầu của trình độ B1. | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ đầu của trình độ B1. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| **UNIT 1. HOMES AND HABITS (7/0/21)** | | | | |
| 1-2 | **A. Các nội dung giảng dạy- học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Listening**<br>**3. Reading**<br>**4. Grammar**<br>Frequency adverbs and question forms<br>Present simple and present continuous; state verbs<br>Expressions of quantity, prepositions of place<br>**5. Vocabulary**<br>House and home<br>Countable and uncountable nouns<br>**6. Speaking** - Part 1<br>**7. Writing** - Part 1 | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 2. STUDENT DAYS (7/0/21)** | | | | |
| 2-3 | **A. Các nội dung giảng dạy- học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Reading** – Part 3<br>**3. Vocabulary:** Take, sit, pass, fail, lose, miss, learn, teach and study<br>**4. Grammar:** Past simple; used to<br>**5. Listening** – Part 1<br>**6. Reading** - Part 1<br>**7. Speaking** – Part 4<br>**8. Writing** – Part 1 | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 3. OUR WORLD (7/0/21)** | | | | |
| 4-5 | **A. Các nội dung giảng dạy - học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Reading** – Part 3<br>**3. Vocabulary;** Travel, journey and trip<br>**4. Grammar:** Comparative and superlative | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | adjectives; (not) as…as<br>**5. Vocabulary:** Buildings and places<br>**6. Listening** - Part 3<br>**7. Writing** – Part 3 | | | |
| 4-5 | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 4. LEISURE AND FASHION (7/0/21)** | | | | |
| 6-7 | **A. Các nội dung giảng dạy - học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Reading** – Part 2<br>**3. Vocabulary**<br>Going out<br>**4. Grammar**<br>Present perfect<br>**5. Listening** - Part 1<br>**6. Speaking** – Part 4<br>**7. Writing** – Part 2 | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 5. OUT AND ABOUT (7/0/21)** | | | | |
| 7-8 | **A. Các nội dung giảng dạy - học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Listening** – Part 2<br>**3. Vocabulary**<br>Extremely, fairly, quite, rather, really and very<br>**4. Grammar**<br>The future: Will, going to, present continuous and present simple<br>**5. Reading** - Part 1<br>**6. Vocabulary**<br>Compound words<br>**7. Speaking** – Part 2<br>**7. Writing** – Part 1 | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2<br>3.2.3<br>3.2.6 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, thảo luận, dạy học trực quan |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |
| **UNIT 6. FIT AND HEALTHY (7/0/21)** | | | | |
| 9-10 | **A. Các nội dung giảng dạy - học tập**<br>**1. Starting off**<br>**2. Listening** – Part 4 | 1.1.1<br>2.4.6<br>3.1.2 | 1,2,3,4,5 | Vấn đáp, thuyết trình, giải thích, |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **3. Vocabulary**<br>Illnesses and accidents<br>**4. Grammar**<br>Defining and non-defining relative clauses<br>**5. Vocabulary**<br>Sport<br>**6. Reading** - Part 5<br>**7. Speaking** - Part 2<br>**8. Writing** - Part 3 | 3.2.3<br>3.2.6 | | thảo luận, dạy học trực quan. |
| | **B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận/Vấn đáp | Units 1-3 | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 3.2.3<br>3.2.6 | 13,33 |
| Tự luận/Vấn đáp | Units 4-5 | Tuần 8 | Bài kiểm tra quá trình 2 | | 13,33 |
| Bài tập | Units 1-6 | Tuần 1-Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.1.1; 2.4.6<br>3.1.2; 3.2.3<br>3.2.6 | 13,33 |
| Vấn đáp | Units 1-6 | Theo lịch thi kết thúc học phần | Thi cuối kỳ | 1.1.1<br>3.2.3<br>3.2.6 | 60 |
| Tự luận/Vấn đáp | Units 1-3 | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình 1 | | 13,33 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Biết cách phát âm và nghĩa của các từ đã học, ghi nhớ các cấu trúc câu trong học phần | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được cách sử dụng của các từ đã học, các cấu trúc câu trong học phần | 20 |
| 2 | Áp dụng | Sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để nói về các chủ đề đã học trong khoảng 2 phút, nghe hiểu và tham gia được các tình huống giao tiếp đơn giản, viết câu đơn, câu ghép, đoạn ngắn sử dụng cấu trúc phù hợp, liên quan đến các chủ đề đã học, đọc hiểu và nghe hiểu các văn bản, hội thoại, độc thoại ngắn, về các chủ đề đã học trong học phần, sử dụng kỹ năng tư duy | 40 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | phản biện, tìm ý chính và tìm thông tin chi tiết | |
| 3 | Sáng tạo | Tạo ra các cuộc hội thoại, bài nói, viết (theo các chủ đề đã học) 1 cách chính xác và lưu loát | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính*

[1] Emma Heyderman, Peter May. *Complete PET - Student's Book*. Cambridge University Press, 2010.

*8.2. Tài liệu tham khảo*

[2] Colins. *Work on your Vocabulary – B1*. Pulished in Vietnam, 2013.

[3] John Eastwood, *Oxford Practice Grammar – Second edition*. Oxford University Press, 1999

[4] Louise Hashemi, Barbara Thomas. *Objective - Student's Book*. Cambridge University Press.

[5] Murphy, R. *Essential Grammar in Use*. Cambridge University Press, 2004.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Phùng Thị Thu Hà — Email: thuha@tnut.edu.vn
2. TS. Hoàng Hương Ly — Email: lyhoanghuong1982@gmail.com
3. ThS. Hoàng Thị Thắm — Email: hoangtham@tnut.edu.vn
4. ThS. Phạm Ái Linh — Email: phamailinh2018@gmail.com
5. ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo — Email: thaonguyentnut@gmail.com

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Tiến Hưng | TS. Phùng Thị Thu Hà | ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC TRONG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tin học trong Kinh tế công nghiệp
- Tên tiếng Anh: Informatics in industrial economy
- Mã học phần: (đề nghị cấp mã mới)
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 10 tiết
  - Thực hành : 33 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

### 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản về máy tính và tin học sử dụng trong văn phòng như MS Word, Excel, Power Point. |
| M2 | Kỹ năng sử dụng MS. Word trong soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế;<br>Kỹ năng ứng dụng cơ bản của MS Excel trong việc giải các bài toán quy hoạch tuyến tính, quản lý tài chính, phân tích hồi quy tương quan và dự báo kinh tế, hạch toán kế toán. |

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Ứng dụng các kiến thức toán học để tiếp thu các kiến thức cơ sở | 3 |
| M2 | 2.4.1 | Thực hiện quản lý thời gian và nguồn lực | 3 |
| | 2.4.2 | Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| | 2.4.3 | Xây dựng kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành | 3 |
| | 2.5.1 | Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp | 3 |

### 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tin học trong Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Kinh tế công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong tài chính, kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo văn

bản hợp đồng kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Giới thiệu khái quát về Microsoft Word (3/13/30)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Thao tác căn bản trên MS Word<br>1.2. Thực hiện định dạng văn bản<br>1.3. Thực hiện chèn các đối tượng<br>1.4. Thao tác với bảng biểu<br>1.5. Ứng dụng thiết kế, soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế | 1.1.1<br>2.4.1<br>2.4.2 | [1] | Thuyết trình; Trình diễn mẫu; Luyện tập; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các bài tập thực hành;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 2: Giới thiệu khái quát về Microsoft Excel (4/13/30)** | | | | |
| 4-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Giới thiệu chung về MS Excel<br>2.2. Khái quát chung về công thức và hàm trong Excel<br>2.3. Giới thiệu một số hàm thông dụng trong kinh tế, tài chính và kế toán<br>2.4. Ứng dụng Microsoft Excel trong phân tích kinh tế, tài chính, kế toán<br>- Nội dung bài tập thực hành: bài tập thực hành tạo, căn chỉnh, đặt định dạng cho file Excel, các bài toán ứng dụng trong phân tích kinh tế và tài chính kế toán theo yêu cầu. | 1.1.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.4.3<br>2.5.1 | [2]; [4];[5];[6] | Thuyết trình; Trình diễn mẫu; Luyện tập; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài thực hành cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3 | | | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 3: Giới thiệu khái quát về Microsoft Power Point (3/10/30)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Giới thiệu về MS Power Point | 1.1.1<br>2.4.1 | [3] | Thuyết trình; Trình diễn mẫu; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2. Tạo bài thuyết trình cơ bản<br>3.3. Xây dựng nội dung bài thuyết trình<br>3.4. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình<br>3.5. Làm việc với các hiệu ứng và hoạt cảnh<br>3.6. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình<br>- Nội dung bài tập thực hành: bài tập thực hành tạo, căn chỉnh, đặt định dạng cho file PP, thực hành thiết kế và thuyết trình nội dung theo yêu cầu. | 2.4.2<br>2.4.3<br>2.5.1 | | Luyện tập; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Làm các bài thực hành ở cuối chương;<br>- Ôn tập các nội dung đã học | | | Luyện tập; Thực hành |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Thực hành | Soạn thảo hợp đồng theo yêu cầu | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.1.1; 2.4.1 2.4.2 | 10 |
| Thực hành | Ứng dụng MS Excel trong phân tích kinh tế, tài chính, kế toán. | Tuần 7 | | 1.1.1; 2.4.1 2.4.2; 2.4.3 2.5.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Lập báo cáo phân tích doanh thu, chi phí trong doanh nghiệp thương mại | Tuần 10 | Bài tập nộp | | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Thực hành | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.1.1; 2.4.1; 2.4.2; 2.4.3; 2.5.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ các vấn đề cơ bản liên quan đến Microsoft Excel; Word; Power point | 10 |
| | Hiểu | - Phân biệt cách soạn thảo các loại văn bản, hợp đồng kinh tế khác nhau.<br>- Phân biệt được các ứng dụng trong phân tích kinh tế, tài chính, kế toán trên môi trường Excel. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong kinh doanh | 50 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | - Vận dụng lập, trình bày một văn bản, hợp đồng, báo cáo theo quy định. | |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá phù hợp. | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Microsoft; Giáo trình hướng dẫn sử dụng Excel 2010; Microsoft Việt Nam; Năm 2010.

[2]. Microsoft; Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010; Microsoft Việt Nam; Năm 2010.

[3]. Microsoft; Giáo trình hướng dẫn sử dụng Power Point 2010; Microsoft Việt Nam; Năm 2010

[4]. ThS Trần Công Nghiệp (chủ biên); Tin học ứng dụng; NXB Khoa học và kỹ thuật; Năm 2010.

*8.2. Sách tham khảo:*

[5]. Carlberg (sách dịch); Phân tích hoạt động kinh doanh bằng excel; NXB Giáo dục; Năm 2006.

[6]. Tổng hợp và biên dịch VN- Guide; Kế toán doanh nghiệp với excel; NXB Thống kê; Năm 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
2. ThS. Ma Thị Thu Thủy Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Dương Hương Lam |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Pháp luật đại cương
- Tên tiếng anh: Introduction of laws.
- Mã học phần: FIM207
- Số tín chỉ: 2.
- Các học phần học trước: Triết học Mác- Lênin
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Hiểu biết về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, hình thức, chức năng, kiểu nhà nước;<br>Hiểu biết cơ bản về nguồn gốc, bản chất, quy phạm, quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Việt Nam;<br>Có kiến thức cơ bản về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. |
| M2 | Có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật.<br>Có thái độ đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật. |
| M3 | Phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.<br>Kỹ năng đọc hiểu các tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Trình bày được các kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật. | 2 |
| | 1.1.2 | Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.1.1 | Suy luận được văn bản pháp luật. | 3 |
| | 2.1.2 | Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong thực tế. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Xác định ý thức tuân thủ pháp luật | 3 |
| | 3.1.2 | Có thái độ đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật. | |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương về khái quát chung về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; luật hôn nhân và gia đình; luật phòng, chống tham nhũng, giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Khái quát chung về nhà nước** *(2/0/4)*<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Nguồn gốc nhà nước<br>1.2. Bản chất nhà nước<br>1.3. Đặc trưng của nhà nước<br>1.4. Hình thức nhà nước<br>1.5. Chức năng của nhà nước<br>1.6. Kiểu nhà nước<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.1 | [1] ; [2] [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| 1-2-3 | **Chương 2: Khái quát chung về pháp luật (6/0/12)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Nguồn gốc hình thành pháp luật<br>2.2. Bản chất của pháp luật<br>2.3. Quy phạm pháp luật<br>2.4. Quan hệ pháp luật<br>2.5. Thực hiện pháp luật<br>2.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý<br>2.7. Pháp chế xã hội chủ nghĩa<br>Xác định và giải quyết các tình huống pháp luật.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [2] [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3 | **Chương 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam (1/0/2)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống pháp luật<br>3.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam<br>3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam<br>3.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2 | [1] ; [2]<br>[3]; [4] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| 4 - 5 | **Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)**<br>**Chương 4: Luật Hiến pháp Việt Nam (3/0/6)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Khái quát chung về ngành Luật Hiến pháp Việt Nam<br>4.2. Một số chế định cơ bản của ngành Luật Hiến pháp Việt Nam<br>4.2.1. Chế độ chính trị<br>4.2.2. Quyền con người; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân<br>4.2.3. Chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường<br>4.2.4. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2 | [1] ; [3]<br>[2] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| 5 - 6 | ***Chương 5:*** **Luật Hành chính Việt Nam (3/0/6)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Khái quát chung về ngành luật Hành chính Việt Nam<br>5.2. Một số chế định cơ bản của ngành Luật Hành chính Việt Nam<br>5.2.1. Quản lý hành chính nhà nước<br>5.2.2. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính<br>5.2.3. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo<br>Giải bài tập tình huống về vi phạm pháp luật hành chính, bài tập khiếu nại, tố cáo.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [2]<br>[3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 - 7 | **Chương 6: Luật Dân sự Việt Nam (3/0/6)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Khái quát chung về ngành Luật Dân sự Việt Nam<br>6.2. Một số chế định cơ bản của ngành Luật Dân sự Việt Nam<br>6.2.1. Tài sản<br>6.2.2. Quyền sở hữu<br>6.2.3. Hợp đồng và trách nhiệm dân sự<br>6.2.4. Thừa kế<br>Giải bài tập chia di sản thừa kế<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [3] [4] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| 7 - 8 | **Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)**<br>**Chương 7: Luật Hình sự Việt Nam (3/0/6)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Khái quát chung về ngành Luật Hình sự Việt Nam<br>7.2. Một số chế định cơ bản của ngành Luật Hình sự Việt Nam<br>7.1.1. Tội phạm<br>7.2.2. Trách nhiệm hình sự và hình phạt | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [3] [4] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| 8 - 9 | **Chương 8: Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam (3/0/6)**<br>*A. Nội dung giảng dạy, học tập*<br>8.1. Khái quát chung về ngành luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam<br>8.2. Một số chế định cơ bản của ngành Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam<br>8.2.1. Hôn nhân<br>8.2.2. Quan hệ giữa vợ - chồng<br>8.2.3. Quan hệ giữa cha mẹ và con<br>8.2.4. Ly hôn<br>Giải bài tập tình huống về hôn nhân và gia đình<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không*** | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [3] [4] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9 - 10 | **Chương 9: Luật Phòng, chống tham nhũng (4/0/8)**<br>*A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>9.1. Khái quát chung về tham nhũng<br>9.2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng<br>9.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng<br>9.4. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***Không***<br>**Hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần; Thu bài tập nộp (1/0/2)**<br>- Tổng hợp các nội dung đã học, ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên. | 1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1] ; [3] [4] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 15 |
| Tự luận | Giải quyết các tình huống pháp lý theo quy định luật Hành chính, luật Dân sự. | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 2.1.1; 2.1.2;<br>3.1.1; 3.1.2 | 15 |
| Bài tập về nhà/Chuyên cần | Tổng hợp các nội dung kiểm tra phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra của HP | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhắc lại được kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;<br>Trình bày được nội dung cơ bản của ngành luật Hiến pháp Việt Nam, luật Hành chính Việt Nam, luật Dân sự Việt Nam, luật Hình sự Việt Nam, luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, luật Phòng chống tham nhũng. | 10 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Hiểu | Phân biệt, so sánh được các nội dung cơ bản về ngành luật Hành chính Việt Nam, luật Dân sự Việt Nam, luật Hình sự Việt Nam, luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. | 40 |
| 2 | Áp dụng | Giải quyết các bài tập tình huống pháp lý tổng hợp về thừa kế, tội phạm, vi phạm hành chính, khiếu nại - tố cáo và hôn nhân gia đình. | 40 |
| | Phân tích | Phân loại được các quy phạm pháp luật, các quan hệ pháp luật và các chế định pháp luật cơ bản trong các ngành luật: Luật Hành chính Việt Nam, luật Dân sự Việt Nam, luật Hình sự Việt Nam, luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. | 5 |
| 3 | Tổng hợp | Kết hợp được nội dung pháp lý cơ bản trong về quy định pháp luật; các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, có hướng giải quyết được những vấn đề pháp lý trên thực tiễn. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình pháp luật đại cương, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2017.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội; Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Nhà xuất bản công an nhân dân; 2013.

[3]. Các văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành có liên quan đến từng Chương của Học phần.

[4]. Ngô Thị Hồng Ánh (chủ biên), *Hướng dẫn bài tập Pháp luật đại cương,* Nxb Đại học Thái Nguyên, 2020.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. Ths. Ngô Thị Hồng Ánh — Email: ngothihonganh@tnut.edu.vn
2. Ths. Dương Thị Thùy Linh — Email: thuylinhtc@tnut.edu.vn
3. Ths. Phạm Thị Huyền — Email: phamhuyentc@tnut.edu.vn
4. Ths. Tống Thị Phương Thảo — Email: ttpt0506@gmail.com

**10. Phê duyệt:**

| Trưởng Bộ môn | Tổ trưởng tổ chuyên môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | ThS. Ngô Thị Hồng Ánh | ThS. Ngô Thị Hồng Ánh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT BẮT BUỘC

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất bắt buộc
- Tên tiếng Anh: Obligatory Physical Education
- Mã học phần: BAS0109
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khái niệm và đặc điểm của môn Điền Kinh.<br>- Nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của môn Điền kinh trên Thế giới và ở Việt Nam.<br>- Một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Điền kinh.<br>- Phương pháp tự tập luyện và phòng tránh chấn thương |
| M2 | - Thực hành thành thạo, đúng kỹ thuật các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục phát triển chung tay không<br>- Thực hành thành thạo, đúng kỹ thuật các kỹ thuật cơ bản của nội dung chạy ngắn100m<br>- Vận dụng các kỹ thuật đã học vào tập luyện và thi đấu. |
| M3 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>- Thực hiện nội quy môn học. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | - Phân biệt được kiến thức chung về môn Thể dục cơ bản và môn Điền kinh | 2 |
| | 1.1.2 | - Phân loại được các điều luật cơ bản trong môn Điền kinh | 2 |
| M2 | 2.1.1 | - Mô tả được kỹ thuật các động của bài tập đội hình – đội ngũ và bài tập thể dục phát triển chung tay không | 2 |
| | 2.1.2 | - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật động tác của bài tập đội hình – đội ngũ và bài thể dục phát triển chung tay | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 2.1.3 | - Thực hiện thành thạo được kỹ thuật chạy ở các giai đoạn trong chạy cự ly ngắn 100m | 3 |
| M3 | 3.1.1 | - Xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên. | 2 |
| | 3.1.2 | - Thực hiện nội quy môn học. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Thể dục cơ bản** | | | | |
| 1 | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:***<br>1. Kiểm tra điều kiện tập luyện và phổ biến quy định của môn học<br>2. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Thể dục<br>+ Vị trí của môn Thể dục trong hệ thống Giáo dục Thể chất.<br>+ Mục đích – ý nghĩa của thể dục cơ bản.<br>3. Bài tập phát triển thể lực chung<br>4. Các yêu cầu và nguyên tắc khi thực hiện các bài tập phát triển thể lực | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.1.3<br>3.1.1 | [1]<br>[2];[3];[4] | Giảng giải, thuyết trình; Trao đổi, thảo luận; Phương pháp phân tích kết hợp làm mẫu. |
| 2 | 1. Kỹ thuật bài tập thể dục phát triển chung tay không<br>2. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | [1];<br>[2];[3];[4] | Phương pháp phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Phần 2: BÀI TẬP ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ** | | | | |
| | ***A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*** | | | |
| 3 | Bài tập đội hình đội ngũ | 1.1.1; | [1] | Phương pháp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1. Khái niệm và nội dung bài tập đội hình đội ngũ<br>2. Khẩu lệnh bài tập đội hình đội ngũ<br>3. Kỹ thuật bài tập đội hình đội ngũ<br>4. Yêu cầu của bài tập đội hình đội ngũ<br>5. Hoàn thiện bài tập đội hình đội ngũ | 1.1.2<br>2.1.1;<br>2.1.2<br>3.1.1;<br>3.1.2 | [2];[3];[4] | phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| 4 | 1. Kết hợp thực hiện bài tập Đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung tay không<br>2. Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn | 1.1.1;<br>1.1.2<br>2.1.1;<br>2.1.2<br>3.1.1;<br>3.1.2 | [1]<br>[2];[3];[4] | Phương pháp phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| 5 | 1.Ôn tập: bài tập đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung<br>2. Kiểm tra quá trình: bài tập đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung | 1.1.1;<br>1.1.2<br>2.1.1;<br>2.1.2<br>3.1.1;<br>3.1.2 | [1]<br>[2];[3];[4] | Phương pháp quan sát sư phạm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| | **Phần 3: KỸ THUẬT CHẠY CỰ NGẮN 100M** | | | |
| | ***Nội dung giảng dạy - học tập*** | | | |
| 6 | 1. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Điền kinh<br>2. Một số nguyên lý cơ bản khi học môn Điền Kinh<br>3. Các điều luật cơ bản trong môn Điền kinh<br>4. Bài tập thể lực chuyên môn | 1.1.1;<br>1.1.3<br>2.1.3;<br>3.1.1<br>3.1.2;<br>3.1.3 | [1]<br>[2];[3];[4] | Giảng giải, thuyết trình; Trao đổi, thảo luận; Phương pháp phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| 7-8 | 1. Kỹ thuật chạy ở các giai đoạn trong chạy cự ly ngắn 100m<br>2. Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật chạy 100m<br>3. Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn | 1.1.1;<br>1.1.3<br>2.1.3;<br>3.1.1<br>3.1.2;<br>3.1.3 | [1]<br>[2];[3];[4] | Phương pháp phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| 9 | 1. Kiểm tra quá trình: Kỹ thuật chạy 60m | 1.1.1;1.<br>1.2<br>2.1.3;3.<br>1.1<br>3.1.2;3.<br>1.3 | [1]<br>[2];[3];[4] | Phân tích kết hợp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10 | Hoàn thiện kỹ thuật chạy 100m | 1.1.1; 1.1.3; 2.1.3; 3.1.1; 3.1.2; 3.1.3 | [1] [2];[3];[4] | Phân tích kết hợp thị phạm động tác |
| | *Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Kiểm tra quá trình** | | | | | **40** |
| Vấn đáp | Bài tập đội hình – đội ngũ và bài thể dục phát triển chung tay không | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1; 2.1.1 2.1.2; 2.1.3 | 20 |
| Vấn đáp | - Chạy 60m | Tuần 9 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.1; 1.1.2 2.1.3; 3.1.1 3.1.2 | 20 |
| **Thi kết thúc môn học** | | | | | **60** |
| Vấn đáp | Chạy cự ly ngắn 100m | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc | 1.1.1; 1.1.2 2.1.3; 3.1.1 3.1.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Có được những kiến thức hiểu biết chung về môn Thể dục cơ bản và môn Điền kinh | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được tác dụng của tập luyện TDTT, các nguyên lý cơ bản, một số điều luật cơ bản môn trong môn Điền kinh. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng những kiến thức học được vào thực tiễn tập luyện | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên lý, các kỹ thuật động tác của từng bài tập | 20 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra đánh giá dựa trên Barem điểm | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao ý thức tập luyện của SV và hiệu quả môn học. | 10 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ môn Giáo dục thể chất; *Bài giảng môn học Giáo dục thể chất bắt buộc*, năm 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Nguyễn Đại Dương, *Điền kinh*, Nhà xuất bản TDTT, 2006

[3]. Nguyễn Xuân Sinh, *Thể dục*, Nhà xuất bản TDTT, 2009.

[4].Ủy ban Thể dục thể thao; *Luật thi đấu Điền kinh*; NXB Thể dục thể thao; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1. ThS. Nguyễn Thị Lý | Email: nguyenthily@tnut. edu.vn |
| 2. ThS Vũ Thị Hoa | Email: vuthihoa@tnut. edu.vn |
| 3.Ths. Lưu Thanh Nga | Email: luuthanhnga@tnut. edu.vn |
| 4. Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo | Email: nguyenthiphuongthao@tnut.edu.vn |
| 5. Ths. Vũ Thế Khiêm | Email: vuthekhiem@tnut.edu.vn |
| 6. Ths. Dương Văn Tân | Email: duongvantan@tnut.edu.vn |
| 7.ThS. Hồ Bá Dũng | Email: hobadung@tnut.edu.vn |
| 8.ThS. Đan Thành Vinh | Email:danthanhvinh@tnut.edu.vn |
| 9.ThS.Nguyễn Hồng Quang | Email:nguyenhongquang@tnut.edu.vn |
| 10. ThS. Trương Đức Huy | Email:truongduchuy@tnut.edu.vn |

***10. Phê duyệt***

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Trương Đức Huy | ThS. Nguyễn Thị Lý |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN BÓNG CHUYỀN 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1)
- Tên tiếng Anh: Elective Physical Education (Volleyball 1)
- Mã học phần: B103BC1
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: GDTC bắt buộc
- Các học phần song hành: Cầu lông 1, Bóng rổ 1, Bóng đá 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khái niệm và đặc điểm của môn Bóng chuyền.<br>- Nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của môn Bóng chuyền trên Thế giới và ở Việt Nam.<br>- Một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng chuyền<br>- Phương pháp tự tập luyện và phòng tránh chấn thương |
| M2 | - Thực hành thành thạo, đảm bảo độ chính xác các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.<br>- Vận dụng các kỹ thuật, chiến cơ bản trong Bóng rổ vào tập luyện và thi đấu.<br>- Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự tập và tìm tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên. |
| M3 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>- Thực hiện nội quy môn học.<br>- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | - Phân loại được nguồn gốc lịch sử, một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng chuyền. | 2 |
| | 1.1.2 | - Phân loại và vận dụng được một số điều luật, phương pháp trọng tài cơ bản của môn Bóng chuyền. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 1.1.3 | - Mô tả và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 2 |
| M2 | 2.1.1 | - Thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. | 2 |
| | 2.1.2 | - Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong Bóng chuyền vào tập luyện và thi đấu. | 2 |
| | 2.1.3 | - Vận dụng linh hoạt 1 số kỹ chiến thuật cơ bản vào tập luyện và thi đấu | 2 |
| M3 | 3.1.1 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên. | 2 |
| | 3.1.2 | - Vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực | 3 |
| | 3.1.3 | - Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. | 2 |

**5. Mô tả tóm tắt học phần**

Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

**8. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Lý thuyết** | | | | |
| 1 | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:***<br>1. Kiểm tra điều kiện tập luyện và phổ biến quy định của môn học<br>2. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Bóng chuyền<br>- Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền<br>- Kỹ - chiến thuật cơ bản Bóng chuyền<br>- Một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài môn Bóng chuyền.<br>- Phương pháp tự tập luyện môn Bóng chuyền.<br>- Hiểu và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 3.1.1<br>3.1.2; 3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | - Giảng giải, thuyết trình<br>- Trao đổi, thảo luận<br>- Phân tích kết hợp làm mẫu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | chấn thương trong tập luyện.<br>B. *Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Phần 2: Kỹ Thuật** | | | | |
| | A. ***Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:*** | | | |
| 2 | 1. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.<br>2. Kỹ thuật di chuyển trong bóng chuyền | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 3 | 1. Bài tập khởi động và làm quen với bóng.<br>2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay.<br>3. Bài tập thể lực | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 4 | 1. Kỹ thuật chuyền cao tay<br>2. Kỹ thuật tiếp xúc bóng, hoãn xung và phối hợp lực đẩy bóng từ chân, thân người và tay | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm |
| 5 | 1. Ôn tập: kỹ thuật hình tay, kỹ thuật tiếp xúc bóng và phối hợp<br>2. Kiểm tra quá trình: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm |
| 6 | 1. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay<br>2. Kỹ thuật tiếp xúc bóng.<br>- Kỹ thuật điều khiển lực bằng chân và điều khiển hướng bóng bằng tay. | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 7 | 1. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng cao tay và thấp tay<br>2. Kỹ thuật phát bóng cao tay và kỹ thuật phát bóng thấp tay.<br>3. Bài tập thể lực. | 1.1.3; 2.1.1<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 8 | Ôn tập:<br>1.Kỹ thuật phát bóng cao tay và kỹ thuật phát bóng thấp tay.<br>2.Kỹ thuật chuyền 2 và kỹ thuật đập bóng tấn công<br>3.Ứng dụng kỹ, chiến thuật vào thi đấu.<br>4. Tổ chức thi đấu và trọng tài | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.2; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 9 | 1. Hoàn thiện các kỹ thuật tiếp xúc bóng, phối hợp lực | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 2.1.1 | | Phương pháp quan |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2. Kiểm tra quá trình: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay | 2.1.2; 2.1.3<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | | sát sư phạm; kiểm tra sư phạm; phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 10 | Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản. | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 2.1.1<br>2.1.2; 2.1.3<br>3.1.1; 3.1.2<br>3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | + PP phân tích, kết hợp thị phạm.<br>+ PP quan sát sư phạm |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

## 9. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Kiểm tra quá trình** | | | | | **40** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay. | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. | Tuần 9 | Kiểm tra quá trình 2 | 2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| **Thi kết thúc môn học** | | | | | **60** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay và thấp tay<br>- Kỹ thuật phát bóng cao tay và thấp tay | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.1<br>3.1.2; 3.1.3 | 60 |

## 10. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Có được những kiến thức hiểu biết chung về môn Bóng chuyền | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được tác dụng của tập luyện TDTT, các nguyên lý cơ bản, một số điều luật cơ bản và trọng tài môn trong môn Bóng chuyền. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào thực tiễn tập luyện và thi đấu. | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên lý, các kỹ chiến thuật của từng bài tập | 20 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra đánh giá dựa trên Barem điểm | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tập luyện, ý thức tập luyện của SV. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ môn Giáo dục thể chất; *Bài giảng môn học Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1)*, năm 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ môn Bóng chuyền Trường ĐH TDTT I, *Giáo trình giảng dạy Bóng chuyền*, 2008.

[3]. Vũ Đức Thu (1998), *Tài liệu giảng dạy bóng chuyền trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp*, NXB TDTT, năm 2008.

[4]. *Giáo trình bóng chuyền* – NXB Thể dục thể thao, 2006.

[5]. Ủy ban TDTT, *Luật thi đấu bóng chuyền* , NXB Thể dục thể thao, 2013

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1.ThS. Vũ Thế Khiêm | Email:vuthekhiem@tnut.edu.vn |
| 2.ThS. Trương Đức Huy | Email:truongduchuy@tnut.edu.vn |
| 3. ThS. Nguyễn Thị Lý | Email: nguyenthily@tnut.edu.vn |
| 4. Ths. Nguyễn Thị Phương | Email: nguyenthiphuongthao@tnut.edu.vn |
| 5. Ths. Lưu Thanh Nga | Email: luuthanhnga@tnut.edu.vn |
| 6. Ths. Dương Văn Tân | Email: duongvantan@tnut.edu.vn |
| 7.ThS. Hồ Bá Dũng | Email: hobadung@tnut.edu.vn |
| 8.ThS. Đan Thành Vinh | Email:danthanhvinh@tnut.edu.vn |
| 9.ThS.Nguyễn Hồng Quang | Email:nguyenhongquang@tnut.edu.vn |
| 10.ThS. Vũ Thị Hoa | Email:vuthihoa@tnut.edu.vn |

***10. Phê duyệt***

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Trương Đức Huy | ThS. Trương Đức Huy<br>ThS. Vũ Thế Khiêm |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN
# BÓNG ĐÁ 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá 1)
- Tên tiếng Anh: Elective Physical Education (Football 1)
- Mã học phần: **B103BD1**
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: GDTC bắt buộc
- Các học phần song hành: Cầu lông 1, Bóng chuyền 1, Bóng rổ 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khái niệm và đặc điểm của môn Bóng đá.<br>- Nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của môn Bóng đá trên Thế giới và ở Việt Nam.<br>- Một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng đá.<br>- Phương pháp tự tập luyện và phòng tránh chấn thương |
| M2 | - Thực hành thành thạo, đảm bảo độ chính xác các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.<br>- Vận dụng các kỹ thuật, chiến cơ bản trong Bóng đá vào tập luyện và thi đấu.<br>- Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự tập và tìm tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên. |
| M3 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>- Thực hiện nội quy môn học.<br>- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | - Phân loại được nguồn gốc lịch sử, một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng đá. | 2 |
| | 1.1.2 | - Phân loại và vận dụng được một số điều luật, phương pháp trọng tài cơ bản của môn Bóng đá. | 2 |
| | 1.1.3 | - Mô tả và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.1.1 | - Thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá. | 2 |
| | 2.1.2 | - Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá vào tập luyện và thi đấu. | 2 |
| | 2.1.3 | - Vận dụng linh hoạt 1 số kỹ chiến thuật cơ bản vào tập luyện và thi đấu | 2 |
| M3 | 3.1.1 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên. | 2 |
| | 3.1.2 | - Vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực | 3 |
| | 3.1.3 | - Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng đá. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

**3. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Lý thuyết** | | | | |
| 1 | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:***<br>1. Kiểm tra điều kiện tập luyện và phổ biến quy định của môn học<br>2. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Bóng đá<br>- Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng đá<br>- Kỹ - chiến thuật cơ bản Bóng đá<br>- Một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài môn Bóng đá.<br>- Phương pháp tự tập luyện môn Bóng đá.<br>- Hiểu và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 3.1.1<br>3.1.2; 3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | - Giảng giải, thuyết trình<br>- Trao đổi, thảo luận<br>- Phân tích kết hợp làm mẫu |
| | B. *Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Phần 2: Kỹ Thuật** | | | | |
| | A. ***Các nội dung giảng dạy, học tập chính*** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *trên lớp:* | | | |
| 2 | 1. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 3 | 1. Bài tập khởi động và làm quen với bóng.<br>2. Kỹ thuật tâng bóng và kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân<br>3. Bài tập thể lực | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 4 | 1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân .<br>2. Bài tập thể lực | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | + PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 5 | 1. Ôn tập: kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.<br>2. Kiểm tra quá trình: kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm |
| 6 | 1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện và mu ngoài bàn chân<br>2. Kỹ thuật dừng bóng | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 7 | 1. Ôn tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong, mu chính diện, mu ngoài<br>2. Kỹ thuật ném biên<br>3. Bài tập thể lực. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 8 | 1. Kỹ thuật dẫn bóng<br>2.Một số điều luật cơ bản trong Bóng đá.<br>3.Một số chiến thuật Bóng đá cơ bản và vận dụng. | 1.1.1; 1.1.2 2.1.2; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 9 | 1. Kiểm tra quá trình: kỹ thuật đá bóng bằng mu bàn chân<br>2. Ôn tập kỹ thuật ném biên | 1.1.1; 1.1.2 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 2.1.3 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | Phương pháp quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm; phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 10 | Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản, pháp tổ chức thi đấu và trọng tài | 1.1.1; 1.1.2 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 2.1.3 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

**4. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Kiểm tra quá trình** | | | | | **40** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật đá bóng bằng long bàn chân | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật đá bóng bằng mu bàn chân | Tuần 9 | Kiểm tra quá trình 2 | 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| **Thi kết thúc môn học** | | | | | **60** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu bàn chân<br>- Kỹ thuật ném biên | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.1 3.1.2; 3.1.3 | 60 |

**5. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Có được những kiến thức hiểu biết chung về môn Bóng đá | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được tác dụng của tập luyện TDTT, các nguyên lý cơ bản, một số điều luật cơ bản và trọng tài môn trong môn Bóng đá. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào thực tiễn tập luyện và thi đấu. | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên lý, các kỹ chiến thuật của từng bài tập | 20 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra đánh giá dựa trên Barem điểm | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tập luyện, ý thức tập luyện của SV. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ môn Giáo dục thể chất; *Bài giảng môn học Giáo dục thể chất tự chọn* (Bóng đá 1), năm 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Trần Đức Dũng; *Giáo trình Bóng đá*; NXB Thể dục thể thao; 2007.

[3]. *Hướng dẫn tập luyện kỹ chiến thuật môn bóng đá, NXB* Thể dục thể thao, 2010.

[4]. Nguyễn Thiệt Tình; *Huấn luyện giảng dạy môn bóng đá* – NXB TDTT 1997

[5]. Ủy ban Thể dục thể thao; *Luật thi đấu Bóng đá*; NXB Thể dục thể thao; 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1.ThS. Hồ Bá Dũng Email:hobadung@tnut.edu.vn

2.ThS. Đan Thành Vinh Email:danthanhvinh@tnut.edu.vn

3. Ths. Vũ Thế Khiêm Email: vuthekhiem@tnut.edu.vn

4. Ths. Dương Văn Tân Email: duongvantan@tnut.edu.vn

5.ThS.Nguyễn Hồng Quang Email: nguyenhongquang@tnut.edu.vn

6.ThS. Trương Đức Huy Email: truongduchuy@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Trương Đức Huy | ThS. Đan Thành Vinh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN
# BÓNG RỔ 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1)
- Tên tiếng Anh: Elective Physical Education (Basketball 1)
- Mã học phần: **B103BR1**
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: GDTC bắt buộc
- Các học phần song hành: Cầu lông 1, Bóng chuyền 1, Bóng đá 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khái niệm và đặc điểm của môn Bóng rổ.<br>- Nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của môn Bóng rổ trên Thế giới và ở Việt Nam.<br>- Một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng rổ.<br>- Phương pháp tự tập luyện và phòng tránh chấn thương |
| M2 | - Thực hành thành thạo, đảm bảo độ chính xác các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ.<br>- Vận dụng các kỹ thuật, chiến cơ bản trong Bóng rổ vào tập luyện và thi đấu.<br>- Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự tập và tìm tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên. |
| M3 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>- Thực hiện nội quy môn học.<br>- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | - Phân loại được nguồn gốc lịch sử, một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Bóng rổ. | 2 |
| | 1.1.2 | - Phân loại và vận dụng được một số điều luật, phương pháp trọng tài cơ bản của môn Bóng rổ. | 2 |
| | 1.1.3 | - Mô tả và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.1.1 | Thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ. | 2 |
| | 2.1.2 | Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong Bóng rổ vào tập luyện và thi đấu. | 2 |
| | 2.1.3 | Vận dụng linh hoạt 1 số kỹ chiến thuật cơ bản vào tập luyện và thi đấu | 2 |
| M3 | 3.1.1 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên. | 2 |
| | 3.1.2 | - Vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực | 3 |
| | 3.1.3 | - Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Lý thuyết** | | | | |
| 1 | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:***<br>1. Kiểm tra điều kiện tập luyện và phổ biến quy định của môn học<br>2. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Bóng rổ<br>- Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ<br>- Kỹ - chiến thuật cơ bản Bóng rổ<br>- Một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài môn Bóng rổ.<br>- Phương pháp tự tập luyện môn Bóng rổ.<br>- Hiểu và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 1.1.1; 1.1.2<br>1.1.3; 3.1.1<br>3.1.2; 3.1.3 | [1]; [2]; [3]<br>[4]; [5] | - Giảng giải, thuyết trình<br>- Trao đổi, thảo luận<br>- Phân tích kết hợp làm mẫu |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Phần 2: Kỹ Thuật** | | | | |
| | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính*** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *trên lớp:* | | | |
| 2 | 2. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 3 | 4. Bài tập khởi động và làm quen với bóng.<br>5. Kỹ thuật dẫn bóng.<br>6. Bài tập thể lực | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 4 | 1.Kỹ thuật chuyền, bắt bóng .<br>2. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 5 | 1.Ôn tập:<br>- Kỹ thuật dẫn bóng tốc độ;<br>- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai<br>3. Kiểm tra quá trình: kỹ thuật dẫn bóng tốc độ | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm |
| 6 | Kỹ thuật di động ném rổ: Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 7 | Ôn tập:<br>1. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao.<br>2.Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.<br>3. Bài tập thể lực. | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 8 | 1. Một số điều luật cơ bản trong Bóng rổ.<br>2. Một số chiến thuật Bóng rổ cơ bản và vận dụng.<br>3.Ứng dụng kỹ, chiến thuật vào thi đấu.<br>4. Tổ chức thi đấu và trọng tài<br>5. Hoàn thiện các kỹ thuật bóng rổ cơ bản | 1.1.3; 2.1.1 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 9 | Kiểm tra quá trình: kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên cao | 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.2 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | Phương pháp quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm |
| 10 | Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản. | 1.1.1; 1.1.2 1.1.3; 2.1.1 2.1.2; 2.1.3 3.1.1; 3.1.2 3.1.3 | [1]; [2]; [3] [4]; [5] | + PP phân tích, kết hợp thị phạm.<br>+ PP quan sát sư phạm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Kiểm tra quá trình** | | | | | **40** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật dẫn bóng. | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên cao. | Tuần 9 | Kiểm tra quá trình 2 | 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| **Thi kết thúc môn học** | | | | | **60** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai.<br>- Kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên cao. | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc | 1.1.1; 1.1.2 2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 3.1.1 3.1.2; 3.1.3 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Có được những kiến thức hiểu biết chung về môn Bóng rổ | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được tác dụng của tập luyện TDTT, các nguyên lý cơ bản, một số điều luật cơ bản và trọng tài môn trong môn Bóng rổ. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào thực tiễn tập luyện và thi đấu. | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên lý, các kỹ chiến thuật của từng bài tập | 20 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra đánh giá dựa trên Barem điểm | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tập luyện, ý thức tập luyện của SV. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ môn Giáo dục thể chất; *Bài giảng môn học Giáo dục thể chất tự chọn* (Bóng rổ 1), năm 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Đinh Can và Đỗ Mộng Ngọc, *Những bài tập kỹ chiến thuật Bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2001.

[3]. Phạm Văn Thảo, *Giảng dạy và tập luyện kỹ thuật Bóng rổ, NXB* Thể dục thể thao, 2012.

[4]. Nguyễn Văn Trung và cộng sự, *Giáo trình Bóng rổ, NXB* Thể dục thể thao, 2003.

[5]. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao, 2010.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1.ThS. Trương Đức Huy | Email:truongduchuy@tnut.edu.vn |
| 2.ThS. Lưu Thanh Nga | Email:luuthanhnga@tnut.edu.vn |
| 4. Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo | Email: nguyenthiphuongthao@tnut.edu.vn |
| 5. Ths. Vũ Thế Khiêm | Email: vuthekhiem@tnut.edu.vn |
| 6. Ths. Dương Văn Tân | Email: duongvantan@tnut.edu.vn |
| 7.ThS. Hồ Bá Dũng | Email: hobadung@tnut.edu.vn |
| 8.ThS. Đan Thành Vinh | Email:danthanhvinh@tnut.edu.vn |
| 9.ThS.Nguyễn Hồng Quang | Email:nguyenhongquang@tnut.edu.vn |
| 10. ThS. Vũ Thị Hoa | Email:vuthihoa@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Trương Đức Huy | ThS. Lưu Thanh Nga |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN CẦU LÔNG 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1)
- Tên tiếng Anh: Elective Physical Education (Badminton 1)
- Mã học phần: **B103CL1**
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: GDTC bắt buộc
- Các học phần song hành: Bóng rổ 1, Bóng chuyền 1, Bóng đá 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khái niệm và đặc điểm của môn Cầu lông.<br>- Nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của môn Cầu lông trên Thế giới và ở Việt Nam.<br>- Một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Cầu lông.<br>- Phương pháp tự tập luyện và phòng tránh chấn thương |
| M2 | - Thực hành thành thạo, đúng kỹ thuật các kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.<br>- Vận dụng các kỹ thuật, chiến cơ bản trong Cầu lông vào tập luyện và thi đấu.<br>- Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự tập và tìm tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên. |
| M3 | - Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>- Thực hiện nội quy môn học.<br>- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu môn Cầu lông. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Phân loại được nguồn gốc lịch sử, một số nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản trong Cầu lông. | 2 |
| | 1.1.2 | Phân biệt và vận dụng được một số điều luật, phương pháp trọng tài cơ bản của môn Cầu lông. | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 1.1.3 | Mô tả và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh chấn thương trong tập luyện. | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông. | 2 |
| | 2.1.2 | Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong Cầu lông vào tập luyện và thi đấu. | 2 |
| | 2.1.3 | Vận dụng linh hoạt 1 số kỹ chiến thuật cơ bản vào tập luyện và thi đấu | 2 |
| M3 | 3.1.1 | Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.<br>Tích cực, chủ động cập nhật kiến thức, biết hợp tác với thầy cô và bạn bè trong quá trình cập nhật kiến thức. | 2 |
| | 3.1.2 | Vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực | 3 |
| | 3.1.3 | Vận dụng làm việc theo nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề lên quan đến các nội dung kiến thức môn học. | 2 |

## 5. Mô tả tóm tắt học phần

Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

## 6. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Lý thuyết** | | | | |
| 1 | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:***<br>1. Kiểm tra điều kiện tập luyện và phổ biến quy định của môn học<br>2. Giới thiệu các kiến thức chung về môn Cầu lông<br>- Lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông<br>- Kỹ - chiến thuật cơ bản Cầu lông<br>- Một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài môn Cầu lông.<br>- Phương pháp tự tập luyện môn Cầu lông.<br>- Hiểu và vận dụng một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất và phòng tránh | 1.1.1;1.1.2<br>1.1.3;3.1.1<br>3.1.2;3.1.3 | [1]; [2]<br>[3]; [4]<br>[5] | - Giảng giải, thuyết trình<br>- Trao đổi, thảo luận<br>- Phân tích kết hợp làm mẫu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | chấn thương trong tập luyện. | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Phần 2: Kỹ Thuật** | | | | |
| | ***A. Các nội dung giảng dạy, học tập chính trên lớp:*** | | | |
| 2 | Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn. | 1.1.3;2.1.1 3.1.1;3.1.2 3.1.3 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 3 | 1. Cách cầm vợt, cầm cầu<br>2. Kỹ thuật di chuyển<br>3. Thể lực | 1.1.3;2.1.1 3.1.1;3.1.2 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 4 | Kỹ thuật giao cầu<br>1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay.<br>2.Kỹ thuật giao cầu trái tay | 1.1.3;2.1.1 3.1.1;3.1.2 3.1.3 | [1]; [2] [3]; [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 5 | 1. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay.<br>2. Ôn kỹ thuật giao cầu | 2.1.1;2.1.2 3.1.2 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | Phương pháp quan sát sư phạm; kiểm tra sư phạm |
| 6 | 1. Kỹ thuật đập cầu<br>2. Thể lực | 1.1.3;2.1.1 3.1.1;3.1.2 3.1.3 | [1]; [2] [3]; [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 7 | 1. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu<br>2. Kỹ thuật đánh cầu trên lưới. | 1.1.1;1.1.2 2.1.2;3.1.2 3.1.3 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm. |
| 8 | 1. Kỹ thuật phòng thủ<br>2. Một số chiến thuật Cầu lông cơ bản và vận dụng. | 1.1.1;1.1.2 1.1.3;2.1.1 2.1.2;2.1.3 3.1.1;3.1.2 3.1.3 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm |
| 9 | 1. Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản<br>2. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài | 2.1.1;2.1.2 2.1.3;3.1.2 | [1]; [2] [3]; [4] [5] | Phương pháp quan sát sư phạm; phân tích, kết hợp thị phạm |
| 10 | - Hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản. | 1.1.1;1.1.2 1.1.3;2.1.1 2.1.2;2.1.3 | [1]; [2] [3]; [4]; [5] | PP phân tích, kết hợp thị phạm; quan sát sư phạm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | 3.1.1;3.1.2<br>3.1.3 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

**7. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Kiểm tra quá trình** | | | | | **40** |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật giao cầu. | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| Vấn đáp | - Kỹ thuật phòng thủ | Tuần 9 | Kiểm tra quá trình 2 | 2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.2 | 20 |
| **Thi kết thúc môn học** | | | | | **60** |
| Vấn đáp | -Kỹ thuật giao cầu.<br>-Kỹ thuật đánh cầu qua đầu. | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>2.1.3; 3.1.1<br>3.1.2; 3.1.3 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Có được những kiến thức hiểu biết chung về môn Cầu lông | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được tác dụng của tập luyện TDTT, các nguyên lý cơ bản, một số điều luật cơ bản và trọng tài môn trong môn Cầu lông. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào thực tiễn tập luyện và thi đấu. | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên lý, các kỹ chiến thuật của từng bài tập | 20 |
| 3 | Đánh giá | - Nhận xét và đưa ra đánh giá dựa trên thang điểm<br>-Phân tích được kỹ thuật đã được học, đánh giá được khả năng của mình và đối thủ khi thi đấu. | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tập luyện, ý thức tập luyện của SV. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ môn Giáo dục thể chất, *Bài giảng môn học Giáo dục thể chất (môn cầu lông*, 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Bộ môn cầu lông Trường ĐH TDTT I, *Giáo trình giảng dạy cầu lông, 2008.*

[3]. *Giáo trình cầu lông*, NXB Thể dục thể thao, năm 2003.

[4]. Lê Thanh Sang, *Tập đánh cầu lông*, NXB Thể dục thể thao, năm 2010.

[5]. Ủy ban TDTT, *Luật cầu lông*, NXB Thể dục thể thao, năm 2010.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1. ThS.Dương Văn Tân | Email:duongvantan@tnut.edu.vn |
| 2. ThS.Nguyễn Hồng Quang | Email:nguyenhongquang@tnut.edu.vn |
| 3. Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo | Email: nguyenthiphuongthao@tnut.edu.vn |
| 4.ThS. Lưu Thanh Nga | Email:luuthanhnga@tnut.edu.vn |
| 5. Ths. Vũ Thế Khiêm | Email: vuthekhiem@tnut.edu.vn |
| 6.ThS. Hồ Bá Dũng | Email: hobadung@tnut.edu.vn |
| 7.ThS. Đan Thành Vinh | Email:danthanhvinh@tnut.edu.vn |
| 8.ThS. Vũ Thị Hoa | Email:vuthihoa@tnut.edu.vn |
| 9.ThS NguyễnThị Lý | Email:nguyenthily@tnut.edu.vn |
| 10. ThS. Trương Đức Huy | Email:truongduchuy@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Phạm Minh Tân | ThS. Trương Đức Huy | ThS. Nguyễn Hồng Quang |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế
- Tên tiếng Anh: History of economic theories
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

### 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Kiến thức cơ bản về hệ thống các quan điểm kinh tế, các trường phái kinh tế qua các thời kỳ lịch sử;<br>- Áp dụng các học thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội |
| M2 | - Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;<br>- Kỹ năng phân tích, đánh giá các học thuyết kinh tế. |
| M3 | - Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân. |

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.3 | Nhớ và hiểu những kiến thức cơ bản về hệ thống các quan điểm kinh tế, các trường phái kinh tế qua các thời kỳ lịch sử; | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Nhận diện được các học thuyết kinh tế qua các thời kỳ phát triển | 2 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 2 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 2 |

### 4. Mô tả tóm tắt học phần

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển;

học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế (2/0/4)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế<br>1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 2. Tư tưởng kinh tế Trọng thương (2/0/4)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Hoàn cảnh ra đời tư tưởng kinh tế trọng thương<br>2.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của trọng thương<br>2.3. Sự phát triển tư tưởng kinh tế trọng thương ở Anh<br>2.4. Quá trình suy thoái của tư tưởng kinh tế trọng thương | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 3: Học thuyết kinh tế của Trường phái kinh tế chính trị học cổ điển (5/0/10)** | | | | |
| 2-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Trường phái Trọng nông<br>3.2. Trường phái Kinh tế chính trị học cổ điển Anh<br>3.3. Các học thuyết kinh tế thời kỳ hậu cổ điển | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 4: Học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin (5/0/10)** | | | | |
| 4-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Học thuyết kinh tế của K. Marx<br>4.2. Học thuyết kinh tế của V.I.Lenin | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | 2.4.6 | | |
| **Chương 5: Học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển (6/0/12)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của Trường phái Tân cổ điển<br>5.2. Định luật về nhu cầu của Herman Gossen (1810 -1858)<br>5.3. Các học thuyết kinh tế của Trường phái Thành Viên (Áo)<br>5.4. Các học thuyết trường phái Tân cổ điển ở Mỹ | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 6: Học thuyết kinh tế Trường phái Keynes (4/0/8)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Học thuyết kinh tế của J.M.Keynes<br>6.2. Trường phái Keynes mới | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 7: Học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm phương pháp luận<br>7.2. Học thuyết nền kinh tế hỗn hợp<br>7.3. Học thuyết thất nghiệp<br>7.4. Học thuyết lạm phát | 1.1.3<br>2.1.1<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận/Trắc nghiệm | Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; Tư tưởng kinh tế Trọng thương; Học thuyết kinh tế của Trường phái kinh tế chính trị học cổ điển. | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.3; 2.1.1 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Tự luận/Trắc nghiệm | Học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; Học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển. | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.3; 2.1.1 2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Bài tập | Toàn bộ nội dung học phần | Tuần 10 | Bài tập nộp/Bài trắc nghiệm | 1.1.3; 2.1.1 2.4.2; 2.4.6 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.1.3; 2.1.1 2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo lịch thi | Thi KTHP | 1.1.3; 2.1.1 2.4.2; 2.4.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được các học thuyết kinh tế: Tư tưởng kinh tế trọng thương, Học thuyết kinh tế của Trường phái kinh tế chính trị học cổ điển, Học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; Học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển, Học thuyết kinh tế của J.M.Keynes, Học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. | 40 |
| | Hiểu | Hiểu được nội dung các học thuyết và so sánh được sự giống và khác nhau của các học thuyết | 30 |
| 2 | Áp dụng | Áp dụng các học thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội | 30 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Trần Việt Tiến; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2016.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS. Trần Bình Trọng; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2012.

[3]. Mai Ngọc Cường; Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Lý luận Chính trị; 2005.

[4]. Trần Bình Trọng; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Chính trị quốc gia; 2003.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính:

1. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
4. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | Phạm Việt Hương |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp (cập nhật định kỳ).

[2]. Tài liệu giảng dạy do bộ môn biên soạn.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn
2. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Trần Thị Thu Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp
- Tên tiếng Anh: Career Orientation (Industrial Accounting)
- Mã học phần: Xin cấp mã mới (FIM…)
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 30 tiết
  - Thực hành, thực tập : 0 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Hiểu biết các vấn đề cơ bản của kế toán và quản trị doanh nghiệp trong tương lai. |
| M2 | - Rèn luyện một số kỹ năng cá nhân;<br>- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân (đặc biệt là tự chịu trách nhiệm). |
| M3 | Có những hiểu biết cơ bản về vai trò của kế toán, cũng như quản trị đối với doanh nghiệp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Hiểu biết những vấn đề cơ bản liên quan đến ngành kinh tế công nghiệp (bao gồm chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo) | 2 |
| M2 | 2.4.1 | Áp dụng quản lý thời gian cá nhân thông qua lập kế hoạch học tập và rèn luyện. | 2 |
| | 2.5.1 | Rèn luyện tính kiên nhẫn, tự chịu trách nhiệm cá nhân thông qua cam kết thực hiện kế hoạch học tập và rèn luyện. | 2 |
| M3 | 4.1.1 | Hiểu biết về vai trò, trách nhiệm của kế toán, quản lý trong doanh nghiệp | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1-2 | **Giới thiệu chương trình đào tạo**<br>- Giới thiệu mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Kinh tế công nghiệp.<br>- Giới thiệu khung chương trình đào tạo ngành Kinh tế công nghiệp. | 1.1.1<br>4.1.1 | [1]; [2] | Thuyết trình, tương tác, thảo luận |
| 2-3 | **Giới thiệu nghề kế toán, quản trị**<br>- Giới thiệu chung về kế toán, quản trị, lịch sử ra đời của kế toán và vai trò của kế toán, quản trị trong nền kinh tế.<br>- Vị trí việc làm sau tốt nghiệp. | 4.1.1 | [1]; [2]<br>[3]; [4] | Thuyết trình, tương tác, thảo luận |
| 4-10 | Hướng dẫn lập kế hoạch học tập và rèn luyện | 2.4.1<br>2.5.1 | [2] | Tương tác, thảo luận |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Chấm báo cáo | Bản kế hoạch học tập và rèn luyện chi tiết kèm báo cáo liên quan đến ngành học | Tuần thứ 11 | Báo cáo nộp | 1.1.1; 2.4.1<br>2.5.1; 4.1.1 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày khái quát về ngành nghề đang học | 10 |
| | Hiểu | Hiểu vai trò của kế toán đối với doanh nghiệp | 15 |
| 2 | Áp dụng | Lập kế hoạch học tập, rèn luyện cá nhân. | 65 |
| | Phân tích | Đưa ra được nhận xét, cảm nghĩ của cá nhân về ngành nghề lựa chọn. | 15 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế công nghiệp (cập nhật định kỳ).

[2]. Tài liệu giảng dạy do bộ môn biên soạn.

*8.2. Sách tham khảo:*

[3]. Ngô Thế Chi, Phạm Văn Đăng; Kế toán Việt Nam – Quá trình hình thành và phát triển (Phần I); Nhà xuất bản Tài chính; 2012.

[4]. Ngô Thế Chi; Phạm Văn Đăng, Kế toán Việt Nam – Quá trình hình thành và phát triển (Phần II); Nhà xuất bản Tài chính; 2012.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Ngô Thuý Hà Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN ĐẠI CƯƠNG

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật điện đại cương
- Tên tiếng Anh: General electrical engineering
- Mã học phần: ELE0205
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (3/0/13,5)
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước:
- Các học phần song hành:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 135 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện, kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích mạch điện một pha và ba pha có kích thích hình sin ở chế độ xác lập; một số loại máy điện và linh kiện điện tử bán dẫn thông dụng. |
| M2 | Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và trách nhiệm trong công việc<br>Có tính cầu thị, hợp tác cùng làm việc<br>Tư duy hệ thống và phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực kỹ thuật. |
| M3 | Có tư duy phân tích, tính toán để tìm các đáp ứng của các bài toán mạch điện một pha, ba pha có kích thích hình sin. Phân tích và tính toán bài toán máy điện và các mạch điện tử cơ bản.<br>Sử dụng thành thạo máy tính để tính toán bài toán mạch điện về số phức |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.1 | Nắm vững kiến thức nền tảng kỹ thuật về mạch điện, máy điện và các linh kiện điện tử cơ bản. | 3 |
| | 1.2.2 | Áp dụng được các phương pháp phân tích mạch điện xoay chiều một pha, ba pha có kích thích hình sin; cách tính toán thông số của một số máy điện và mạch điện tử cụ thể. | 3 |
| M2 | 2.1.1-2.1.3 | Xác định được nội dung bài toán mạch điện, máy điện, mạch điện tử cơ bản. Có khả năng phân tích định tính, | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | định lượng bài toán mạch điện, máy điện, mạch điện tử cụ thể. | |
| | 2.5.1 | Tự tin, dám chịu trách nhiệm, không ngại khó khăn, chịu khó học hỏi cập nhật kiến thức mới, tìm hiểu về kỹ thuật, tính năng sử dụng, đảm bảo an toàn của các thiết bị. | 3 |
| | 2.5.2 | Phát huy được phẩm chất cá nhân có tinh thần cầu thị và hợp tác cùng phát triển, ham thích và hăng say nghề nghiệp. | 3 |
| M3 | 3.1.1-3.1.3 | Hình thành, làm việc, tổ chức, hợp tác nhóm làm việc hiệu quả. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế. Ngoài ra, sinh viên được làm quen với hoạt động làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Mở đầu** (0,5/0/1) | | | | |
| 1 | 1. Mô tả tóm tắt môn học<br>2. Thời khóa biểu, lịch kiểm tra<br>3. Điều kiện kết thúc khóa học<br>4. Dự lớp<br>5. Yêu cầu về dụng cụ, đồ dùng học tập, giáo trình và tài liệu tham khảo. | 2.1.1; | [1] | Thuyết trình và đàm thoại |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| **PHẦN A: MẠCH ĐIỆN**<br>**CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠCH ĐIỆN** (3,5/0/7) | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Mạch điện | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1; | [1] | Thuyết trình và đàm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1.1. Định nghĩa mạch điện<br>1.1.2 Các yếu tố hình học cơ bản của mạch điện<br>1.1.3. Các thông số trạng thái của quá trình năng lượng trong mạch điện<br>1.1.4. Các thông số đặc trưng cơ bản của mạch điện<br>1.1.5. Sơ đồ mạch điện<br>1.2. Các luật Kirchhoff trong mạch điện<br>1.3. Phân loại các chế độ làm việc của mạch điện. | 2.1.3; | | thoại |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| **CHƯƠNG 2: DÒNG ĐIỆN HÌNH SIN VÀ PHẢN ỨNG CỦA NHÁNH ĐỐI VỚI KÍCH THÍCH HÌNH SIN** (4/0/8) | | | | |
| 2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Các đặc trưng của các đại lượng hình sin<br>2.1.1. Các thông số đặc trưng<br>2.1.2. Trị hiệu dụng của hàm điều hoà<br>2.2. Biểu diễn hàm điều hoà bằng véc tơ phẳng.<br>2.3. Phản ứng của nhánh với kích thích hình sin<br>2.3.1. Phản ứng của nhánh thuần trở<br>2.3.2. Phản ứng của nhánh thuần cảm<br>2.3.3. Phản ứng của nhánh thuần dung<br>2.4. Phản ứng của nhánh R - L - C nối tiếp với kích thích hình sin<br>2.5. Các loại công suất trong mạch điện | 2.1.1;<br>2.1.3; | [1] | Thuyết trình và đàm thoại |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| **CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP SỐ PHỨC ĐỂ GIẢI MẠCH ĐIỆN TUYẾN TÍNH Ở CHẾ ĐỘ XÁC LẬP ĐIỀU HÒA.** (7/0/14) | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Biểu diễn các thông số của mạch điện bằng số phức<br>3.1.1. Biểu diễn các biến trạng thái điều hoà bằng số phức<br>3.1.2. Biểu diễn đạo hàm, tích phân hàm điều hoà bằng số phức<br>3.1.3. Biểu diễn quan hệ dòng, áp trong nhánh<br>3.1.4. Biểu diễn các loại công suất trong mạch điện. | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1;<br>2.1.3; | [1] | Thuyết trình và đàm thoại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1.5. Sơ đồ phức và các định luật Kirchhoff dạng phức<br>3.2. Các phương pháp cơ bản phân tích mạch điện<br>3.2.1. Phương pháp dòng điện nhánh<br>3.2.2. Phương pháp dòng điện mạch vòng<br>3.2.3. Phương pháp điện áp hai nút<br>3.3. Các phương pháp khác phân tích mạch điện<br>3.3.1. Phương pháp biến đổi tương đương<br>3.3.2. Phương pháp xếp chồng | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:*<br>Không | | | |
| **CHƯƠNG 4: MẠCH ĐIỆN 3 PHA** (7/0/14) | | | | |
| 4-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Khái niệm chung.<br>4.2. Đặc điểm mạch điện 3 pha đối xứng<br>4.2.1. Mạch 3 pha nối sao (Y)<br>4.2.2. Mạch 3 pha nối tam giác (Δ)<br>4.3. Phương pháp phân tích mạch 3 pha đối xứng<br>4.4. Phương pháp phân tích mạch 3 pha không đối xứng<br>4.5. Tính công suất trong mạch 3 pha | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1;<br>2.1.3; | [1] | Thuyết trình và đàm thoại |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| 6 | **PHẦN B: MÁY ĐIỆN**<br>**Khái niệm chung về máy điện** (0,5/0/1)<br>+ Định nghĩa và phân loại máy điện<br>+ Các định luật điện từ cơ bản dùng trong máy điện<br>- Định luật cảm ứng điện từ<br>- Định luật lực điện từ<br>+ Các loại vật liệu dùng trong máy điện | | | |
| **CHƯƠNG 5: MÁY BIẾN ÁP** (8/0/16) | | | | |
| 6-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Khái niệm chung<br>5.1.1. Định nghĩa<br>5.1.2. Các lượng định mức<br>5.1.3. Công dụng của máy biến áp<br>5.2. Cấu tạo và nguyên lý làm việc của máy biến | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1;<br>2.1.3; | [1] | Thuyết trình và đàm thoại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | áp<br>5.2.1. Máy biến áp 1 pha<br>5.2.2. Máy biến áp 3 pha<br>5.3. Các phương trình cân bằng điện và từ của MBA.<br>5.4. Sơ đồ thay thế máy biến áp<br>5.5. Các chế độ làm việc của máy biến áp<br>5.5.1. Chế độ không tải của máy biến áp<br>5.5. 2. Chế độ ngắn mạch của máy biến áp<br>5.5.3. Chế độ có tải của máy biến áp<br>5.5.4. Thí nghiệm máy biến áp<br>5.6. Các máy biến áp đặc biệt. (MBA tự ngẫu, MBA đo lường, MBA hàn) | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| **CHƯƠNG 6: MÁY ĐIỆN KHÔNG ĐỒNG BỘ** (8/0/16) | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Khái niệm chung<br>6.2. Cấu tạo máy điện không đồng bộ 3 pha<br>6.3. Nguyên lý làm việc của máy điện KĐB 3 pha<br>6.3.1. Từ trường của máy điện không đồng bộ<br>6.3.2. Nguyên lý làm việc<br>6.4. Các phương trình cân bằng điện và từ của động cơ điện không đồng bộ 3 pha<br>6.5. Sơ đồ thay thế động cơ điện không đồng bộ 3 pha<br>6.6. Mở máy động cơ điện không đồng bộ 3 pha<br>6.6.1. Mô men quay của động cơ điện không đồng bộ 3 pha<br>6.6.2. Các phương pháp mở máy động cơ điện không đồng bộ 3 pha | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1;<br>2.1.3; | | |
| | *B. Nội dung bài thí nghiệm:*Không | | | |
| **PHẦN C: ĐIỆN TỬ**<br>**CHƯƠNG 7: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ** (4,5/0/9) | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Khái niệm chung về kỹ thuật điện tử<br>7.1.1. Vai trò của kỹ thuật điện tử<br>7.1.2. Lĩnh vực nghiên cứu và áp dụng | 1.2.1;<br>1.2.2;<br>2.1.1;<br>2.1.3; | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 7.2. Chất bán dẫn thuần và bán dẫn tạp chất<br>7.2.1. Cấu trúc vùng năng lượng của chất rắn tinh thể<br>7.2.2. Chất bán dẫn nguyên chất và tạp chất.<br>7.3. Lớp tiếp xúc P-N<br>7.3.1. Sự hình thành lớp tiếp xúc P-N và các tính chất điện<br>7.3.2. Lớp tiếp xúc P-N khi phân cực thuận<br>7.3.3. Lớp tiếp xúc P-N khi phân cực ngược<br>7.4. Điốt bán dẫn<br>7.4.1. Cấu tạo và ký hiệu<br>7.4.2. Nguyên lý và các chế độ làm việc của Tranzitor lưỡng cực<br>7.4.3. Các tham số của điốt<br>7.4.4. Một số ứng dụng cơ bản của điốt<br>7.5. Tranzitor lưỡng cực<br>7.5.1. Cấu tạo và ký hiệu<br>7.5.2. Đặc tuyến Vol-Ampe của điốt bán dẫn<br>7.5.3. Các cách mắc Tranzitor lưỡng cực<br>7.5.4. Ứng dụng Tranzitor lưỡng cực trong các mạch khuếch đại cơ bản<br>7.5.5. Ghép nối các tầng khuếch đại<br>7.6. Thyristor<br>7.6.1. Cấu tạo và ký hiệu<br>7.6.2. Ứng dụng Thyristor<br>7.6. IC-Khuếch đại thuật toán<br>7.6.1. Ký hiệu và các tính chất của IC-Khuếch đại thuật toán lý tưởng<br>7.6.2. Các mạch khuếch đại cơ bản dùng IC-Khuếch đại thuật toán. | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kiểm tra: nội dung chương 1+2+3+4 | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.1; 1.2.2; 2.1.1; 2.1.3; | 13,33% |
| Tự luận | Kiểm tra: nội dung chương 5+6 | Tuần 7 | Kiểm tra thường | 1.2.1; 1.2.2; 2.1.1; 2.1.3; | 13,33% |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | xuyên 2 | | |
| Tự luận | Hoàn thành các bài tập tổng hợp môn học | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.1; 1.2.2; 2.1.1; 2.1.3; | 13,33% |
| Trắc nghiệm trên giấy ( hoặc trắc nghiệm trên máy tính hoặc tự luận online tùy tình hình cụ thể) | Nội dung chương 1+2+3+4+5+7 | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.2.1; 1.2.2; 2.1.1; 2.1.3; 3.1.1; 3.1.3; | 60% |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản trong mạch điện.<br>- Trình bày được các bước thực hiện trong các phương pháp phân tích mạch điện.<br>- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy biến áp, máy điện không đồng bộ và một số mạch điện tử cơ bản. | 20 |
| | Hiểu | - Phân loại được mạch điện xoay chiều một pha có nhiều nguồn kích thích cùng tần số và tần số khác nhau, loại mạch điện ba pha đối xứng và không đối xứng.<br>- Lựa chọn được phương pháp phân tích mạch điện phù hợp.<br>- Hiểu rõ các loại máy điện, linh kiện điên tử đã học. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Áp dụng đúng các phương pháp phân tích mạch điện.<br>-Tính toán được các thông số của yêu cầu bài toán mạch điện, máy điện và điện tử đặt ra. | 20 |
| | Phân tích | - Phân tích, giải thích được yêu cầu đặt ra của sơ đồ mạch điện cụ thể, nguyên lý làm việc của máy biến áp, máy điện không đồng bộ và mạch điện tử cơ bản. | 15 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và rút ra kết luận về các nội dung của bài toán mạch điện, máy điện, điện tử. | 5 |
| | Sáng tạo | Áp dụng được kiến thức đã học để mô hình hóa mạch điện, thiết bị điện và mạch điện tử trong thực tế bằng sơ đồ mạch điện. | 5 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Giáo trình nội bộ: Bài giảng môn học Kỹ thuật điện đại cương do Bộ môn Kỹ thuật điện biên soạn.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Đặng Văn Đào; Kỹ thuật điện; NXB Khoa học và Kỹ thuật; Hà nội 2001.

[3]. Nguyễn Bình Thành; Cơ sở lý thuyết mạch - tập 1; NXB Khoa học và Kỹ thuật

[4]. John Bird, Electric circuit theory and Technology - USA - 2010.

[5]. Stephen J. Chapman; Electric Machinery Fundamentals, Fourth editor; Published by McGraw-Hill, New York, USA, 2005.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Đặng Ngọc Trung Email: Trungcsktd@gmail.com
2. ThS. Trần Thị Thanh Thảo Email:Thaocsktd.469@gmail.com
3. ThS. Dương Quỳnh Nga Email:Binhminh11@gmail.com
4. TS. Lê Thị Huyền Linh Email: Huyenlinhktd@tnut.edu.vn
5. ThS. Ngô Thanh Hải Email: Ngothanhhaicntn@gmail.com

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Mai Hương | TS. Lê Thị Thu Hà | ThS. Trần Thị Thanh Thảo |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LUẬT KINH DOANH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Luật kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Economical Law
- Mã học phần: FIM330
- Số tín chỉ: 2
- Các học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 26 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết
  - Ôn tập, hướng dẫn bài tập : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Hiểu biết pháp luật về ngành luật kinh doanh và hoạt động thương mại; tổ chức lại các loại hình doanh nghiệp; giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật Việt Nam.<br>Biết trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp; giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. |
| M2 | Có thái độ và tư duy pháp lý trong giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.<br>Vận dụng quy định pháp luật vào giải quyết những vấn đề về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức, quản lý, các vấn đề pháp lý vêf hoạt động kinh doanh khác và tranh chấp trong kinh doanh. |
| M3 | Phân tích và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.1.1 | Sắp xếp, phân loại các kiến thức nền tảng cơ bản về ngành Luật kinh doanh và cách thức và trình tự giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại cũng như trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam; | 2 |
| | 1.1.2 | So sánh và phân biệt được các loại hình doanh nghiệp theo quy định Luật doanh nghiệp; | 2 |
| M2 | 2.1.1 | Xác định ý thức tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 2.1.2 | Sử dụng pháp luật để giải quyết tình huống phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp. | 3 |
| M3 | 3.1.1 | Liên hệ vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp; | 3 |
| | 3.1.2 | Nhận định, phân tích những vấn đề pháp lý mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải từ đó đưa ra tư vấn phù hợp. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Khái quát chung về ngành luật kinh doanh (2/0/4)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 Khái quát chung về Luật kinh doanh<br>1.2. Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức và hoạt động doanh nghiệp<br>- Nội dung bài tập: giải quyết tình huống về thành lập doanh nghiệp;<br>*Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi trong phần bài tập về nhà;<br>- Tìm đọc thêm các Nghị định hướng dẫn về quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức và hoạt động doanh nghiệp.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2 | [1]; [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 2. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp (12/0/24)** | | | [1]; [2] [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| **1-5** | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Doanh nghiệp tư nhân<br>3.2. Công ty hợp danh<br>2.3. Công ty TNHH một thành viên | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2 | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Nội dung bài tập: bài tập tình huống về quy chế pháp lý trong quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của 3 loại hình doanh nghiệp;<br>3.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên<br>3.5. Công ty cổ phần<br>- Nội dung bài tập: bài tập tình huống pháp lý về việc thành lập, cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các loại hình công ty.<br>*Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối bài;<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra cách giải quyết cho bài tập tình huống cuối mỗi bài;<br>- Tìm đọc thêm Nghị định hướng dẫn về quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức và hoạt động các loại hình doanh nghiệp.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | 3.1.1<br>3.1.2 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Tuần 4** | **Kiểm tra quá trình lần 1 (1/0/2)** | | | |
| **Chương 3: Pháp luật về phá sản (6/0/12)** | | | | |
| **6-7** | **Chương 3: Pháp luật về phá sản (6/0/12)**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Những vấn đề chung về phá sản<br>4.2. Thủ tục phá sản<br>4.3. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh<br>4.4. Thủ tục thanh lý tài sản<br>4.5. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản.<br>*Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi/bài tập tình huống ở cuối mỗi bài;<br>- Tìm đọc thêm Nghị định hướng dẫn về giải quyết phá sản.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1]; [2]<br>[3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **7** | **Kiểm tra quá trình lần 2 (1/0/2)** | | [1]; [2]; [3] | |
| **Chương 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh (6/0/12)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 8-9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Khái quát về tranh chấp trong kinh doanh, thương mại và các cơ quan giải quyết tranh chấp<br>5.2. Giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại theo các hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp<br>- Nội dung bài tập: bài tập tình huống giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.<br>*Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi/bài tập tình huống ở cuối mỗi bài;<br>- Tìm đọc thêm Nghị định hướng dẫn về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh. | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1]; [2] [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Hướng dẫn bài tập trên lớp; Thảo luận, hoạt động nhóm (1/0/2)** | | | | |
| 10 | - Thực hiện giải quyết các bài tập tình huống pháp lý cụ thể trong quá trình thành lập, tổ chức, giải thể, phá sản của doanh nghiệp;<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra các phương pháp giải quyết tranh chấp trong kinh doanh với các tình huống cụ thể. | 1.1.1<br>1.1.2<br>2.1.1<br>2.1.2<br>3.1.1<br>3.1.2 | [1]; [2] [3] | Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp - thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan. |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về ngành luật kinh doanh; các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp. Giải quyết các bài tập tình huống pháp lý. | Tuần 5 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.1.1 | 15 |
| Tự luận | Giải quyết các bài tập tình huống phát sinh theo quy định pháp luật doanh nghiệp; Pháp luật về phá sản. | Tuần 8 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 15 |
| Bài tập về nhà | Ghi các nội dung kiểm tra phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra của HP | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo lịch thi KTHP | Thi KTHP | 1.1.1; 1.1.2<br>2.1.1; 2.1.2<br>3.1.1; 3.1.2 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Nhắc lại được các định nghĩa và khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp, tranh chấp trong hoạt động thương mại,<br>- Định vị được vị trí các nội dung pháp lý tương ứng. | 10 |
| | Hiểu | - So sánh được các loại hình doanh nghiệp, phá sản và giải thể; tranh chấp giải quyết tại tòa với qua trọng tài<br>- Giải thích được các nhận định đúng /sai. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Giải quyết các bài tập tình huống về hoạt động doanh nghiệp: Thành lập, điều hành; phá sản | 40 |
| | Phân tích | - Phân loại được các quy định pháp lý phù hợp với các hoạt động của doanh nghiệp. | 5 |
| 3 | Tổng hợp | - Kết hợp được các nội dung pháp lý quy định về hoạt động của doanh nghiệp; vận dụng và giải thích được lý do tại sao có thể áp dụng các quy định đó trong từng vụ việc cụ thể. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. TS Nguyễn Hợp Toàn (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam (Tập I, II)*, Nhà xuất bản công an nhân dân, 2018.

[3]. Các Bộ luật; Luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành có liên quan đến từng Chương của Học phần.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Ngô Thị Hồng Ánh — Email: ngothihonganh@tnut.edu.vn
2. ThS. Dương Thị Thùy Linh — Email: thuylinhtc@tnut.edu.vn
3. ThS. Phạm Thị Huyền — Email: phamhuyentc@tnut.edu.vn
4. ThS. Tống Thị Phương Thảo — Email: ttpt0506@gmail.com

**10. Phê duyệt**

| Trưởng bộ môn | Tổ trưởng tổ chuyên môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Thị Thu Thủy | ThS. Ngô Thị Hồng Ánh | ThS. Phạm Thị Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN KINH TẾ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Toán kinh tế
- Tên tiếng Anh: Economic Mathematics.
- Mã học phần: FIM 214
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Xác suất thống kê
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến mô hình kinh tế, mô hình toán kinh tế, phương pháp mô hình, phương pháp phân tích mô hình trong nghiên cứu kinh tế; bài toán quy hoạch tuyến tính; bài toán vận tải; lý thuyết trò chơi. |
| M2 | - Kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu;<br>- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, phân tích và xử lý một số vấn đề kinh tế cơ bản thông qua mô hình toán;<br>- Kỹ năng ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính bằng phương pháp đơn hình, phương pháp hình học; Giải bài toán vận tải bằng thuật toán thế vị; Ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. | 3 |
| M2 | 2.2.1 | Phân tích các đặc điểm là đặc trưng của các vấn đề, hiện tượng kinh tế. | 3 |
| | 2.2.2 | Thông qua mô hình toán, nghiên cứu, khám phá vấn đề kinh tế một cách độc lập | 3 |
| | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính bằng Excel | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Giới thiệu phương pháp mô hình và tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Phương pháp mô hình và ý nghĩa của phương pháp mô hình trong nghiên cứu kinh tế<br>1.2. Khái niệm mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế<br>1.3. Cấu trúc mô hình toán kinh tế<br>1.4. Phân loại mô hình toán kinh tế<br>1.5. Nội dung của phương pháp mô hình trong nghiên cứu và phân tích kinh tế<br>1.6. Phương pháp phân tích mô hình | 2.2.1<br>2.4.1 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu các mô hình toán kinh tế phổ biến hiện nay<br>- Đọc và nghiên cứu nội dung chương 2. | | | Luyện tập |
| **Chương 2: Bài toán tối ưu hóa tổng quát và các vấn đề cơ sở (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Bài toán tối ưu hóa tổng quát và phân loại bài toán<br>2.2. Vấn đề mô hình hóa toán học.<br>2.3. Một số khái niệm và kết quả từ đại số | 2.2.1<br>2.2.2<br>2.4.1 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Tương tác; Câu hỏi gợi ý |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc nội dung liên quan đến nội dung đại số | | | Luyện tập |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | tuyến tính;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | |
| **Chương 3: Quy hoạch tuyến tính (18/0/36)** | | | | |
| 2-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Bài toán quy hoạch tuyến tính<br>3.2. Một số tính chất chung<br>3.3. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến bằng phương pháp hình học<br>3.3. Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính<br>3.4. Vấn đề phương án cực biên xuất phát và cơ sở | 1.2.1<br>2.2.1<br>2.2.2<br>2.4.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà tương ứng với nội dung đã học ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc nội dung liên quan đến nội dung bài toán QHTT | | | Luyện tập; thực hành |
| **Chương 4: Bài toán vận tải (12/0/24)** | | | | |
| 7-9 | 4.1. Phát biểu bài toán – Sự tồn tại nghiệm tối ưu<br>4.2. Tiêu chuẩn nhận biết phương án cực biên<br>4.3. Các phương pháp tìm phương án xuất phát<br>4.4. Tiêu chuẩn tối ưu – Thuật toán<br>4.5. Trường hợp bài toán vận tải không cân bằng thu phát<br>4.6. Ứng dụng giải bài toán QHTT bằng Excel | 1.2.1<br>2.2.1<br>2.2.2<br>2.4.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Tương tác; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5. | | | Luyện tập; thực hành |
| **Chương 5: Lý thuyết trò chơi và vấn đề lựa chọn quyết định trong trường hợp thiếu thông tin (3/0/6)** | | | | |
| 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Lựa chọn quyết định trong điều kiện bất định<br>5.2. Các tiêu chuẩn lựa chọn quyết định<br>5.3. Lý thuyết trò chơi | 1.2.1<br>2.2.1<br>2.2.2<br>2.4.1<br>2.4.1 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối | | | Luyện tập; thực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng của chương 5. | | | hành |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Bài toán tối ưu hóa | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 2.2.1 | 10 |
| Tự luận | Bài toán quy hoạch tuyến tính | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 2.4.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Bài toán quy hoạch tuyến tính; Bài toán vận tải bằng thuật toán thế vị; Ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. | Tuần 10 | | 1.2.1; 2.2.1 2.2.2; 2.4.1 2.4.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.1; 2.2.1 2.2.2; 2.4.1 2.4.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được một số kiến thức cơ bản liên quan đến mô hình kinh tế, mô hình toán kinh tế, phương pháp giải một số bài toán tối ưu trong kinh tế; Lý thuyết trò chơi và ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin | 10 |
| | Hiểu | Hiểu được kiến thức về bài toán tối ưu hóa, Lý thuyết trò chơi; Cách giải bài toán quy hoạch tuyến tính; Bài toán vận tải; Lý thuyết trò chơi | 15 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng được kỹ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính bằng phương pháp đơn hình, phương pháp hình học; Giải bài toán vận tải bằng thuật toán thế vị; Ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. | 60 |
| | Phân tích | Xây dựng được kỹ năng phân tích và xử lý một số vấn đề kinh tế cơ bản thông qua mô hình toán. | 10 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận trong giải quyết vấn đề dưới góc độ toán học | 5 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Bùi Minh Trí; Toán kinh tế; NXB Bách Khoa Hà Nội; 2008.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS. Ngô Quang Dong, Ngô Văn Thứ, PGS. TS. Hoàng Đình Tuấn; Giáo trình Mô hình toán kinh tế; NXB Thống kê Hà Nội; 2006.

[3]. Nguyễn Đức Nghĩa; Tối ưu hoá: Quy hoạch tuyến tính và rời rạc; NXB Khoa học kỹ thuật;1998.

[4]. GS. Trần Túc; Giáo trình Quy hoạch tuyến tính; NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân; 2010.

[5]. Hoàng Đình Tuấn ; Lý thuyết mô hình toán kinh tế ; NXB Thống kê; 2003.

[6]. Quy hoạch tuyến tính: Giáo trình hoàn chỉnh, lý thuyết cơ bản, phương pháp đơn hình, bài toán mạng, thuật toán; NXB Giáo dục; 2000.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC VI MÔ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kinh tế học vi mô
- Tên tiếng Anh: Microeconomics
- Mã học phần: FIM204
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn về Kinh tế vi mô. |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế vi mô<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững, vận dụng các quy luật kinh tế; lý thuyết cung cầu, các yếu tố ảnh hưởng; độ co giãn cung cầu; hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường nhân tố và thất bại thị trường. | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ kinh tế học để phân tích, giải thích, lập luận và đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế vi mô | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức gồm: Các quy luật kinh tế cơ bản; Lý thuyết cung - cầu; độ co

giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về kinh tế học (4/0/8)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học<br>1.2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô<br>1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2;<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2. Cung – cầu (7/0/14)** | | | | |
| 1-3 | **A. Nội dung giảng dạy - học tập**<br>2.1. Cầu<br>2.2. Cung<br>2.3. Cân bằng thị trường | 1.2.2;<br>2.1.3<br>2.4.2;<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3. Độ co giãn (7/0/14)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Độ co giãn của cầu<br>3.2. Độ co giãn của cung | 1.2.2;<br>2.1.3<br>2.4.2;<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng (7/0/14)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Lý thuyết lợi ích<br>4.2. Lý thuyết về sở thích người tiêu dùng và đường ngân sách | 1.2.2;<br>2.1.3<br>2.4.2;<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5. Lý thuyết hành vi nhà sản xuất (7/0/14)** | | | | |
| 6-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Lý thuyết sản xuất<br>5.2. Lý thuyết chi phí | 1.2.2;<br>2.1.3;<br>2.4.2; | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5.3. Lợi nhuận | 2.4.6 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6. Cấu trúc thị trường (5/0/10)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Các loại thị trường<br>6.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo<br>6.3. Thị trường độc quyền<br>6.4. Thị trường cạnh tranh độc quyền<br>6.5. Thị trường độc quyền tập đoàn | 1.2.2; 2.1.3; 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 7. Thị trường các yếu tố sản xuất (4/0/8)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Những vấn đề cơ bản về thị trường yếu tố sản xuất<br>7.2. Thị trường lao động<br>7.3. Thị trường vốn<br>7.4. Thị trường đất đai | 1.2.2; 2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 8. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường (4/0/8)** | | | | |
| 10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>8.1. Những thất bại của thị trường<br>8.2. Vai trò của chính phủ | 1.2.2; 2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các khái niệm cơ bản về kinh tế học; quy luật kinh tế cơ bản; cung –cầu; co giãn cung cầu | Tuần 4 | Kiểm tra thường xuyên 1 | 1.2.2; 2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Lý thuyết hành vi người tiêu dùng và lý thuyết hành vi nhà sản xuất. | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.2; 2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Bài tập/ bài thảo luận | Tuần 10 | Bài tập nộp/ bài thảo luận nộp | 1.2.2; 2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Chuyên | Tham gia dự học trên lớp, tham | Cả học | | 1.2.2; 2.1.3 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| cần | gia thảo luận, chữa bài tập | kỳ | | 2.4.2; 2.4.6 | |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.2; 2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản quy luật kinh tế, cung cầu, độ co giãn, lợi ích, lợi nhuận, doanh thu, cấu trúc thị trường, yếu tố sản xuất, thất bại thị trường. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được ý nghĩa của các chỉ tiêu kinh tế vi mô;<br>- Hiểu được hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất trong các cấu trúc thị trường khác nhau; những hành vi gây ra thất bại thị trường. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vi mô.<br>- Ứng dụng các kiến thức kinh tế vi mô để đánh giá hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất, đánh giá vận động của thị trường nhân tố và sự thất bại thị trường trong các tình huống cụ thể. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ giáo dục đào tạo; Kinh tế học vi mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2006.

[3]. Nguyễn Đại Thắng; Giáo trình kinh tế học vi mô; NXB Khoa học và kỹ thuật; 2010.

[4]. Phạm Văn Minh, Hồ Đình Bảo; Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc theo giáo trình Kinh tế học vi mô: dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Thống kê; 2010.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

4. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kinh tế học vĩ mô
- Tên tiếng Anh: Macroeconomics
- Mã học phần: FIM205
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Kinh tế vĩ mô |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế vĩ mô<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững và vận dụng được kiến thức vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, mô hình AS-AD, mô hình IS-LM, thất nghiệp, lạm phát, các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở vào mô tả, giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ kinh tế học để phân tích, giải thích, lập luận và đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế học vĩ mô | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kinh tế học vĩ mô nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, phát triển tư duy kinh tế, giúp người học làm quen với phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế, từ đó có cái nhìn năng động về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể trong quá trình vận hành nền kinh tế cũng như tham gia hoạt động kinh tế; hiểu được các chính sách và công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ trong thực tiễn cũng như tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách vĩ mô của chính phủ. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Khái quát về kinh tế học vĩ mô (8/0/16)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Khái quát về kinh tế học<br>1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vĩ mô<br>1.3. Hệ thống kinh tế vĩ mô<br>1.4. Các mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô | 1.2.2;2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân (7/0/14)** | | | | |
| 2-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Tổng sản phẩm<br>2.2. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu phản ánh thu nhập quốc dân<br>2.3. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản | 1.2.2;2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khoá (7/0/14)** | | | | |
| 4-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Tổng cầu và sản lượng cân bằng<br>3.2. Chính sách tài khóa | 1.2.2;2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ (7/0/14)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Tiền tệ<br>4.2. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền tệ của Ngân hàng Trung ương<br>4.3. Mức cầu về tiền | 1.2.2;2.1.3 2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 5: Mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng (4/0/8)** | | | | |
| 7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Mô hình IS – LM trong nền kinh tế đóng<br>5.2. Phối hợp giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp (7/0/14)** | | | | |
| 7-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Thất nghiệp<br>6.2. Lạm phát<br>6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở (5/0/10)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Cán cân thanh toán quốc tế, hệ thống tỷ giá hối đoái và hệ thống tài chính quốc tế<br>7.2. Chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Khái quát về kinh tế học vĩ mô; Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; Tổng cầu và chính sách tài khoá | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Bài tập/ bài thảo luận | Tuần 10 | Bài tập nộp, bài thảo luận nộp | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.2;2.1.3<br>2.4.2; 2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế | Thi kết | 1.2.2;2.1.3 | 60 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | hoạch thi KTHP | thúc học phần | 2.4.2; 2.4.6 | |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được ý nghĩa và bản chất của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô<br>- Hiểu được cách thức vận hành các chính sách kinh tế vĩ mô | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô<br>- Vận dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô phân tích sự biến động trong nền kinh tế vĩ mô và giải thích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến các vấn đề kinh tế - xã hội | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS. Vũ Kim Dũng, PGS TS Nguyễn Văn Công; Giáo trình Kinh tế học (tập II); NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2016.

[3]. PGS. TS. Nguyễn Văn Công; Bài tập Nguyên lý kinh tế học vĩ mô: Sách dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2009.

[4]. PGS. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vĩ mô; NXB Lao động, 2009.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn
4. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | Nguyễn Thị Thanh Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KINH TẾ HỌC

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đề án Kinh tế học
- Tên tiếng Anh: Economic Essay
- Mã học phần: FIM0380
- Số tín chỉ: 1
- Học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 60 tiết
  - Tự học : 30 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Kinh tế học |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế học<br>Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |
| M4 | Phân tích, đánh giá môi trường kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô và tác động của chúng đến hoạt động của doanh nghiệp |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững và vận dụng được kiến thức kinh tế học để phân tích, đánh giá một vấn đề kinh tế vi mô hoặc vĩ mô trong các điều kiện cụ thể | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ, mô hình và các phương pháp kinh tế học để phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống kinh tế cụ thể trong thực tế. | 3 |
| | 2.3.2 | Rèn luyện kỹ năng xem xét một vấn đề kinh tế cụ thể đặt trong mối quan hệ với tổng thể nền kinh tế | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập

quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao đề án, hướng dẫn tổng quát | | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| 2-3 | Thu thập dữ liệu | 1.2.2; 2.1.3 2.3.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thu thập dữ liệu sơ cấp |
| 4-5 | Xử lý dữ liệu bằng phương pháp mô hình hóa, bảng biểu, thống kê | 1.2.2; 2.1.3 2.3.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thống kê mô tả |
| 6-9 | Viết và chỉnh sửa đề án | 1.2.2; 2.1.3 2.3.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Viết báo cáo |
| 10 | Hoàn thành và nộp đề án | 1.2.2; 2.1.3 2.3.2; 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Viết báo cáo |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Báo cáo hoàn chỉnh phân tích một vấn đề trong kinh tế học | Theo kế hoạch thi KTHP | Báo cáo nộp | 1.2.2; 2.1.3 2.3.2; 2.4.6 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và các khái niệm cơ bản của các chỉ tiêu kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, các chính sách kinh tế | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được ý nghĩa và bản chất của các chỉ tiêu kinh tế, các nguyên lý kinh tế, các chính sách kinh tế được sử dụng trong đề án | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng các công cụ kinh tế học để tính toán, thống kê các chỉ tiêu kinh tế vi mô và vĩ mô | 30 |
| | Phân tích | - Phân tích sự biến động của các chỉ tiêu kinh tế, các chính sách kinh tế và giải thích sự tác động của chúng đến các vấn đề kinh tế - xã hội | 30 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Bộ giáo dục đào tạo; Kinh tế học vi mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.

*8.2. Sách tham khảo:*

[3]. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô; NXB Lao Động; 2006.

[4]. PGS. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vĩ mô; NXB Lao động, 2009.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lý thuyết tài chính tiền tệ
- Tên tiếng Anh: Monetary and Financial Theories
- Mã học phần: FIM216
- Số tín chỉ: 03
- Các học phần học trước: Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Các vấn đề cơ bản về tiền tệ và tài chính; hệ thống tài chính, tài chính doanh nghiệp;<br>- Các vấn đề về lãi suất thị trường, các loại lãi suất, các yếu tố tác động đến lãi suất, cấu trúc của lãi suất;<br>- Nội dung của chính sách tiền tệ: mục tiêu, các công cụ của chính sách tiền tệ;<br>- Các kiến thức về lạm phát: khái niệm, phân loại lạm phát, nguyên nhân gây ra lạm phát, tác động của lạm phát. |
| M2 | - Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;<br>- Kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính tiền tệ. |
| M3 | - Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức về hệ thống tài chính, tài chính doanh nghiệp, lãi suất, chính sách tiền tệ, lạm phát để giải thích các vấn đề tài chính tiền tệ trong nền kinh tế. | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ tài chính và tiền tệ để phân tích, giải thích, lập luận và đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở ngành thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Tổng quan về tài chính và tiền tệ (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Bản chất của tiền tệ<br>1.2. Chức năng của tiền tệ<br>1.3. Sự phát triển của các hình thái tiền tệ<br>1.4. Khối tiền tệ<br>1.5. Bản chất của tài chính<br>1.6. Chức năng của tài chính | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Tìm đọc thêm tài liệu về lịch sử tiền tệ Việt Nam;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Luyện tập |
| **Chương 2. Tổng quan về hệ thống tài chính (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Cấu trúc và chức năng của hệ thống tài chính<br>2.2. Thị trường tài chính<br>2.3. Các trung gian tài chính<br>2.4. Quản lý nhà nước đối với hệ thống tài chính | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu về hệ thống tài chính của Việt Nam;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | 2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Luyện tập |
| **Chương 3: Tài chính doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp<br>3.2. Nguồn vốn và phương thức huy động vốn của | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | doanh nghiệp<br>3.3. Quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp<br>3.4. Quản lý tài sản lưu động của doanh nghiệp | 2.4.6 | | |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Liên hệ thực tế về phương thức huy động vốn của doanh nghiệp<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | Từ [1] đến [4] | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 4: Các tổ chức tổ chức tài chính trung gian (6/0/12)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian;<br>4.2. Phân loại các tổ chức tài chính trung gian | 1.2.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu về sự phát triển của các loại hình tổ chức tài chính trung gian của Việt Nam;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5 | 2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Luyện tập |
| **Chương 5: Lãi suất (6/0/12)** | | | | |
| 6-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Các lãi suất cơ bản và phương pháp đo lường<br>5.2. Một số phân biệt về lãi suất<br>5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 6 | | Từ [1] đến [4] | Luyện tập, thực hành |
| **Chương 6: Chính sách tiền tệ (7/0/14)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Một số vấn đề chung về ngân hàng trung ương<br>6.2. Những vấn đề chung về chính sách tiền tệ quốc gia | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu về chính sách tiền tệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7 | | Từ [1] đến [4] | Luyện tập |
| **Chương 7: Lạm phát (8/0/16)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập* | 1.2.2 | Từ [1] | Thuyết giảng, |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 7.1. Khái niệm<br>7.2. Đo lường lạm phát<br>7.3. Các loại lạm phát<br>7.4. Nguyên nhân của lạm phát<br>7.5. Tác động của lạm phát đến nền kinh tế | 2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | đến [4] | thảo luận |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu về lạm phát Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | | Từ [1] đến [4] | Luyện tập |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận/Trắc nghiệm | Tổng quan về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Tự luận/Trắc nghiệm | Tài chính doanh nghiệp; Các tổ chức tài chính trung gian, lãi suất. | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Bài tập | Toàn bộ nội dung học phần | Tuần 10 | Bài tập nộp/Bài trắc nghiệm | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, tích cực phát biểu xây dựng bài | Cả học kỳ | | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được một số vấn đề liên quan đến tiền tệ, tài chính, hệ thống tài chính, tài chính doanh nghiệp | 40 |
| | Hiểu | Hiểu được các chức năng của tiền tệ, tài chính, hệ thống tài chính, các tổ chức tài chính phi ngân hàng | 30 |
| 2 | Áp dụng | Tính toán lãi suất; Áp dụng kiến thức giải thích thực trạng lạm phát và chính sách tiền tệ | 30 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS. Cao Thị Ý Nhi, TS. Đặng Tuấn Anh; Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ; NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân; 2017.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Tạ Duy Liêm; Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ; NXB Bách Khoa Hà Nội; 2019.

[3]. Lê Văn Tề; Giáo trình Lý thuyết Tài chính- tiền tệ; NXB Phương Đông; 2011.

[4]. Nguyễn Hữu Tài; Giáo trình Tài chính - tiền tệ; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2012.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1. Ths. Phạm Việt Hương | Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn |
| 2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | Email: hanguyen@tnut.edu.vn |
| 3. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh | Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn |
| 4. TS. Phan Thị Thanh Tâm | Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | Phạm Việt Hương |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Marketing căn bản
- Tên tiếng Anh: Principle of Marketing
- Mã học phần: FIM331
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Hiểu các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trong doanh nghiệp và vận dụng để khám phá cơ hội marketing và mô tả các hoạt động marketing thực tế của doanh nghiệp |
| M3 | Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động marketing |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trong doanh nghiệp | 3 |
| | 4.1.4 | Vận dụng hệ thống thông tin, hiểu biết về môi trường bên trong và bên ngoài để khám phá cơ hội marketing | 3 |
| | 4.2.4 | Vận dụng mô tả thực trạng các hoạt động marketing thực tế của doanh nghiệp | 3 |
| M3 | 2.1.2 | Có năng lực nhận biết các vấn đề marketing và đánh giá các tác động của môi trường tới hoạt động marketing của doanh nghiệp | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động marketing trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá cơ hội marketing và các hoạt động marketing thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động marketing của doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về Marketing (5/0/10)** | | | | |
| 1 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>1.1. Marketing<br>1.2. Quản trị marketing<br>1.3. Vai trò, chức năng của marketing trong doanh nghiệp | 1.2.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: **không** | | | |
| **Chương 2: Hệ thống thông tin marketing (4/0/8)** | | | | |
| 2 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>2.1. Sự hình thành hệ thống thông tin marketing<br>2.2. Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin marketing<br>2.3. Nghiên cứu marketing | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không | | | |
| **Chương 3: Môi trường marketing (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>3.1. Tổng quan về môi trường marketing<br>3.2. Môi trường marketing vĩ mô<br>3.3. Môi trường marketing vi mô<br>3.4. Phân tích cơ hội marketing | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không | | | |
| | C. Kiểm tra quá trình 1 | | | |
| **Chương 4: Hành vi khách hàng(5/0/10)** | | | | |
| 4 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi người tiêu dùng<br>4.2. Thị trường các tổ chức và hành vi mua của tổ chức<br>2.3. Hành vi khách hàng | 1.2.2<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: **không** | | | |
| **Chương 5: Phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường (5/0/10)** | | | | |
| 5 | A. Nội dung giảng dạy - học tập | 1.2.2 | [1] [2] | Giảng |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5.1. Phân đoạn thị trường<br>5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu<br>5.3. Định vị thị trường | 4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | | Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không | | | |
| **Chương 6: . Các quyết định về sản phẩm (8/0/16)** | | | | |
| 6-7 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>6.1. Sản phẩm theo quan điểm marketing<br>6.2. Các quyết định về nhãn hiệu<br>6.3. Các quyết định về bao gói và dịch vụ<br>6.4. Các quyết định về danh mục sản phẩm<br>6.5. Thiết kế và marketing sản phẩm<br>6.6. Chu kỳ sống sản phẩm | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không | | | |
| | C. Kiểm tra quá trình 2 | | | |
| **Chương 7: . Các quyết định về giá (4/0/8)** | | | | |
| 8 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>7.1. Những vấn đề chung về giá cả<br>7.2. Tiến trình xác định các mức giá ban đầu cho sản phẩm<br>7.3. Các kiểu chiến lược giá | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không | | | |
| **Chương 8: Các quyết định về kênh phân phối (4/0/8)** | | | | |
| 9 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>8.1. Kênh phân phối và tầm quan trọng của kênh phân phối<br>8.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối<br>8.3. Quản trị kênh phân phối | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không | | | |
| **Chương 9: Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp (4/0/8)** | | | | |
| 10 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>9.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp<br>9.2. Quá trình truyền thông<br>9.3. Các quyết định liên quan đến từng công cụ truyền thông | 1.2.2<br>4.1.4<br>4.2.4<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không | | | |
| | C. Hướng dẫn ôn tập | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Hiểu các khái niệm cơ bản về marketing và xác định được các nội dung cần phân tích cơ hội marketing trong thực tiễn | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2; 4.1.4 4.2.4; 2.1.2 | 15 |
| Tự luận | Vận dụng phân đoạn thị trường và đánh giá đặc điểm hành vi khách hàng ở các phân đoạn. Hiểu các quyết định lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường trong thực tiễn | Tuần 6 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.2; 4.1.4 4.2.4; 2.1.2 | 15 |
| Thuyết trình, thảo luận | Tìm hiểu hoạt động marketing hỗn hợp(4P) | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.2; 4.1.4 4.2.4; 2.1.2 | 10 |
| Vấn đáp | Hiểu các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trong doanh nghiệp và vận dụng để khám phá cơ hội marketing và các hoạt động marketing thực tế của doanh nghiệp | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.2; 4.1.4 4.2.4; 2.1.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về marketing<br>- Trình bày các nội dung cơ bản của vấn đề marketing | 20 |
| | Hiểu | - Mô tả thị trường, hình ảnh định vị và hoạt động marketing trong doanh nghiệp<br>- Lựa chọn được ví dụ phù hợp | 30 |
| | Vận dụng | - Áp dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu về hành vi khách hàng trong thực tiễn<br>- Áp dụng các kiến thức đã học để xác định hình ảnh định vị của doanh nghiệp<br>- Áp dụng các kiến thức đã học để xác định hoạt động marketing hỗn hợp trong thực tiễn | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | - Nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động marketing của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Chủ biên GS.TS Trần Minh Đạo; *Marketing căn bản;* NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2012.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Philip Kotler, Gary Armstrong; *Principle of Marketing*; (17th Edition); Pearson Prentice Hall; 2017;

[3]. Philip Kotler, Kevin Keller; *Marketing Management* (14th Edition), Prentice Hall; năm 2012;

[4]. Philip Kotler; *Thấu hiểu tiếp thị từ A đến Z* – Biên dịch: Lê Hoàng Anh; NXB Trẻ; 2004;

[5]. PGS.TS.Trương Đình Chiến; *Quản trị Marketing;* NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2012.

[6]. Phan Thăng, Phan Đình Quyền; *Marketing căn bản*, NXB Khoa học kỹ thuật; 2000.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn
2. TS. Phạm Thị Mai Yến Email: yen.phammai@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS.Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Phạm Thị Minh Khuyên |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Nguyên lý kế toán
- Tên tiếng Anh: Accounting Principles
- Mã học phần: FIM 206
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Một số vấn đề chung về kế toán (khái niệm, bản chất, mục đích, ý nghĩa, đối tượng kế toán,...); các phương pháp kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. |
| M2 | - Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề kế toán tài chính cơ bản;<br>- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. |
| M3 | Người học có được góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề cơ bản của một kế toán doanh nghiệp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Ứng dụng các kiến thức nền tảng về kế toán (khái niệm, bản chất, mục đích, ý nghĩa, đối tượng kế toán,...); các phương pháp kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Phân tích các đối tượng kế toán, phương pháp kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, chứng từ kế toán dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp để tính toán, và vận dụng đúng các phương pháp kế toán trong từng trường hợp cụ thể. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.2.1 | Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua lập nhận diện đối tượng kế toán, chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp. | 2 |
| M3 | 2.5.2 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp dưới góc độ sử dụng thông tin kế toán. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung vàc các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1 Khái quát chung về kế toán (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Định nghĩa và quá trình hình thành phát triển của kế toán<br>1.2. Đối tượng của kế toán<br>1.3. Chức năng của kế toán<br>1.4. Nhiệm vụ cơ bản của kế toán<br>1.5. Các khái niệm và nguyên tắc kế toán<br>1.6. Yêu cầu của thông tin kế toán<br>1.7. Hệ thống các phương pháp kế toán.<br>1.8. Vai trò của kế toán.<br>- Nội dung bài tập: Bài tập phân loại tài sản và nguồn vốn, xác định tổng tài sản, tổng nguồn vốn tại thời điểm đầu và cuối kỳ. | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc luật kế toán<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Chứng từ kế toán và kiểm kê (3/0/6)** | | | | |
| 2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập* | 1.2.2 | Từ [1] đến | Thuyết |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Chứng từ kế toán<br>2.2. Kiểm kê<br>- Nội dung bài tập: Bài tập về chứng từ kế toán trong doanh nghiệp. | 2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | [6] | trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc quy định về chứng từ kế toán tại doanh nghiệp, quy trình thực hiện kiểm kê tài sản<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3 | | | Thảo luận; Luyện tập |
| **Chương 3. Phương pháp đối ứng tài khoản (9/0/18)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Nội dung lý thuyết<br>3.1. Tài khoản và phương pháp đối ứng tài khoản<br>3.2. Ghi sổ kép<br>3.3. Kế toán tổng hợp - Kế toán chi tiết.<br>- Nội dung bài tập: Lập định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lên sơ đồ tài khoản chữ T; Khái quát nội dung và kết cấu của các tài khoản sử dụng. | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc thông tư, văn bản quy phạm pháp luật quy định kế toán chi tiết – kế toán tổng hợp, Phương pháp đối ứng tài khoản, ghi sổ kép.<br>- Chuẩn bị nội dung thảo luận liên quan đến phương pháp đối ứng tài khoản và ghi sổ kép;<br>- Đọc trước tài liệu, bài giảng chương 4 | | | Luyện; Thực hành |
| **Chương 4: Phương pháp tính giá (6/0/12)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Nội dung lý thuyết<br>4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc tính giá các đối tượng kế toán<br>4.2. Các nguyên tắc kế toán và những nhân tố chi phối đến việc tính giá các đối tượng kế toán<br>4.3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu<br>- Nội dung bài tập: Tính giá nhập kho, xuất kho các | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | đối tượng kế toán tại doanh nghiệp. | | | |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng phần nội dung tiếp theo của chương 5. | | | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 5: Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu (9/0/18)** | | | | |
| 6-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Nội dung lý thuyết<br>5.1. Những vấn đề chung về các quá trình kinh doanh chủ yếu<br>5.2. Kế toán quá trình mua hàng (cung cấp)<br>5.3. Kế toán quá trình sản xuất<br>5.4. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>- Nội dung bài tập: Định khoản các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu liên quan đến quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng phần nội dung tiếp theo của chương 6 | | | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 6: Sổ kế toán và hình thức kế toán (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Nội dung lý thuyết<br>6.1. Sổ kế toán.<br>6.2. Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán.<br>6.3. Các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam.<br>- Nội dung bài tập: Phương pháp sửa chữa sai sót trong ghi sổ kế toán. | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7. | | | Luyện tập; Thực hành |
| **Chương 7. Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán: (6/0/12)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Nội dung lý thuyết<br>7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.<br>7.2. Bảng cân đối kế toán (Bảng tổng kết tài sản).<br>7.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.<br>7.4. Mối quan hệ giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với bảng cân đối kế toán.<br>- Nội dung bài tập: Xác định tính cân đối của bảng cân đối kế toán do tác động của nghiệp vụ kinh tế phát sinh | 1.2.2<br>2.3.1<br>3.2.2<br>2.5.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Chuẩn bị các thắc mắc cho nội dung ôn tập tuần cuối | | | Luyện tập; Thực hành |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Phân loại các đối tượng của kế toán, Xác định tổng TS-NV tại thời điểm đầu kỳ - cuối kỳ | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.2.2; 2.3.1 3.2.2; 2.5.2 | 10 |
| Tự luận | Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán, Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 1.2.2; 2.3.1 3.2.2; 2.5.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Tổ chức vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập vận dụng các phương pháp kế toán và lập Báo cáo tài chính | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.2; 2.3.1 3.2.2; 2.5.2. | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả kỳ | | 2.5.2 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.2.2; 2.3.1 3.2.2; 2.5.2 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Ghi nhớ được định nghĩa và khái niệm cơ bản về kế toán, các phương pháp kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ sách kế toán | 20 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | và các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận. | |
| | Hiểu | - Phân loại được các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán và hệ thống chứng từ, các hình thức kế toán;<br>- Lựa chọn được tài khoản kế toán ứng với mỗi đối tượng kế toán. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán tổng tài sản, nguồn vốn tại thời điểm đầu kỳ - cuối kỳ;<br>- Tính giá các đối tượng kế toán theo các phương pháp;<br>- Tính toán giá trị để định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 40 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó lựa chọn đúng phương pháp kế toán, tài khoản kế toán để đưa ra phương án định khoản đúng. | 15 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận về xu hướng biến động của từng đối tượng kế toán sau nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Võ Văn Nhị, TS Phạm Ngọc Toàn, TS Trần Thị Thanh Hải; Nguyên lý kế toán; NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; 2018;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Phạm Thành Long; Giáo trình nguyên lý kế toán: Dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2009;

[3]. Nguyễn Việt, Hà Xuân Thạch; Bài tập và bài giải kế toán đại cương; NXB Giáo dục; 1998.

[4]. Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[5]. Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[6]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. ThS. Ma Thị Thu Thủy Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
3. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | ThS. Ma Thị Thu Thủy |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Nguyên lý thống kê
- Tên tiếng Anh: Principles of statistic
- Mã học phần: FIM213
- Số tín chỉ: 2
- Các học phần học trước: Xác suất và thống kê, Kinh tế học vi mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Nguyên lý thống kê |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nguyên lý thống kê;<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình. |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững một số kiến thức cơ bản về thống kê học như khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê;ội dung cơ bản về điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, phân tích thống kê; nghiên cứu các mức độ hiện tượng kinh tế xã hội | 3 |
| M2 | 2.1.2 | Sử dụng phương pháp phân tích như phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số để đánh giá các chỉ tiêu thống kê. | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng

phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Những vấn đề chung về thống kê học(3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Vai trò của thống kê.<br>1.2. Khái niệm thống kê học và đối tượng nghiên cứu của thống kê học.<br>1.3. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê. | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê (3/0/6)** | | | | |
| 2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Điều tra thống kê<br>2.2. Tổng hợp thống kê<br>2.3. Phân tích và dự đoán thống kê | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3: Trình bày dữ liệu thống kê (3/0/6)** | | | | |
| 3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Phân tổ thống kê<br>3.2. Bảng thống kê<br>3.3. Đồ thị thống kê | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4: Nghiên cứu thống kê các mức độ hiện tượng kinh tế xã hội (6/0/12)** | | | | |
| 4-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Số tuyệt đối và tương đối trong thống kê<br>4.2. Các mức độ trung tâm<br>4.3. Các tham số đo độ biến thiên của tiêu thức | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5: Điều tra chọn mẫu (3/0/6)** | | | | |
| 6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Điều tra chọn mẫu<br>5.2. Các phương pháp tổ chức chọn mẫu | 1.2.2<br>2.1.2 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5.3. Quy trình thực hiện điều tra chọn mẫu | 2.4.2 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 2.4.6 | | |
| **Chương 6: Phân tích dãy số thời gian (6/0/12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Khái niệm và các thành phần của dãy số thời gian<br>6.2. Các chỉ tiêu phân tích đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 7: Chỉ số (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Một số vấn đề chung về chỉ số<br>7.2. Phương pháp tính chỉ số<br>7.3. Hệ thống chỉ số | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về thống kê học như khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, phân tích thống kê. | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2<br>2.1.2<br>2.4.2<br>2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Các phương pháp phân tích trong thống kê như phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số. | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.2;2.1.2<br>2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/Thảo luận | Bài tập điều tra thống kê, tổng hợp và phân tích thống kê | Tuần 10 | Bài tập nộp/Thảo luận | 1.2.2;2.1.2<br>2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.2;2.1.2<br>2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.2.2;2.1.2<br>2.4.2;2.4.6 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về thống kê học, các chỉ tiêu thống kê, các mức độ hiện tượng kinh tế xã hội. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được phương pháp phân tích như phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán được các chỉ tiêu thống kê;<br>Vận dụng phương pháp phân tích như phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS Trần Thị Kim Thu; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2016.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS Trần Ngọc Phác; PGS.TS Trần Thị Kim Thu; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Thống kê; 2006.

[3]. PGS.TS Phạm Ngọc Kiểm; PGS TS Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Giáo dục; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email:thanhtam87tc@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | P.T.T. Tâm |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thống kê doanh nghiệp
- Tên tiếng Anh: Enterprires Statistics
- Mã học phần: FIM371
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô, Nguyên lý thống kê
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực thống kê doanh nghiệp |
| M2 | Kỹ năng phân tích, đánh giá các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp ;<br>Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững được các chỉ tiêu dùng trong thống kê kết quả và hiệu quả SXKD trong doanh nghiệp | 3 |
| M2 | 2.3.2 | Sử dụng các chỉ tiêu thống kê để đánh giá kết quả SXKD và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của DN một cách hệ thống. | 3 |
| | 4.2.3 | Rèn luyện kỹ năng phân tích tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức, doanh nghiệp | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó

giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế; Ngoài ra, môn học còn giúp cho người học biết và hiểu được về một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là những kiến thức căn bản trong doanh nghiệp mà một nhà quản lý cần nắm được để làm nền tảng cho việc đưa ra các quyết định quản lý giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp<br>1.2. Vai trò của thông tin trong quản lý doanh nghiệp<br>1.3. Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2: Thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (12/0/24)** | | | | |
| 1-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Một số khái niệm cơ bản về kết quả sản xuất kinh doanh<br>2.2. Hệ thống chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<br>2.3. Thống kê chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3: Thống kê hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (12/0/24)** | | | | |
| 4-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Khái niệm, ý nghĩa và bản chất của hiệu quả sản xuất kinh doanh<br>3.2. Phân loại hiệu quả sản xuất kinh doanh<br>3.3. Phương pháp tính hiệu quả sản xuất kinh doanh<br>3.4. Thống kê ảnh hưởng của hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp đến môi trường | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4: Thống kê chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Thống kê chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<br>4.2. Thống kê giá thành sản phẩm của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5: Thống kê lao động của doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Thống kê số lượng và sự biến động lao động của doanh nghiệp<br>5.2. Thống kê tình hình sử dụng số lượng và thời gian lao động của doanh nghiệp<br>5.3. Thống kê năng suất lao động của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6: Thống kê nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp<br>6.2. Thống kê tài sản của doanh nghiệp<br>6.3. Thống kê tài sản cố định của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [3] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;<br>Một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm, phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Một số kiến thức cơ bản trong doanh nghiệp như cách tính các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp | | | 2.4.6 | |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Thống kê chất lượng sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, Thống kê tình hình sử dụng lao động, năng suất lao động và nguồn vốn của doanh nghiệp, tài sản của doanh nghiệp. | Tuần 10 | Bài tập nộp/bài thảo luận | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp; Nhớ và hiểu được một số nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được những nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm, phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;<br>Hiểu và vận dụng để tính toán các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. | 20 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu thống kê. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2017.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Thông tin và truyền thông, 2009.

[3]. GS.TS.Phạm Ngọc Kiểm, Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Giáo dục; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: thanhtamtc@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS Ngô Thúy Hà | TS Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Phan Thị Thanh Tâm |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Business Analysis
- Mã học phần:FIM482
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý thống kê, Thống kê doanh nghiệp, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp.
- Các học phần song hành:Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích hệ thống các chỉ tiêu thống kê của doanh nghiệp;<br>Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững các khái niệm về phân tích, chỉ tiêu phân tích và nhân tố ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;Phân tích môi trường kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; chi phí và tiết kiệm chi phí sản xuất; kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp. | 3 |
| M2 | 4.2.3 | Rèn luyện kỹ năng phân tích tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức, doanh nghiệp | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Những vấn đề cơ bản của phân tích kinh doanh(6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Đối tượng và ý nghĩa nghiên cứu của phân tích kinh doanh<br>1.2. Các phương pháp phân tích kinh doanh chủ yếu<br>1.3. Tổ chức phân tích kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp | 1.2.2<br>2.4.2<br>2.4.6<br>4.2.3 | | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh (9/0/18)** | | | | |
| 2-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất kinh doanh<br>2.2. Thị trường và chiến lược sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp<br>2.3. Đánh giá khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<br>2.4. Phân tích chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp | 1.2.2<br>2.4.2<br>2.4.6<br>4.2.3 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh (9/0/18)** | | | | |
| 4-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất<br>3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<br>3.3. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định | 1.2.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | và sản xuất sản phẩm | 2.4.2 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 2.4.6<br>4.2.3 | | |
| **Chương 4: Phân tích chi phí sản xuất và giá thành (9/0/18)** | | | | |
| 6-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Ý nghĩa và nội dung phân tích chi phí và giá thành<br>4.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm<br>4.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của những sản phẩm có thể so sánh được<br>4.4. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa<br>4.5. Phân tích tình hình biến động của một số yếu tố khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm | 1.2.2<br>2.4.2<br>2.4.6<br>4.2.3 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và lợi nhuận (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích<br>5.2. Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp<br>5.3. Phân tích biến động giá bán sản phẩm của doanh nghiệp<br>5.4. Phân tích khả năng tiêu thụ sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp<br>5.5. Phân tích tình hình lợi nhuận | 1.2.2<br>2.4.2<br>2.4.6<br>4.2.3 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp<br>6.2. Hoạt động tài chính của doanh nghiệp<br>6.3. Phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp | 1.2.2<br>2.4.2<br>2.4.6<br>4.2.3 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Một số kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh; Nội dung cơ bản về hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích tình kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2;2.4.2 2.4.6;4.2.3 | 10% |
| Bài tập nộp | Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh. | Tuần 7 | Bài tập nộp | 1.2.2;2.4.2 2.4.6;4.2.3 | 10% |
| Tự luận | Một số kiến thức cơ bản về tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phương pháp phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm. | Tuần 10 | Nộp bài thảo luận | 1.2.2;2.4.2 2.4.6;4.2.3 | 10% |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 1.2.2;2.4.2 2.4.6;4.2.3 | 10% |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.2;2.4.2 2.4.6;4.2.3 | 60% |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày một số kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu nội dung cơ bản về hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích tình kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;<br>- Hiểu một số kiến thức cơ bản về tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phương pháp phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán được các chỉ tiêu phân tích hoạt động kinh doanh<br>- Vận dụng các kiến thức để phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Nguyễn Năng Phúc; Phân tích kinh doanh – Lý thuyết và thực hành; NXB Tài chính; 2007.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Phạm Thị Gái; Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh; Nhà xuất bản Thống kê; 2004.

[3]. GS. TS Nguyễn Văn Công; Giáo trình Phân tích kinh doanh; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2013.

[4]. Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2001.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS Phan Thị Thanh Tâm Email:thanhtamtc@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS Ngô Thúy Hà | TS Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Phan Thị Thanh Tâm |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp
- Tên tiếng Anh: Coporate Finance
- Mã học phần: FIM 334
- Số tín chỉ: 03
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp kiến thức về phân tích tài chính của doanh nghiệp |
| M2 | Kỹ năng tìm kiếm thông tin doanh nghiệp, ngành, báo cáo tài chính doanh nghiệp<br>Kỹ năng nhận định và giải quyết vấn đề tài chính của doanh nghiệp.<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Trình bày, nắm bắt, ứng dụng, phân tích các thông tin liên quan đến tài chính doanh nghiệp phục vụ việc ra quyết định trong quản lý, phân tích. | 3 |
| M2 | 2.3.2 | Rèn luyện kỹ năng xem xét tài chính của doanh nghiệp đặt trong mối quan hệ với tài chính ngành | 3 |
| | 4.2.3 | Rèn luyện kỹ năng phân tích tình hình tài chính và kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Tài chính doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, huy động vốn và chi phí vốn của doanh nghiệp, quản lý tài sản của doanh nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ

năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Tổng quan về tài chính doanh nghiệp (4/0/8)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1 Doanh nghiệp và hoạt động tài chính doanh nghiệp<br>1.2 Khái niệm và vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp<br>1.3 Cơ chế quản trị tài chính doanh nghiệp<br>1.4 Nguyên tắc tài chính doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2. Báo cáo tài chính doanh nghiệp (8/0/10)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1 Tổng quan về báo cáo tài chính doanh nghiệp<br>2.2 Bảng cân đối kế toán<br>2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>2.5 Các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3. Phân tích tài chính doanh nghiệp (5/0/18)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1 Tổng quan phân tích tài chính doanh nghiệp<br>3.2 Nội dung phân tích tài chính | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4. Huy động vốn của doanh nghiệp (9/0/18)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1 Đầu tư và vai trò của hoạt động đầu tư đối với doanh nghiệp<br>4.2 Các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư<br>4.3 Xác định luồng tiền của dự án đầu tư<br>4.4. Phân tích và đánh giá dự án | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5. Chi phí vốn của doanh nghiệp (7/0/12)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1 Khái niệm và ý nghĩa của chi phí vốn<br>5.2 Chi phí nợ vay của doanh nghiệp<br>5.3 Chi phí vốn chủ sở hữu<br>5.4 Chi phí vốn bình quân | 1.2.3;<br>2.3.2;<br>4.2.3;<br>2.4.6; | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6. Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1 Khái niệm và phân loại tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp<br>6.2 Khái niệm và mục tiêu quản lý tài sản ngắn hạn<br>6.3 Quản lý tiền của doanh nghiệp<br>6.4 Quản lý các khoản phải thu của doanh nghiệp | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 7. Đầu tư dài hạn (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1 Những vấn đề chung về đầu tư dài hạn và dự án đầu tư<br>7.2 Hoạch định ngân sách vốn đầu tư<br>7.3 Dự toán vốn đầu tư<br>7.4 Dòng tiền của dự án<br>7.5 Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án | 1.2.3<br>2.3.2<br>4.2.3<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Tổng quan về tài chính doanh nghiệp; Báo cáo tài chính doanh nghiệp; Phân tích tài chính doanh nghiệp | Tuần 4 | Kiểm tra thường xuyên 1 | 1.2.3;2.3.2 4.2.3;2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Huy động vốn của doanh nghiệp; Chi phí vốn của doanh nghiệp | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.3;2.3.2 4.2.3;2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Toàn bộ nội dung học phần | Tuần 10 | Bài tập nộp/ bài thảo luận nộp | 1.2.3;2.3.2 4.2.3;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.3;2.3.2 4.2.3;2.4.6 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo lịch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.3;2.3.2<br>4.2.3;2.4.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về dòng tiền, các chỉ tiêu tài chính, kế hoạch tài chính, các nguyên tắc quyết định đầu tư. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được ý nghĩa của các dòng tiền, chỉ tiêu tài chính, các nguyên tắc quyết định đầu tư, quản lý tài sản trong doanh nghiệp. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán dòng tiền, các chỉ số tài chính, lập kế hoạch tài chính.<br>- Tính toán hiệu quả các dự án đầu tư dựa trên các chỉ tiêu đánh giá. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS Vũ Duy Hào, ThS. Trần Minh Tuấn; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2019.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Trần Đình Tuấn; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB Đại học Thái Nguyên; 2008.

[3]. PGS.TS. Bùi Văn Vần, PGS.TS Vũ Văn Ninh; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2015.

[4]. Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào; Tài chính doanh nghiệp; NXB Thống kê; 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn
4. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ HỌC

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị học
- Tên tiếng Anh: Fundamentals of Management
- Mã học phần: FIM208
- Số tín chỉ: 03
- Các học phần học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 45 tiết
  - Thực hành, thực tập : 0 tiết
  - Tự học : 90 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Tổng quát hóa các kiến thức cơ bản về bản chất của tổ chức và môi trường của tổ chức, bản chất của khoa học quản trị thông qua các quy luật và nguyên tắc áp dụng trong công tác quản trị; những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản trị và các chức năng quản trị.<br>Đánh giá và thiết kế cơ cấu tổ chức phù hợp cho một tổ chức |
| M2 | Bước đầu hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm |
| M3 | Tự nhận định được sự tác động của các yếu tố trong môi trường bên ngoài và môi trường bên trong của tổ chức/doanh nghiệp.<br>Xác định được nhiệm vụ, chức năng của nhà quản trị trong tổ chức |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Tổng quát hóa các kiến thức về: bản chất của tổ chức các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức; các quy luật và nguyên tắc quản trị; các chức năng quản trị cơ bản | 3 |
| | 4.4.1 | Sinh viên biết sử dụng khoa học quản trị để xây dựng một bản kế hoạch hoạt động và thiết kế cơ cấu tổ chức trong các tình huống nghiên cứu giả định | 3 |
| M2 | 2.4.4 | Định hướng và xây dựng phương pháp để rèn luyện bản thân để trở thành nhà quản trị trong tương lai. | 3 |
| M3 | 4.3.1 | Xác định được nhiệm vụ, chức năng của nhà quản trị trong tổ chức. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Quản trị học là học phần bắt buộc trong khối khiến thức cơ sở của chuyên ngành Kinh tế công nghiệp, bao gồm những nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; Nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị, 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp, đồng thời đóng góp vai trò cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần quản trị lĩnh vực trong khối kiến thức chuyên ngành.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về quản trị tổ chức (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>1.1 Các vấn đề cơ bản về tổ chức<br>1.2 Quản trị các tổ chức<br>1.3 Quy luật và nguyên tắc trong quản trị tổ chức<br>1.4 Sự phát triển của các tư tưởng quản trị<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 2: Thông tin và quyết định trong quản trị (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>2.1 Đảm bảo thông tin trong hoạt động quản trị<br>2.2 Quyết định quản trị<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1]; [2]; [3] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 3: Lập kế hoạch (9/0/18)** | | | | |
| 3-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>3.1 Tổng quan về kế hoạch và lập kế hoạch<br>3.2 Lập kế hoạch chiến lược<br>3.3 Lập kế hoạch tác nghiệp<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không<br>**Kiểm tra thường xuyên lần 1** | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1], [2] | Giảng dạy trực tiếp; Học tập độc lập |
| 6-7 | **Chương 4: Tổ chức**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>4.1 Chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức<br>4.2 Thiết kế cơ cấu tổ chức<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1] | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 8-9 | **Chương 5: Lãnh đạo**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>5.1 Tổng quan về lãnh đạo<br>5.2 Tạo động lực<br>5.3 Xây dựng nhóm làm việc<br>5.4 Truyền thông<br>5.5 Giải quyết xung đột và đàm phán<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không<br>**Kiểm tra thường xuyên lần 2** | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1], [3] | |
| 9-10 | **Chương 6: Kiểm tra**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>6.1 Tổng quan về kiểm tra<br>6.2 Hệ thống kiểm tra<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không<br>**Hướng dẫn ôn thi KTHP** | 1.2.2<br>2.4.4<br>4.3.1<br>4.4.1 | [1] | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kiến thức tổng quan về quản trị tổ chức; Khái niệm và đặc điểm chung của thông tin và quyết định trong tổ chức | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình | 1.2.2; 2.4.4<br>4.3.1; 4.4.1 | 15 |
| Tự luận | Nhà quản trị và các chức năng quản trị | Tuần 8 | Bài kiểm tra quá trình | 1.2.2; 2.4.4<br>4.3.1; 4.4.1 | 15 |
| Tự luận | Xây dựng một bản kế hoạch hoạt động hoặc thiết kế cơ cấu tổ chức trong các tình huống nghiên cứu giả định | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.2; 2.4.4<br>4.3.1; 4.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo KH thi KTHP | Câu hỏi, bài tập | 1.2.2; 2.4.4<br>4.3.1; 4.4.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ được những kiến thức cơ bản về quản trị các tổ chức (khái niệm tổ chức, môi trường của tổ chức, khái niệm quản trị, quy luật và nguyên tắc trong quản trị, sự phát triển của các tư tưởng quản trị). | 25 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Hiểu | - Xác định được nhiệm vụ, chức năng của nhà quản trị trong tổ chức;<br>- Giải thích được khái niệm, đặc điểm chung về thông tin và quyết định trong tổ chức;<br>- Mô tả được khái niệm và nội dung của chức năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong hoạt động quản trị. | 35 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng được kỹ năng xác định vấn đề và sáng tạo giải quyết vấn đề quản trị.<br>- Áp dụng khoa học quản trị để xây dựng một bản kế hoạch hoạt động và thiết kế cơ cấu tổ chức trong các tình huống nghiên cứu giả định<br>- Bước đầu xây dựng được kỹ năng làm việc theo nhóm | 40 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền; Giáo trình Quản trị học; NXB Tài Chính; 2009.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đỗ Thị Hải Hà; Giáo trình Quản lý học; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2015.

[3]. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền; Giáo trình Quản trị học; NXB Tài Chính; 2006.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
2. ThS Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ LƯỢNG

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kinh tế lượng
- Tên tiếng Anh: Econometrics
- Mã học phần: FIM538
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất và thống kê
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Kinh tế lượng |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế lượng<br>Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình<br>Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Hiểu, nắm vững và vận dụng được kiến thức kinh tế lượng như phân tích hồi quy, hồi quy đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy với biến giả, phát hiện các khuyết tật có thể có của mô hình như đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi, tự tương quan để phân tích, đánh giá các mô hình kinh tế lượng. | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ của kinh tế lượng để phân tích, đánh giá và giải quyết các bài toán kinh tế cụ thể trong thực tế. | 3 |
| | 2.4.3 | Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành (SPSS, Eview, Excel…) | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Kinh tế lượng là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, Học phần này giúp sinh viên nắm được quy trình phân tích hồi quy để giải quyết những bài toán kinh tế kinh tế cụ thể thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng

dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Mô hình hồi quy hai biến một số tư tưởng cơ bản (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1 . Phân tích hồi quy<br>1.2. Bản chất và nguồn số liệu<br>1.3. Mô hình hồi quy tổng thể<br>1.4. Sai số ngẫu nhiên và bản chất của nó<br>1.5. Hàm hồi quy mẫu | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2: Mô hình hồi quy hai biến, ước lượng và kiểm định giả thiết (8/0/16)** | | | | |
| 2-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất<br>2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất<br>2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất<br>2.4. Hệ số $R^2$ đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu<br>2.5. Phân bố xác suất $U_i$<br>2.6. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy<br>2.7. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy<br>2.8. Phân tích hồi quy và dự báo | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3: Hồi quy bội (7/0/14)** | | | | |
| 4-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Mô hình hồi quy 3 biến<br>3.2. Mô hình hồi quy tuyến tính K biến<br>3.3. Hệ số xác định bội $R^2$<br>3.4. Kiểm định giả thiết và khoảng tin cậy của các hệ số hồi quy<br>3.5. Dự báo<br>3.6. Một số dạng hàm hồi quy | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4: Hồi quy với biến giả (6/0/12)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Bản chất của biến giả<br>4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất<br>4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất<br>4.4. So sánh hai hồi quy<br>4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa các biến giả<br>4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mùa<br>4.7. Hồi quy tuyến tính từng khúc | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 5: Đa cộng tuyến (6/0/12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Bản chất của đa cộng tuyến<br>5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến<br>5.3. Hậu quả của đa cộng tuyến<br>5.4. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến<br>5.5. Biện pháp khắc phục | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 6: Phương sai của sai số thay đổi (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi<br>6.2. Ước lượng các tham số khi có phương sai của sai số thay đổi<br>6.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát<br>6.4. Hậu quả phương sai của sai số thay đổi<br>6.5. Phát hiện phương sai của sai số thay đổi<br>6.6. Biện pháp khắc phục | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 7: Tự tương quan (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Nguyên nhân của tự tương quan<br>7.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan<br>7.3. Hậu quả của tự tương quan | 1.2.2<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 7.4. Phát hiện tự tương quan<br>7.5. Biện pháp khắc phục | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Mô hình hồi quy đơn biến | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Hồi quy đa biến; Hồi quy với biến giả | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình 2 | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp | Mô hình hồi quy đơn biến; hồi quy đa biến; hồi quy với biến giả; đa cộng tuyến; tự tương quan; phương sai với sai số thay đổi | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.2.2;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được định nghĩa và các khái niệm cơ bản về các phân tích hồi quy, hồi quy đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy với biến giả và các khuyết tật của mô hình kinh tế lượng. | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được cách thức sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích quan hệ giữa các biến kinh tế và dự báo | 20 |
| 2 | Áp dụng | Xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.<br>Thực hiện được việc đánh giá các khuyết tật của mô hình và cách khắc phục | 60 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Nguyễn Quang Dong; Bài giảng Kinh tế lượng; NXB Giao thông vận tải; 2008.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. GS. TS. Nguyễn Quang Dong và TS. Nguyễn Thị Minh; Giáo trình Kinh tế lượng; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2015.

[3]. Trường ĐH Kinh tế quốc dân; Bài tập kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2009.

[4]. GS. TS Nguyễn Quang Dong; Bài giảng Kinh tế lượng; NXB Thống kê; 2001.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán quản trị 1.
- Tên tiếng Anh: Managerial Accounting 1.
- Mã học phần: FIM431.
- Số tín chỉ: 4
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán; Nguyên lý thống kê.
- Các học phần học trước: Kinh tế học vi mô; Thống kê doanh nghiệp; Kế toán tài chính 1.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 58 tiết
  - Tự học : 120 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Nắm vững khái niệm, bản chất, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Hiểu rõ mối quan hệ giữa Kế toán quản trị với Kế toán tài chính;<br>- Nắm vững các phương pháp phân loại chi phí và xác định chi phí được sử dụng để thu thập, phân tích thông tin trong Kế toán quản trị;<br>- Hiểu rõ về bộ phận phục vụ và phương pháp phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ trong doanh nghiệp;<br>- Nắm vững các kiến thức cơ bản về mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Hiểu rõ về điểm hòa vốn và phân tích điểm hòa vốn;<br>- Nắm vững các kiến thức cơ bản về dự toán và biết cách lập dự toán sản xuất kinh doanh;<br>- Nắm vững phương pháp phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định và lựa chọn phương án đầu tư hoặc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà quản trị doanh nghiệp. |
| M2 | Trang bị cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để xác định vấn đề, vận dụng linh hoạt các kiến thức liên quan trong việc giải quyết vấn đề nhằm cung cấp thông tin thích hợp cho nhà quản trị trong từng tình huống cụ thể.<br>Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng mềm như: Kỹ năng tư duy độc lập; Kỹ năng tư duy phản biện; Kỹ năng giao tiếp. |
| M3 | Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có phương pháp làm việc khoa học; Có góc nhìn và tư duy logic trong xử lý vấn đề của một kế toán viên quản trị. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình nhận diện vấn đề, phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập báo cáo kế toán quản trị qua đó cung cấp thông tin kế toán cho nhà quản trị bên trong doanh nghiệp giúp nhà quản trị điều hành hoạt động của doanh nghiệp đạt hiệu quả. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Phân tích, đánh giá các vấn đề phát sinh dưới góc nhìn tổng quát đồng thời luôn đặt chúng trong mối quan hệ với điều kiện thực tế của doanh nghiệp; sử dụng phương pháp phân tích, dự báo phù hợp qua đó thiết kế hệ thống thông tin thích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua quá trình thu thập thông tin, phân tích và thiết kế thông tin dưới dạng báo cáo kế toán quản trị từ đó tư vấn cho nhà quản trị trong từng tình huống ra quyết định cá biệt. | 3 |
| | 4.5.1 | Phân tích thông tin thích hợp đã thu tập được trong quá trình xử lý từng tình huống phát sinh cụ thể, qua đó lập báo cáo sử dụng nội bộ làm cơ sở tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. | 3 |
| | 4.6.1 | Phân tích kết quả đạt được thông qua lập báo cáo thực tế, so sánh, đánh giá giữa thực tế với kế hoạch để nhận diện những sai biệt, qua đó tư vấn cho nhà quản trị phương án điều chỉnh kịp thời. | 3 |
| M3 | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập; Biết quản lý thời gian và quản lý nguồn lực; có tinh thần ham hiểu biết và học tập suốt đời. | 3 |
| | 2.5.1 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên quản trị. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kế toán quản trị 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Cách lập các loại dự toán sản xuất; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp, giúp đưa ra đề xuất về các giải pháp nhằm duy trì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

## 5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Giới thiệu chung về Kế toán quản trị (6,0,12)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Khái niệm, đối tượng và vai trò của Kế toán quản trị.<br>1.2. Phân biệt Kế toán quản trị với Kế toán tài chính.<br>1.3. Phương pháp của Kế toán quản trị.<br>1.4. Tổ chức công tác Kế toán quản trị trong doanh nghiệp. | 1.3.1<br>2.4.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 1 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 1.<br>- Đọc thêm về tổ chức, các hoạt động cơ bản của tổ chức; Tổ chức công tác Kế toán quản trị trong doanh nghiệp.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 2: Phân loại chi phí – Các phương pháp xác định chi phí (12,0,24)** | | | | |
| 2-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Khái niệm chi phí.<br>2.2. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động.<br>2.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.<br>2.4. Phân loại chi phí trong các báo cáo tài chính.<br>2.5. Các cách phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định.<br>2.6. Các loại giá phí.<br>2.7. Các phương pháp xác định chi phí. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 2, làm bài tập chương 2 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 1, 2.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 3: Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ và phân tích báo cáo bộ phận (8,0,16)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 4-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Khái niệm và phân loại các trung tâm phân tích.<br>3.2. Khái niệm chi phí, kết quả trong báo cáo bộ phận.<br>3.3. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ.<br>3.4. Phân tích báo cáo bộ phận.<br>3.5. Phân tích báo cáo bộ phận theo các phương pháp xác định chi phí. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 3, làm bài tập chương 3 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 2.<br>- Đọc tài liệu được cung cấp và tìm đọc thêm tài liệu về phân tích báo cáo bộ phận theo các phương pháp xác định chi phí.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 4: Phân tích mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận (C-V-P) (10,0,20)** | | | | |
| 5-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Các khái niệm liên quan đến mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận.<br>4.2. Một số ứng dụng khi nghiên cứu mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận.<br>4.3. Điểm hòa vốn.<br>4.4. Phân tích điểm hòa vốn.<br>4.5. Ứng dụng phân tích điểm hòa vốn trong việc ra quyết định. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 4, làm bài tập chương 4 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 2, 3.<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra cách giải quyết vấn đề mà Kế toán quản trị cần xử lý cho các bài tập tình huống.<br>- Đọc thêm tài liệu về các tình huống liên quan đến mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Phân tích điểm hòa vốn.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 5: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất (6,0,12)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Khái quát chung về dự toán.<br>5.2. Xây dựng định mức tiêu chuẩn.<br>5.3. Lập dự toán sản xuất kinh doanh.<br>5.4. Phân tích biến động chi phí sản xuất.<br>5.5. Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi về kiến thức chương 5, làm bài tập chương 5 trong hệ thống Câu hỏi lý thuyết, bài tập TC 3, 4.<br>- Đọc tài liệu được cung cấp và tìm đọc thêm tài liệu về phân tích biến động chi phí sản xuất và các phương pháp định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 6. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 6: Thông tin thích hợp của kế toán cho việc ra quyết định ngắn hạn (8,0,16)** | | | | |
| 8-9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Khái niệm, mục đích, phương pháp phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn.<br>6.2. Ứng dụng phân tích thông tin thích hợp trong việc ra quyết định ngắn hạn. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 6, làm bài tập chương 6 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 4.<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra cách giải quyết vấn đề mà Kế toán quản trị cần xử lý cho các bài tập tình huống.<br>- Tìm đọc tài liệu về các tình huống phân tích thông tin thích hợp trong việc ra quyết định ngắn hạn.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 7: Thông tin thích hợp của kế toán cho việc ra quyết định dài hạn (8,0,16)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Khái niệm đầu tư dài hạn, đặc điểm của vốn đầu tư dài hạn.<br>7.2. Phương pháp hiện giá thuần (NPV).<br>7.3. Phương pháp tỷ lệ sinh lời điều chỉnh theo thời | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2<br>4.5.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | gian (IRR).<br>7.4. Các quyết định đầu tư khác.<br>7.5. Đánh giá về các phương án phân tích dự án đầu tư.<br>7.6. Quyết định đầu tư dài hạn trong điều kiện có rủi ro. | 4.6.1 | | |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi, làm bài tập chương 7 trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập tín chỉ 4;<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra cách giải quyết vấn đề mà Kế toán quản trị cần xử lý cho các bài tập tình huống;<br>- Tìm đọc thêm tài liệu về các tình huống phân tích thông tin thích hợp trong việc ra quyết định dài hạn; Đánh giá về các phương pháp phân tích dự án đầu tư; Quyết định đầu tư dài hạn trong điều kiện có rủi ro; | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các vấn đề chung về Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí, xác định chi phí; Phân tích chi phí hỗn hợp; Lập báo cáo của kế toán quản trị. | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1; 2.3.1 2.4.1; 2.5.1 3.2.2; 4.5.1 | 10 |
| Tự luận | Bộ phận phục vụ; Các nguyên tắc phân bổ chi phí phục vụ; Mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận; Điểm hòa vốn; Dự toán và phương pháp lập dự toán sản xuất kinh doanh. | Tuần 7 | | 1.3.1; 2.3.1 2.4.1; 2.5.1 3.2.2; 4.5.1 4.6.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Nộp một số bài tập theo yêu cầu của giảng viên. | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1; 2.3.1 2.4.1; 2.5.1 3.2.2; 4.5.1 4.6.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo lịch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1; 2.3.1 2.4.1; 2.5.1 3.2.2; 4.5.1 4.6.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được khái niệm, định nghĩa cơ bản liên quan đến từng nội dung kiến thức cụ thể của Kế toán quản trị.<br>Nhớ được phương pháp giải quyết các vấn đề phát sinh. | 15 |
| | Hiểu | Lựa chọn được phương pháp phù hợp để thiết kế thông tin, phân tích thông tin, tính toán các chỉ tiêu cần thiết và lập báo cáo kế toán cho từng tình huống cụ thể. | 15 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng kiến thức đã được trang bị để tính toán đúng các chỉ tiêu trong từng tình huống cá biệt. | 50 |
| | Phân tích | Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan liên quan đến kết quả đạt được trong từng tình huống cụ thể. | 10 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận phù hợp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS. Phạm Văn Dược; Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2006.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS. Phạm Văn Dược; Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2000.

[3]. PGS.TS. Vương Đình Huệ, TS. Đoàn Xuân Tiên; Kế toán quản trị; NXB Tài chính; 1999.

[4]. TS. Huỳnh Lợi; Hệ thống bài tập và bài giải Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2008.

[5]. PGS.TS. Đào Văn Tài, TS. Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa; Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam; NXB Tài chính; 2003.

[6] TS. Huỳnh Lợi, TS Nguyễn Khắc Tâm, TS. Võ Văn Nhị; Kế toán quản trị; NXB Tài chính; 2001.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Ngô Thúy Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn

2. ThS. Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@gmail.com

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | TS. Ngô Thúy Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP CƠ SỞ NGÀNH (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP)

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực tập cơ sở ngành (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp)
- Tên tiếng Anh: Intership in Accounting
- Mã học phần: FIM0388
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 120 tiết
  - Tự học : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Ứng dụng các kiến thức nền tảng phục vụ cho nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành. |
| M2 | Kỹ năng phân tích tài liệu kế toán;<br>Kỹ năng phân loại chứng từ;<br>Kỹ năng thực hành ghi sổ kế toán;<br>Kỹ năng đối chiếu số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp;<br>Kỹ năng viết báo cáo;<br>Kỹ năng làm việc nhóm;<br>Kỹ năng thuyết trình. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành, từ đó có thể vận dụng cho việc giải quyết các vấn đề giả định được đưa ra liên quan đến lĩnh vực kế toán | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Xem xét các đối tượng kế toán xuất hiện trong mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đưa ra, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các đối tượng kế toán có liên quan khác, từ đó xác định được các chứng từ, sổ sách, báo cáo cần sử dụng. | 3 |
| | 2.4.1 | Rèn luyện các kỹ năng, thái độ cá nhân | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua việc lập báo cáo phần hành kế toán cụ thể liên quan đến dữ liệu đưa ra | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN) là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp bao gồm hệ thống các tình huống giả định được xây dựng trên bộ dữ liệu thực tế. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng trong việc thực hành quy trình luân chuyển chứng từ kế toán trên một số phần hành kế toán

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1 | - Mở đầu;<br>- Khái quát chung về tổ chức hệ thống sổ kế toán theo các hình thức kế toán. | 1.2.3 | [1] đến [5] | Nghiên cứu tình huống; giải quyết vấn đề; học tập nhóm; thảo luận; tương tác |
| 2 | Phân loại chứng từ kế toán | 1.2.3, 2.3.1 2.4.1, 3.2.1 | | |
| 3-4 | Thực hành tổ chức ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán | | | |
| 5 | Hoàn thiện báo cáo | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Chấm báo cáo | Bộ sổ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp | Tuần thứ 6 | Báo cáo nộp | 1.2.3, 2.3.1 2.4.1, 3.2.1 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày khái quát hình thức kế toán đang thực hiện | 10 |
| | Hiểu | Lựa chọn đúng số lượng, chủng loại chứng từ sử dụng và mô phỏng quy trình luân chuyển của một số loại đặc trưng. | 30 |
| 2 | Áp dụng | Ứng dụng lý thuyết để lập các chứng từ kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đưa ra. Từ chứng từ thực hiện ghi sổ kế toán. | 40 |
| | Phân tích | Phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó xác định được đối tượng kế toán liên quan làm căn cứ lập các chứng từ kế | 10 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | toán căn bản. | |
| 3 | Đánh giá | Rút ra được những nhận xét về ưu, nhược điểm của chế độ kế toán đang thực hiện. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Tài liệu, số liệu kế toán giả định;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[3]. 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam;

[4]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[5]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên hướng dẫn:

1. TS. Ngô Thuý Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
3. ThS. Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
4. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ — Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
5. ThS. Nguyễn Thị Hồng — Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN CĂN BẢN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kiểm toán căn bản
- Tên tiếng Anh: Bacsic Auditing
- Mã học phần: FIM434
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết:
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Những kiến thức cơ bản, các phương pháp, quy trình, tổ chức bộ máy kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán của việt nam và quốc tế. |
| M2 | - Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm.<br>- Trang bị cho sinh viên kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết sai sót, gian lận trong hạch toán kế toán. Có góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề của một kiểm toán viên. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Ứng dụng kiến thức cơ sở ngành phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành | 3 |
| M2 | 2.2.1 | Nhận diện, đánh giá, giải quyết các vấn đề từ đó đề xuất phương án phù hợp. | 2 |
| | 2.1.2 | Phát hiện, khám phá vấn đề một cách độc lập, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khám phá. | 2 |
| | 2.3.1 | Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống. | 2 |
| | 2.4.1 | Xây dựng kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Biết nhận thức năng | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Rèn luyện tính kiên trì, tận tuỵ, có tinh thần trách nhiệm cao. | |
| | 2.5.1 | Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kiểm toán căn bản là học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kiểm toán như bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng của kiểm toán; các phương pháp kiểm toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kiểm toán; các hình thức tổ chức công tác kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tiếp cận nhanh với công việc kế toán – kiểm toán sau khi tốt nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về kiểm toán (6/0/10)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Lịch sử phát triển của kiểm toán.<br>1.2. Bản chất của kiểm toán.<br>1.3.Chức năng của kiểm toán.<br>1.4. Ý nghĩa và tác dụng của kiểm toán trong quản lý.<br>1.5. Các loại kiểm toán.<br>1.6. Đối tượng kiểm toán. | 1.2.3<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2: Những khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán (13/0/25)** | | | | |
| 3-5 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>2.1. Gian lận và sai sót với việc xác định nội dung kiểm toán.<br>2.2. Trọng yếu và rủi ro với việc lựa chọn nội dung kiểm toán cụ thể.<br>2.3. Chứng từ kiểm toán, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán.<br>2.4. Hệ thống kiểm soát nội bộ.<br>2.5. Hoạt động liên tục.<br>2.6. Cơ sở dữ liệu. | 1.2.3 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3: Hệ thống phương pháp kiểm toán (6/0/15)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Khái quát về hệ thống phương pháp kiểm toán.<br>3.2. Các phương pháp kiểm toán chứng từ.<br>3.3. Các phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ. | 1.2.3<br>2.2.1<br>2.1.2<br>2.3.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | 2.4.1 | | |
| **Chương 4: Chọn mẫu đối tượng kiểm toán (10/0/20)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>4.1. Các loại khái niệm cơ bản về chọn mẫu kiểm toán.<br>4.2 Phương pháp chọn mẫu.<br>4.3. Chọn mẫu thuộc tính.<br>4.4. Chọn mẫu theo đơn vị tiền tệ. | 1.2.3<br>2.2.1<br>2.3.1<br>2.4.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung bài tập:* áp dụng phương pháp chọn mẫu với một đối tượng kiểm toán cụ thể. | | | Luyện tập |
| **Chương 5: Tổ chức công tác kiểm toán (5/0/10)** | | | | |
| 9 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>5.1. Mục tiêu và trình tự tổ chức công tác kiểm toán.<br>5.2. Chuẩn bị kiểm toán.<br>5.3. Thực hành kiểm toán.<br>5.4. Kết thúc kiểm toán. | 1.2.3 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B Nội dung bài tập:* Bài tập tình huống về xác định sai phạm và giải quyết vấn đề hạch toán kế toán. | | | Luyện tập |
| **Chương 6: Chuẩn mực kiểm toán (3/0/10)** | | | | |
| 10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Khái quát chung về chuẩn mức kiểm toán.<br>6.2. Những chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến.<br>6.3. Đặc điểm của hệ thống chuẩn mực kiểm toán cụ thể trong các bộ máy kiểm toán.<br>6.4. Xây dựng chuẩn mực kiểm toán. | 1.2.3 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B.Nội dung bài tập:* Bài tập tình huống về xác định sai phạm và giải quyết vấn đề hạch toán kế toán. | | | Luyện tập |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về kiểm toán. | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.2.3 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1 | | |
| Tự luận | Chọn mẫu với một đối tượng kiểm toán cụ thể, xác định sai phạm và giải quyết vấn đề hạch toán kế toán. | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 2.3.1 | 10 |
| Bài tập về nhà | Một trong các dạng bài tập của học phần | Tuần 10 | Bài tập nộp | 2.3.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 2.3.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Nhớ được một số kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành phát triển, vai trò chức năng, các loại kiểm toán; các khái niệm cơ bản của kiểm toán; các phương pháp kiểm toán, chọn mẫu kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán như gian lận, sai sót, trọng yếu, các loại rủi ro kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp; phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ; phương pháp chọn mẫu; quy trình kiểm toán; chọn mẫu kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán. | 40 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng phương pháp kiểm toán để kiểm toán một số phần hành cơ bản. | 20 |
| | Phân tích | - Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán chính xác<br>- Phân tích đối tượng chọn mẫu đưa ra phương pháp phù hợp.<br>- Phân tích các sai phạm đưa ra cách xử lý các tình huống phát sinh | 20 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Nguyễn Quang Quynh (chủ biên); Lý thuyết kiểm toán; Đại học kinh tế quốc dân Hà nội; NXB Tài chính; 2001.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2].TS. Vũ Hữu Đức và Ths; Võ Anh Dũng (Đồng chủ biên); Kiểm toán; Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh; NXB Thống kê; 2005.

[3].PGS. TS. Nguyễn Việt; Kiểm toán; Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh; NXB Tài chính; 2007

[4].TS Nguyễn Phúc Sinh (chủ biên); Kiểm toán đại cương;Tổng liên đoàn lao động VN; Trường đại học Tôn Đức Thắng; 2007

[5]. Hệ thống Chuẩn mực kế toán; Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn
3. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Dương Hương Lam |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại
- Tên tiếng Anh: Commercial Banking Operations
- Mã học phần: FIM352
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Các kiến thức về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại. |
| M2 | Kỹ năng đánh giá các loại nghiệp vụ về vốn của ngân hàng, các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại và các nghiệp vụ thanh toán.<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Trình bày, nắm bắt, ứng dụng các kiến thức liên quan về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại gồm huy động vốn, tín dụng. | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Ứng dụng các kiến thức đến liên quan đến hoạt động huy động vốn, tín dụng của ngân hàng để nhận diện, đánh giá và đề xuất các giải pháp trong các tình huống cụ thể về các nghiệp vụ của ngân hàng. | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại như

cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê, bảo lãnh, quy trình tín dụng, nội dung của quy trình tín dụng, phân tích tín dụng của ngân hàng thương mại.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Tổng quan về ngân hàng và hoạt động ngân hàng (5/0/10)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng<br>1.2 Chức năng của ngân hàng<br>1.3 Các dịch vụ ngân hàng<br>1.4 Vai trò của ngân hàng thương mại<br>1.5 Các loại hình ngân hàng thương<br>1.6 Hệ thống ngân hàng Việt Nam | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2. Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn (7/0/10)** | | | | |
| 2-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1 Nguồn vốn và nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại<br>2.2 Đặc điểm nguồn vốn và các nhân tố ảnh hưởng tới quy mô và cơ cấu nguồn vốn<br>2.3. Quản lý vốn nợ | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3. Tài sản và quản lý tài sản của NHTM (6/0/10)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1 Các khoản mục tài sản và đặc điểm các khoản mục tài sản<br>3.2 Quản lý tài sản<br>3.3 Mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4. Các nghiệp vụ tín dụng (6/0/10)** | | | | |
| 7-8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1 Phân loại các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại<br>4.2 Xác định quy mô cho vay<br>4.3 Các nghiệp vụ tín dụng theo cách thức cấp tín dụng | 1.2.3<br>2.1.3 | Từ [1] | Thuyết giảng, |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.4. Các nghiệp vụ tín dụng theo hình thức đảm bảo<br>4.5 Một số nghiệp vụ tín dụng khác | 2.4.2<br>2.4.6 | đến [4] | Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5. Quy trình tín dụng và phân tích tín dụng (6/0/10)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1 Quy trình tín dụng<br>5.2 Phân tích tín dụng | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn; các vấn đề cơ bản về tín dụng và quy trình quản lý tín dụng | Tuần 4 | Kiểm tra thường xuyên 1 | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Định mức tín dụng và các hình thức tín dụng ngắn hạn, tín dụng có bảo đảm của ngân hàng. | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Nguồn vốn và quản lý vốn; tín dụng và quản lý dụng; | Tuần 10 | Bài tập nộp/ bài thảo luận nộp | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm vốn, các loại vốn, tín dụng, các hình thức tín dụng, các công cụ thanh toán của ngân hàng thương mại. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu các hoạt động huy động vốn, quản lý vốn ; cấp tín dụng, quản lý tín dụng và cung cấp công cụ thanh toán của ngân hàng. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán lãi suất huy động, lãi suất cho vay, hạn mức tín dụng, đề xuất tín dụng của ngân hàng thương mại. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS. Phan Thị Thu Hà; Giáo trình ngân hàng thương mại; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2013;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Lê Văn Tư; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; NXB Tài chính Hà Nội; 2005;

[3]. Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy; Nguyễn Thị Tuyết Nga; Nguyễn Văn Kiên; Bài tập và bài giải nghiệp vụ ngân hàng thương mại tín dụng ngân hàng; TP.Hồ Chí Minh Đại học Quốc gia; 2007;

[4]. Nguyễn Đăng Dờn, Hoàng Đức; Trần Huy Hoàng; Trầm Xuân Hương; Tín dụng ngân hàng Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; Hà Nội Thống kê; 2005.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn
4. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp
- Tên tiếng Anh: Administrative Accounting
- Mã học phần: (đề nghị cấp mã mới)
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị Hành chính sự nghiệp (HCSN); Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị HCSN; Lập báo cáo kế toán tài chính trong các đơn vị HCSN. |
| M2 | - Kỹ năng tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN;<br>- Kỹ năng lập các chứng từ, sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toàn ngân sách theo quy định hiện hành;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập. |
| M3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề như một kế toán tại các đơn vị HCSN. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Vận dụng kiến thức về kế toán tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa; nguyên tắc kế toán tài sản cố định; quản lý các khoản thanh toán; Các khoản thu chi hoạt động sự nghiệp; nguồn kinh phí, vốn; lập báo cáo tài chính để tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN. | 3 |
| M2 | 2.1.1 | Xác định tài khoản sử dụng; chủng loại chứng từ kế toán, sổ kế toán chi tiết, tổng hợp cần sử dụng trong mỗi nghiệp vụ cụ thể. | 3 |
| | 2.2.1 | Phát hiện được các vấn đề cần giải quyết trong một nghiệp | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | vụ thực tế phát sinh. | |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tinh kiên trì, tận tuy, tinh thần trách nhiệm cao, Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | 3 |
| M3 | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua phân tích các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại đơn vị HCSN. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) là một học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị HCSN. Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở đơn vị HCSN. Cách lập, đọc các báo cáo tài chính của các đơn vị HCSN.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp<br>1.2. Hệ thống tài khoản kế toán<br>1.3 Hệ thống chứng từ, sổ sách và hình thức kế toán | 1.2.3<br>2.4.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2 | | | Học tập độc lập |
| **Chương 2: Kế toán tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Kế toán tiền kinh phí và vốn<br>2.2. Kế toán vật liệu, dụng cụ lâu bền, sản phẩm, hàng hóa | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Học tập độc lập |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 3: Kế toán tài sản cố định (6/0/12)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Đặc điểm và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định<br>3.2. Phân loại, đánh giá TSCĐ<br>3.3. Kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ<br>3.4. Kế toán hao mòn và khấu hao TSCĐ<br>3.5. Kế toán chi phí sửa chữa TSCĐ | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 4: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán (6/0/12)** | | | | |
| 4-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Khái niệm, nội dung, nguyên tắc và nhiệm vụ của kế toán thanh toán<br>4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán chủ yếu | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5; | | | Học tập độc lập |
| **Chương 5: Hạch toán nguồn kinh phí, vốn (6/0/12)** | | | | |
| 6-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Nội dung, nguyên tắc hạch toán và nhiệm vụ của kế toán nguồn kinh phí, vốn<br>5.2. Kế toán nguồn kinh phí, vốn hoạt động trong đơn vị HCSN<br>5.3. Kế toán các nguồn vốn và quỹ tài chính khác | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 6 | | | Học tập độc lập |
| **Chương 6: Kế toán các khoản thu, chi hoạt động sự nghiệp và kinh doanh (6/0/12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết | 1.2.3<br>2.1.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 6.1. Kế toán chi hoạt động<br>6.2. Kế toán chi chương trình, dự án và đề tài trong đơn vị hành chính sự nghiệp<br>6.3. Kế toán chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước<br>6.4. Kế toán chi trả trước<br>6.5. Kế toán các khoản thu | 2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | | tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7 | | | Học tập độc lập |
| **Chương 7: Quyết toán kinh phí và báo cáo tài chính (9/0/18)** | | | | |
| 8-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Quyết toán kinh phí<br>7.2. Khóa sổ kế toán<br>7.3. Hệ thống báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên;* Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương; | | | Học tập độc lập |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Đối tượng áp dụng chế độ kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ sổ sách và hình thức kế toán; Kế toán tiền và vật tư, sản phẩm, hàng hóa | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.2.3 | 10 |
| Tự luận | Kế toán các phần hành chủ yếu tại đơn vị HCSN | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 2.1.3<br>2.2.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Các nội dung bài tập của các chương | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.3; 2.1.1<br>2.2.1; 2.4.2<br>3.2.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp theo quy định | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Các nội dung đã học | Theo kế hoạch KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.3;2.1.1<br>2.2.1;2.4.2<br>3.2.2 | 60 |

7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ kiến thức cơ bản về kế toán HCSN; Đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán; Kế toán các phần hành chủ yếu tại đơn vị HCSN; Hạch toán kinh phí và vốn; Lập báo cáo tài chính. | 10 |
| | Hiểu | Hiểu các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán cơ bản trong đơn vị HCSN. | 10 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng để xác định và giải quyết các vấn đề trong quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế; Thực hiện công việc mà các kế toán viên cần làm tại đơn vị HCSN. | 50 |
| | Phân tích | Phân tích các nghiệp vụ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp; | 20 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu dự toán, chỉ tiêu khoán chi hành chính, sử dụng số kinh phí tiết kiệm về các khoản chi | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS. Nguyễn Thị Đông, Giáo trình Kế toán công trong đơn vị hành chính – sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Lê Quang Mẫn, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Hồ Xuân Hữu; Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018;

[3]. Bộ Tài chính, Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, NXB Tài chính; 2017

[4]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn (Đồng chủ biên); Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp 128 sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018;

[5]. Luật kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17/06/2003; Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn
2. ThS. Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN NGÂN SÁCH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán ngân sách
- Tên tiếng Anh: Budget accounting
- Mã học phần: (đề nghị cấp mã mới)
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Những kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách như: Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, kế toán thu - chi ngân sách xã, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định; kế toán thanh toán, nguồn vốn, quỹ của xã; các loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách xã. |
| M2 | - Trang bị cho sinh viên kỹ năng xác định, phân tích và hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; liên kết với dự toán và mục lục ngân sách.<br>- Trang bị cho sinh viên kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; Kỹ năng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán; Kỹ năng đối chiếu số liệu giữa tổng hợp và chi tiết; |
| M3 | Có góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề của một kế toán viên. |

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán | 3 |
| M2 | 2.1.1 | Xác định tài khoản sử dụng; chủng loại chứng từ kế toán, sổ kế toán chi tiết, tổng hợp cần sử dụng trong mỗi nghiệp vụ cụ thể. | 3 |
| | 2.2.1 | Phát hiện được các vấn đề cần giải quyết trong một nghiệp vụ thực tế phát sinh. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tính kiên trì, tận tuỵ, tinh thần trách nhiệm cao, Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | 3 |
| M3 | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua phân tích các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo có liên quan. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kế toán ngân sách là một học phần dành cho sinh viên ngành kế toán, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kế toán ngân sách như: Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, kế toán thu - chi ngân sách xã, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định; kế toán thanh toán, nguồn vốn, quỹ của xã; các loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách xã. Mỗi đối tượng đều cung cấp đầy đủ nội dung, nguyên tắc hạch toán, chứng từ kế toán, sổ sách, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh, kèm theo ví dụ minh họa thực tế. Giúp sinh viên có thể tự đọc, tự nghiên cứu để hình thành kiến thức chuyên môn của mình và tự tin khi ra trường làm các công việc kế toán tại các xã, phường.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về kế toán ngân sách xã (6/0/10)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán NS<br>1.2. Tổ chức bộ máy kế toán<br>1.3. Tổ chức vận hành hệ thống chứng từ kế toán.<br>1.4. Tài khoản kế toán sử dụng.<br>1.5. Tổ chức hình thức kế toán và sổ kế toán. | 1.2.3 | Từ [1] đến [4] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* - Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ về nhà ở cuối chương; | | | Học tập độc lập |
| **Chương 2: Kế toán Thu - chi Ngân sách (13/0/25)** | | | | |
| 3-5 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>2.1. Kế toán thu ngân sách đã qua kho bạc.<br>2.2. Kế toán thu ngân sách chưa thu qua kho bạc.<br>2.3. Kế toán chi ngân sách xã<br>2.4. Kế toán chi ngân sách xã chưa qua kho bạc<br>2.5. Kế toán thu - chi sự nghiệp<br>2.6. Kế toán chênh lệch thu - chi ngân sách xã. | 1.2.3<br>2.1.1 | Từ [1] đến [4] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | 2.2.1 | | tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3 | 2.4.2<br>3.2.2 | | Học tập độc lập |
| **Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền , vật tư, tài sản (6/0/15)** | | | | |
| 6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Kế toán vốn bằng tiền<br>3.2. Kế toán vật tư<br>3.3. Kế toán TSCĐ | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [4] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* - Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4 | | | Học tập độc lập |
| **Chương 4: Kế toán thanh toán, nguồn vốn, quỹ xã (10/0/20)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>4.1. Kế toán nợ phải thu.<br>4.2 Kế toán nợ phải trả.<br>4.3. Kế toán các khoản phải trả cán bộ, công chức và Kế toán các khoản phải nộp theo lương<br>4.4. Kế toán các khoản phải nộp nhà nước<br>4.5. Kế toán các khoản thu hộ, chi hộ<br>4.6. Kế toán quỹ công chuyên dùng<br>4.7. Kế toán nguồn kinh phí đầu tư XDCB<br>4.8. Kế toán nguồn hình thành TSCĐ<br>4.9. Các tài khoản ngoài bảng | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [4] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *Nội dung bài tập:* - Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5 | | | Học tập độc lập |
| **Chương 5: Báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách (8/0/20)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy giảng dạy - học tập*<br>5.1. Hệ thống báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách.<br>5.2. Nội dung và phương pháp lập báo cáo kế toán<br>5.3. Nội dung và phương pháp lập báo cáo quyết toán | 1.2.3<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.4.2<br>3.2.2 | Từ [1] đến [4] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B Nội dung bài tập:* - Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các bài tập về nhà ở cuối chương; | | | Học tập độc lập |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về Kế toán xã | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình 1 | 1.2.3 | 15 |
| Tự luận | Xác định, phân tích và hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.3;2.2.1 2.1.1;3.2.2 | 15 |
| Bài tập về nhà | Một trong các dạng bài tập của học phần | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.2.3;2.2.1 2.1.1;3.2.2 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.2.3;2.2.1 2.1.1;3.2.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được một số vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, tài khoản kế toán, chứng từ kế toán, sổ sách, hệ thống báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách; | 20 |
| | Hiểu | Hiểu được cách thức tổ chức một số chứng từ kế toán thông dụng;<br>Hiểu được cách thức ghi chép hệ thống sổ chi tiết, sổ tổng hợp; | 30 |
| 2 | Áp dụng | Lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ tại các đơn vị ngân sách | 30 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán chính xác<br>Phân tích, vận dụng và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán của các đơn vị ngân sách cấp xã. | 20 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Trần Đình Tuấn (chủ biên); Giáo trình kế toán ngân sách; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Đặng Thái Hùng; Hệ thống kế toán ngân sách xã; NXB Tài chính; 2007

[3]. Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính

[4]. Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Luật kế toán

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng — Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Dương Hương Lam |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP CƠ SỞ NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực tập cơ sở ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp
- Tên Tiếng Anh: First Practicum project - Industrial management major
- Mã học phần: FIM0381
- Số tín chỉ: 02
- Các học phần học trước: Các học phần khối kiến thức đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng lý thuyết : 03 tiết
  - Thực tế doanh nghiệp : 114 tiết
  - Tự học/viết báo cáo : 60 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Mô tả cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp<br>- Xác định hoạt động quản trị chức năng của doanh nghiệp.<br>- Đánh giá thực trạng công tác quản trị trong doanh nghiệp<br>- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. |
| M2 | - Sử dụng kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết tình huống quản trị;<br>- Sử dụng kỹ năng giao tiếp<br>- Sử dụng kỹ năng làm việc theo nhóm.<br>- Sử dụng kỹ năng viết báo cáo. |
| M3 | - Xây dựng năng lực tư duy trong giải quyết vấn đề như một nhà kinh tế. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 4.2.1 | Phân tích tích được mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp | 3 |
| | 1.2.3 | Vận dụng các kiến thức nền tảng cơ sở ngành để đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp | 3 |
| | 4.2.3 | Phân tích thực trạng hoạt động quản trị chức năng của doanh nghiệp. | 3 |
| | 4.2.4 | Vận dụng đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.2.1 | Phát hiện vấn đề cần nghiên cứu trong doanh nghiệp | |
| | 3.1.1 | Vận dụng được kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết các tình huống quản trị | 3 |
| | 3.2.1 | Sử dụng kỹ năng giao tiếp | 3 |
| | 3.1.1 | Sử dụng kỹ năng làm việc theo nhóm | 3 |
| M3 | 3.1.3 | Xây dựng năng lực giải quyết vấn đề | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Thực tập cơ sở chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Khái quát về Cơ sở thực tập | 4.2.1; 4.2.3 | [1]; [2] | Thảo luận |
| 2 | Thực trạng hoạt động quản trị tại cơ sở thực tập | 4.2.4; 3.1.1 3.2.1; 3.1.3 | [1]; [2] | Thảo luận |
| 3 | Các đề xuất kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị tại cơ sở thực tập | 4.2.4; 3.1.1 3.2.1 | [1]; [2] | Thảo luận |
| 4 | Báo cáo tổng hợp | 4.2.4; 3.2.1 3.1.1 | [1]; [2] | Thảo luận |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Báo cáo | Tổng quan về cơ sở thực tập | Tuần 2 | Báo cáo | 4.2.1; 4.2.3 | 20 |
| Báo cáo | Vấn đề quản trị tại cơ sở thực tập | Tuần 3 | Báo cáo | 4.2.4; 3.1.1 3.2.1; 3.1.3 | 20 |
| Báo cáo | Báo cáo tổng hợp | Tuần 4 | Báo cáo tổng hợp | 4.2.4; 3.1.1 3.2.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp | 20 |
| | Hiểu | Mô tả các lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp | 30 |
| | Vận dụng | Ứng dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu về thực trạng hoạt động quản trị trong doanh nghiệp | 20 |
| 2 | Thực hành | Thuyết trình và báo cáo | 20 |
| 3 | Nhận biết | Phân tích các tác động của xã hội tới hoạt động quản trị trong doanh nghiệp | 10 |

**8. Nguồn học liệu**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Hướng dẫn thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp; ĐH Kỹ thuật công nghiệp.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Tài liệu, số liệu kế toán của đơn vị khảo sát thực tế.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên chính:

1. TS. Phạm Thị Mai Yến Email: yen.phammai@tnut.edu.vn
2. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: tranthithuhuyen@tnut.edu.vn
3. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenthihongnhung@tnut.edu.vn
4. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn
5. ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang Email: dangngochuyentrang@tnut.edu.vn
6. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt:**

| Trưởng Khoa | P. Trưởng bộ môn | Nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS.Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

## 1. Thông tin chung về học phần

-Tên học phần: Thương mại điện tử

- Tên tiếng Anh: Electronic Commerce
- Mã học phần: FIM 443
- Số tín chỉ: 2
- Các học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Vận dụng kiến thức cơ bản về thương mại điện tử (TMĐT) hiểu biết về những ảnh hưởng, tác động của các giải pháp công nghệ kỹ thuạ□t tới xã hội và toàn cầu, hiểu biết các chính sách và hành lang pháp lý cho phát triển TMĐT ở Việt Nam. |
| M2 | Xây dựng kỹ năng nhận biết và ứng dụng các mô hình TMĐT để triển khai phù hợp với thực tế. |
| M3 | Xây dựng năng lực nhận diện những thay đổi của môi trường TMĐT tác động tới doanh nghiệp |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.2 | Vận dụng kiến thức cơ bản về TMĐT hiểu biết về những ảnh hưởng, tác động của các giải pháp công nghệ kỹ thuạ□t tới xã hội và toàn cầu, hiểu biết các chính sách và hành lang pháp lý cho phát triển TMĐT ở Việt Nam. | 3 |
| M2 | 2.1.1 | Xây dựng kỹ năng nhận biết và ứng dụng các mô hình TMĐT để triển khai phù hợp với thực tế. | 3 |
| M3 | 4.1.1 | Xây dựng năng lực nhận diện những thay đổi của môi trường TMĐT tác động tới doanh nghiệp | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần thương mại điện tử là học phần chuyên ngành tự chọn cho sinh viên chuyên ngành quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình thương mại điện tử như B2B, B2C,

C2C và B2G. Khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các mô hình B2B, B2C, C2C và B2G, quy trình giao dịch thương mại điện tử và an toàn trong giao dịch.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Khái niệm về Thương mại điện tử (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>11.1 Định nghĩa<br>1.2 Các mô hình thương mại điện tử<br>1.3 Xu thế phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam<br>1.4 Một số chính sách phát triển TMĐT | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2. Một số mô hình cơ bản (11/0/22)** | | | | |
| 2-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1 Mô hình B2B<br>2.2 Mô hình B2C<br>2.3 Mô hình B2G | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3. An toàn trong thương mại điện tử (7/0/14)** | | | | |
| 6-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1 Khái niệm<br>3.2 Các nguy cơ không an toàn trong giao dịch thương mại điện tử<br>3.3 Đảm bảo về dữ liệu của hệ thống thương mại điện tử<br>3.4 Đảm bảo thanh toán an toàn | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4. Quy trình giao dịch TMĐT (6/0/12)** | | | | |
| 8-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1 Giao dịch EDI<br>4.2 Marketing điện tử | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.3 Thanh toán trực tuyến<br>4.4 Giao hàng<br>4.5 Dịch vụ sau bán hàng<br>4.6 Lập kế hoạch TMĐT | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Mô tả mô hình thương mại điện tử | Tuần 3 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | 10 |
| Tự luận | Xác định quy trình giao dịch thanh toán và triển khai hệ thống TMĐT | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình 2 | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | 10 |
| Thuyết trình, thảo luận | Đánh giá hoạt động thương mại điện tử trong một doanh nghiệp cụ thể | Tuần 9 | Bài tập lớn | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 2.4.5; 2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Tổng quát hóa về TMĐT, một số mô hình TMĐT, các quy trình giao dịch thanh toán TMĐT | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.2.2<br>2.1.1<br>4.1.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được khái niệm cơ bản về mô hình thương mại điện tử<br>- Trình bày các vấn đề cơ bản của TMĐT trong giai đoạn hiện nay | 20 |
| | Hiểu | - Xác định được các mô hình thương mại điện tử<br>- Phân tích tác dụng, mục đích, các yêu cầu mô hình thương mại điện tử<br>- Xây dựng quy trình giao dịch TMĐT cho phù hợp | 30 |
| | Vận dụng | - Ứng dụng các kiến thức đã học vào lựa chọn mô hình TMĐT phù hợp với doanh nghiệp. | 20 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | - Ứng dụng các kiến thức đã học để tham gia giao dịch TMĐT an toàn. | |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | - Xác định các tác động của TMĐT tới hoạt động của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Nguyễn Văn Hồng; Giáo trình thương mại điện tử căn bản; Nhà xuất bản Bách Khoa Hà nội; 2013.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Nguyễn Thị Tuyết Mai; Thương mại điện tử; Nhà xuất bản KHKT; 2003.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:
  1. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn
  2. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P.Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị tài chính
- Tên tiếng Anh: Financial Management
- Mã học phần: FIM360
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Không
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức chuyên môn về Quản trị tài chính. |
| M2 | Kỹ năng phân tích, giải thích, lập luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến Quản trị tài chính<br>Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình |
| M3 | Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Hiểu, nắm vững, vận dụng kiến thức về quản trị tài chính, quản trị vốn | 3 |
| M2 | 2.1.3 | Sử dụng các công cụ phân tích báo cáo tài chính và quản trị vốn để đánh giá và đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập | 3 |
| M3 | 2.4.6 | Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Quản trị tài chính thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức phân tích báo cáo tài chính, vốn, quản lý tài sản, quản lý vốn và đòn bẩy tài chính. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng quản trị tài chính doanh nghiệp để đưa ra quyết định tài chính một cách hiệu quả.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Quản lý tài sản cố định (4/0/8)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1 Cơ cấu tài sản cố định<br>1.2 Phân loại tài sản cố định và khía cạnh kinh tế của quản lý TSCĐ<br>1.3 Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp<br>1.4 Quản lý TSCĐ về mặt hiện vật | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 2. Quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động (7/0/14)** | | | | |
| 1-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1 Khả năng chuyển đổi của tài sản<br>2.2 Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động<br>2.3 Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho<br>2.4 Phân tích vòng quay của vốn lưu động | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 3. Các báo cáo tài chính chủ yếu (7/0/14)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1 Bảng cân đối kế toán<br>3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (báo cáo thu nhập)<br>3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (báo cáo luồng tiền) | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 4. Quản lý vốn bằng tiền (7/0/14)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1 Hàng tồn kho và tiền<br>4.2 Mô hình miller - orr<br>4.3 Tăng lượng tiền bằng cách đi vay<br>4.4 Quản lý tiền trong các công ty lớn<br>4.5 Quản lý việc thu tiền | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 5. Quản lý tín dụng thương mại (7/0/14)** | | | | |
| 6-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập* | 1.2.3 | Từ [1] đến | Thuyết |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5.1 Các hình thức bán hàng<br>5.2 Các công cụ tín dụng thương mại<br>5.3 Phân tích tín dụng<br>5.4 Chính sách thu nợ | 2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | [4] | giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 6. Quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp (7/0/10)** | | | | |
| 7-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1 Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp<br>6.2 Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thách | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| **Chương 7. Giá trị hiện tại (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1 Khái niệm về giá trị hiện tại<br>7.2 Quy tắc giá trị hiện tại | 1.2.3<br>2.1.3<br>2.4.2<br>2.4.6 | Từ [1] đến [4] | Thuyết giảng, Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các khái niệm cơ bản về quản trị tài chính, quản lý tài sản | Tuần 5 | Kiểm tra thường xuyên 1 | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Tự luận | Phân tích báo cáo tài chính và quản trị vốn | Tuần 10 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Bài tập nộp/bài thảo luận | Bài tập/ bài thảo luận | Tuần 15 | Bài tập nộp/ bài thảo luận nộp | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Chuyên cần | Tham gia dự học trên lớp, tham gia thảo luận, chữa bài tập | Cả học kỳ | | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.2.3;2.1.3 2.4.2;2.4.6 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản quản trị tài chính, quản lý tài sản, cấu trúc vốn, nguồn tài trợ, đòn bẩy tài chính và hoạch định vốn; giá trị hiện tại của dòng tiền tài chính. | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu được vai trò, ý nghĩa của quản trị tài chính, vốn trong doanh nghiệp. | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Tính toán các chỉ số tài chính, vốn.<br>- Ứng dụng các kiến thức quản trị tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị tài chính trong các tình huống cụ thể. | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. GS. TS. Phạm Quang Trung; Quản trị tài chính doanh nghiệp; NXB Kinh tế quốc dân; 2012

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Nguyễn Văn Công; Giáo trình phân tích báo cáo tài chính; NXB Thống kê; 2010;

[3]. Vũ Duy Hào, Đàm Văn Khuê; Quản trị tài chính doanh nghiệp; NXB Giao Thông vận tại; 2009;

[4]. Hồ Tấn Tuyến, Lê Đức Toàn; Bài tập quản trị tài chính: tóm tắt lý thuyết, bài tập và bài giải mẫu; NXB Thông tin truyền thông; 2011.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hà Email: hanguyen@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh Email: nguyenthihoangoanhtc@tnut.edu.vn
3. Ths. Phạm Việt Hương Email: phamviethuong194@tnut.edu.vn
4. TS. Phan Thị Thanh Tâm Email: phanthanhtamtc@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Thanh Hà | TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA KINH DOANH

## 1. Thông tin chung về học phần

-Tên học phần: Văn hóa kinh doanh

- Tên tiếng Anh: Business Culture
- Mã học phần: FIM 493
- Số tín chỉ: 2
- Các học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Tự học : 60 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Vận dụng kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh, các nội dung của việc khai thác các khía cạnh văn hóa kinh doanh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. |
| M2 | - Sử dụng thành thạo kỹ năng xây dựng văn hóa tổ chức;<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng đàm phán với các đối tác thuộc nền văn hóa khác nhau;<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng áp dụng văn hóa trong kinh doanh khác. |
| M3 | Xây dựng kỹ năng lực nhận diện những thay đổi của môi trường văn hóa tác động tới doanh nghiệp |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.2.3 | Vận dụng kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh, các nội dung của việc khai thác các khía cạnh văn hóa kinh doanh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | 3 |
| M2 | 3.2.2 | - Sử dụng thành thạo kỹ năng xây dựng văn hóa tổ chức;<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng đàm phán với các đối tác thuộc nền văn hóa khác nhau;<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng áp dụng văn hóa trong kinh doanh khác. | 3 |
| M3 | 4.1.3 | Xây dựng năng lực nhận diện những thay đổi của môi trường văn hóa tác động tới doanh nghiệp | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa trong kinh doanh, cụ thể về Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được nội dung của văn hóa kinh doanh, vai trò và cách vận dụng các nội dung đó trong các hoạt động kinhh doanh nhằm phát triển kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Tổng quan về văn hóa kinh doanh (5/0/10)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1.Khái quát chung về văn hóa<br>1.2. Khái niệm văn hóa kinh doanh<br>1.3. Các nhân tố cấu thành văn hóa kinh doanh<br>1.4. Các đặc trưng của văn hóa kinh doanh<br>1.5. Các nhân tố tác động đến văn hóa kinh doanh<br>1.6. Vai trò của văn hóa kinh doanh | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2. Triết lý kinh doanh (4/0/6)** | | | | |
| 2-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Khái niệm triết lý kinh doanh<br>2.2. Nội dung và hình thức của triết lý kinh doanh<br>2.3. Vai trò của triết lý kinh doanh troang quản lý và phát triển<br>2.4. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3. Đạo đức kinh doanh (5/0/10)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Khái niệm đạo đức và đạo đức kinh doanh<br>3.2. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp<br>3.3. Vai trò của đạo đức kinh doanh<br>3.4. Hình thức thể hiện của đạo đức kinh doanh<br>3.5. Phương pháp xây dựng đạo đức kinh doanh | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4. Văn hóa doanh nhân (3/0/6)** | | | | |
| 5-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Khái niệm doanh nhân và văn hóa doanh nhân<br>4.2. Những nhân tố tác động đến văn hóa doanh nhân<br>4.3. Các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nhân<br>4.4. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân đến văn hóa doanh nghiệp<br>4.5. Một số tiêu chuẩn đánh giá văn hóa doanh nhân | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 5. Văn hóa doanh nghiệp (5/0/10)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Khái niệm và các cấp độ văn hóa doanh nghiệp<br>5.2. Tác động của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp<br>5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành văn hóa doanh nghiệp<br>5.4. Các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hóa doanh nghiệp<br>5.5. Các dạng văn hóa doanh nghiệp | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 6. Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh (5/0/10)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Văn hóa ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp<br>6.2. Văn hóa trong xây dựng và phát triển thương hiệu<br>6.3. Văn hóa trong hoạt động Marketing<br>6.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng<br>6.5. Văn hóa trong định hướng với khách hàng | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức | Nội dung | Thời điểm | Công cụ | CĐR | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| kiểm tra | | | kiểm tra | kiểm tra | |
| Tự luận | - Mô tả khái niệm văn hóa kinh doanh<br>- Phân tích các triết lý kinh doanh<br>- Phân biệt hình thức thể hiện của đạo đức kinh doanh | Tuần 3 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | 15 |
| Tự luận | - Nhận diện nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nhân.<br>- Phân tích tác động của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình 2 | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | 15 |
| Thuyết trình, thảo luận | Đánh giá hoạt động xây dựng văn hóa trong một doanh nghiệp cụ thể | Tuần 9 | Bài tập lớn | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | 10 |
| Vấn đáp | Tổng quát hoát về văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.2.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Mô tả khái niệm cơ bản về văn hóa kinh doanh, triết lý kinh doanh<br>- Xác định các vấn đề cơ bản của văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp | 20 |
| | Hiểu | - Xác định được các trách nhiệm của doanh nghiệp<br>- Đánh giá tác động của môi trường văn hóa đến hoạt động của doanh nghiệp<br>- Lựa chọn văn hóa doanh nghiệp cho phù hợp với từng môi trường kinh doanh. | 30 |
| | Vận dụng | - Vận dụng các kiến thức đã học vào lựa chọn văn hóa ứng xử cho doanh nghiệp.<br>- Vận dụng các kiến thức đã học để hình thành văn hóa doanh nghiệp. | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3 | Nhận biết | Xác định các tác động của môi trường văn hóa tới hoạt động của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1] Bài giảng Văn hóa kinh doanh; NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2008.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2] Edgar H. Schien, Organizatinal Culture and Leadership, 4th edition; 2010.

[3] Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:
  1. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphươnghong@tnut.edu.vn
  2. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P.Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán tài chính 1
- Tên tiếng Anh: Financial Accounting 1
- Mã học phần: FIM319
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến các phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán hàng tồn kho (hạch toán nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ); kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm. |
| M2 | - Kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết vấn đề trong một số phần hành kế toán; lập các bảng phân bổ theo đúng chế độ kế toán; Đồng thời xem xét vấn đề đặt trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác.<br>- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng giao tiếp. |
| M3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề của một kế toán viên, kế toán tổng hợp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp | 4 |
| M2 | 2.2.1 | Chủ động phát hiện, xác định được hệ thống chứng từ kế toán, biểu mẫu, sổ kế toán đặc trưng với mỗi phần hành được tiếp cận trong học phần. | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua lập các bảng phân bổ và báo cáo kế toán bộ phận. | 3 |
| M3 | 4.1.2 | Am hiểu về chế độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC; Luật kế toán; Chế độ tiền lương, Bảo hiểm; Chế độ quản lý tài sản, trích lập khấu hao và các chế độ kế toán có liên quan khác. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán tài chính 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán DNCN, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán hàng tồn kho; kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Học phần này sẽ giúp sinh viên có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự giải quyết các vấn đề thay đổi về kế toán có liên quan đến một số phần hành kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (9/0/18)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương<br>1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập tình huống về hạch toán tiền lương, các khoản trích theo lương, lập bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Luyện tập; Nghiên cứu tình huống; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc thông tư, văn bản quy phạm pháp luật quy định về mức lương tối thiểu vùng, mức lương tối thiểu chung, các khoản trích theo lương mới nhất;<br>- Chuẩn bị bài thảo luận nội dung liên quan đến mức lương tối thiểu vùng;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (10/0/20)** | | | | |
| 2-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Một số khái niệm<br>2.2. Đặc điểm và phân loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ<br>2.3. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Luyện tập; Nghiên cứu tình huống; Tương tác; Thực hành |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | cụ<br>2.4. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ<br>2.5. Kế toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ<br>2.6. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên<br>2.7. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập tình huống về hạch toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ và tính giá thực tế nhập – xuất kho. | | | |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc chuẩn mực kế toán số 02, thông tư 200/2014/TT-BTC về hàng tồn kho và đưa ra những so sánh;<br>- Tìm hiểu về các chứng từ kế toán liên quan đến nhập kho nguyên liệu vật liệu hoặc công cụ dụng cụ (bao gồm cả chứng từ gốc, chứng từ thủ tục kế toán).<br>- Chuẩn bị nội dung thảo luận về các chứng từ thủ tục kế toán, chứng từ gốc<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 3: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư (12/0/24)** | | | | |
| 5-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư<br>3.2. Kế toán biến động tài sản cố định hữu hình<br>3.3. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài và cho thuê<br>3.4. Kế toán biến động tài sản cố định vô hình<br>3.5. Kế toán bất động sản đầu tư.<br>3.6. Kế toán khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư<br>3.7. Kế toán sửa chữa tài sản cố định<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập tình huống liên quan đến hạch toán Tài | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Luyện tập; Nghiên cứu tình huống; Tương tác; Thực hành |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | sản cố định, tính và trích lập khấu hao | | | |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 4: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (12/0/24)** | | | | |
| 8-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>4.3. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên<br>4.4. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ<br>4.5. Đánh giá sản phẩm dở dang<br>4.6. Tính giá thành sản phẩm<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập hạch toán chi phí sản xuất, lập bảng tính giá thành sản phẩm. | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Luyện tập; Nghiên cứu tình huống; Tương tác; Thực hành |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc và tìm hiểu các phương pháp tính giá thành còn lại;<br>- Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1; 2.2.1 3.2.2; 4.1.2 | 10 |
| Tự luận | Kế toán hàng tồn kho; kế toán tài sản cố định | Tuần 7 | | | 10 |
| Bài tập nộp | Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính thành sản phẩm | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1; 2.2.1 3.2.2; 4.1.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.3.1; 2.2.1 3.2.2; 4.1.2 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Xác định được các đối tượng kế toán có trong mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đưa ra.<br>- Ghi nhớ được tỷ lệ trích lập các khoản trích theo lương, căn cứ tính toán; các phương pháp tính giá; phương pháp tính và trích lập khấu hao; phưpwng pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm. | 10 |
| | Hiểu | Phân biệt được các khoản trích theo lương và tỷ lệ các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành; Phân biệt được các phương pháp tính và trích lập khấu hao; các phương pháp tính giá; các phương pháp tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất. Từ đó đưa ra lựa chọn phương pháp tính toán phù hợp với tình huống giả định được đưa ra. | 30 |
| 2 | Áp dụng | Tính toán, lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng tính và phân bổ khấu hao; Bảng tính giá thành theo các phương pháp khác nhau. | 30 |
| | Phân tích | Phân tích được biến động của các đối tượng kế toán, cũng như mối quan hệ giữa các đối tượng trong mỗi nghiệp vụ kinh tế, trên cơ sở đó tiến hành thao tác ghi sổ kép trong kế toán. | 20 |
| 3 | Đánh giá | Phát hiện những vấn đề tồn tại trong tình huống hạch toán cho trước, từ đó đối chiếu với chế độ kế toán hiện hành, đưa ra những kết luận và phương pháp sửa chữa sai sót phù hợp. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010.

[2]. Nguyễn Thị Kim Huyền, Ngô Thuý Hà, Dương Hương Lam, Ma Thị Thu Thuỷ, Nguyễn Thị Hồng; Giáo trình kế toán tài chính (Phần I); NXB Đại học Thái Nguyên; 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[3]. PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.

[4]. Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.

[5]. Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[6]. Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. TS. Ngô Thuý Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
3. ThS. Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán tài chính 2
- Tên tiếng Anh: Financial Accounting 2
- Mã học phần: FIM320
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến các phần hành kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính. |
| M2 | - Kỹ năng xác định vấn đề, giải quyết vấn đề, xem xét vấn đề một cách tổng thể đặt trong mối quan hệ với các đối tượng kế toán khác trong một số phần hành kế toán được tiếp cận trong học phần.<br>- Kỹ năng lập các báo cáo tài chính theo đúng chế độ. |
| M3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề của một kế toán viên, kế toán tổng hợp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp | 4 |
| M2 | 2.2.1 | Chủ động phát hiện, xác định được hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán đặc trưng với mỗi phần hành được tiếp cận trong học phần. | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua lập các các Báo cáo tài chính tổng hợp (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ). | 3 |
| M3 | 4.1.2 | Am hiểu về chế độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC; Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản luật liên quan đến kế toán khác. | 2 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán tài chính 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán sau khi ra trường.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán (11/0/22)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Hạch toán vốn bằng tiền<br>1.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán<br>1.3. Hạch toán tiền vay và nợ thuê tài chính<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập tình huống liên quan đến kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán. | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu, sưu tầm về các chứng từ kế toán liên quan đến vốn bằng tiền;<br>- Chuẩn bị nội dung thảo luận liên quan đến quy trình luân chuyển chứng từ thu - chi tiền mặt;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng (8/0/16)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư<br>2.2. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá<br>- Nội dung bài tập<br>Các bài tập tình huống liên quan đến kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng. | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương; | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Thực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | hành |
| **Chương 3: Kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận (12/0/24)** | | | | |
| 5-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Kế toán tiêu thụ<br>3.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh<br>3.3. Kế toán phân phối lợi nhuận<br>- Nội dung bài tập<br>Các bài tập tình huống liên quan đến kế toán tiêu thụ, xác định kết quả tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Tìm hiểu về bộ chứng từ kế toán liên quan đến kế toán mua hàng;<br>- Thảo luận về bộ chứng từ kế toán về kế toán mua hàng;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Thực hành |
| **Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu (6/0/12)** | | | | |
| 8-9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu và nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu<br>4.2. Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập tình huống liên quan đến kế toán vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp. | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc và nghiên cứu nội dung kế toán các quỹ còn lại trong doanh nghiệp.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5; chuẩn bị mẫu Báo cáo tài chính. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Thực hành |
| **Chương 5: Báo cáo tài chính (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp* | 1.3.1<br>2.2.1 | Từ [1] đến | Thuyết trình; Câu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính<br>5.2. Bảng cân đối kế toán<br>5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>5.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính<br>- Nội dung bài tập<br>Bài tập lập báo cáo tài chính theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC trên bộ dữ liệu giả định. | 3.2.2<br>4.1.2 | [5] | hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và làm bài tập về nhà ở cuối chương, lập các Báo cáo tài chính theo mẫu quy định;<br>- Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Thực hành |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2;<br>4.1.2 | 10 |
| Tự luận | Kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ | Tuần 7 | | | 10 |
| Bài tập nộp | Báo cáo tài chính | Tuần 10 | Bài tập nộp | | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.2.1<br>3.2.2;4.1.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được một số vấn đề liên quan đến chế độ kế toán hiện hành | 10 |
| | Hiểu | - Hiểu được các phương pháp kế toán liên quan đến các phần hành thuộc học phần;<br>- Hiểu được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đặc thù trong doanh nghiệp; | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng kiến thức để nhận biết, giải quyết các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến các phần hành thuộc học phần, lập Báo cáo tài chính; | 40 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | - Vận dụng được kỹ năng để lập các Báo cáo tài chính theo đúng chế độ hiện hành. | |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán, tính toán phù hợp; | 20 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong mỗi tình huống cụ thể để đưa ra phương pháp kế toán phù hợp. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.

[3]. Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.

[4]. Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[5]. Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ — Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
3. ThS. Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN THUẾ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán thuế
- Tên tiếng Anh: Tax Accounting
- Mã học phần: FIM 353
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán; kế toán tài chính 1
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến thuế, một số sắc thuế chủ yếu trong hệ thống thuế Việt Nam. |
| M2 | - Kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến kế toán một số loại thuế thông dụng tại Việt Nam;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập. |
| M3 | Người học có được góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề cơ bản của một kế toán thuế. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng các kiến thức về thuế và kế toán thuế để từ đó xác định đúng loại thuế; số thuế phải nộp đồng thời xác định được phương pháp hạch toán kế toán các nghiệp vụ có liên quan. | 4 |
| M2 | 2.3.1 | Xem xét các đối tượng của kế toán thuế, phương pháp xác định số thuế phải nộp và báo cáo kế toán thuế dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp | 3 |
| M3 | 3.2.1 | Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua nhận diện đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, phương pháp tính thuế đồng thời phân tích dữ liệu và tính | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | toán đúng số thuế phải nộp, xác định đúng phương pháp định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | |
| | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập; Ham tìm hiểu học tập; Rèn luyện tinh kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao. | 3 |
| | 2.5.1 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam (Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân, các sắc thuế đánh vào tài sản, cũng như một số loại thuế, phí trên thực tế khác). Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm rõ các vấn đề liên quan đến thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Giới thiệu chung về thuế (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Quá trình hình thành và phát triển của thuế và kế toán thuế<br>1.2. Khái niệm, bản chất và vai trò của thuế.<br>- Nội dung bài tập: thảo luận về khái niệm, chất và vai trò của thuế, kế toán thuế. | 1.3.1<br>3.2.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc luật kế toán<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Giải quyết vấn đề; Thảo luận |
| **Chương 2: Kế toán thuế xuất nhập khẩu (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Những vấn đề chung về Thuế xuất khẩu - Nhập khẩu<br>2.2. Kế toán thuế xuất khẩu, nhập khẩu<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế xuất khẩu – | | | Thuyết trình; Câu hỏi gợi |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | nhập khẩu phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | ý; Thảo luận; Giải quyết và nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc thông tư, văn bản quy phạm pháp luật quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Giải quyết vấn đề |
| **Chương 3. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt (6/0/12)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Những vấn đề chung về Thuế tiêu thụ đặc biệt<br>3.2. Kế toán thuế Tiêu thụ đặc biệt<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế TTĐB phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Giải quyết và nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc những thông tư quy định về thuế GTGT;<br>- Tìm hiểu về các chứng từ kế toán liên quan đến việc kê khai thuế GTGT;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Giải quyết vấn đề |
| **Chương 4: Kế toán thuế giá trị gia tăng (12/0/24)** | | | | |
| 4-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Những vấn đề chung về Thuế GTGT<br>4.2. Kế toán thuế Giá trị gia tăng<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế GTGT phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Giải quyết và nghiên cứu tình huống |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc những thông tư quy định về thuế TNDN.<br>- Tìm hiểu về các chứng từ kế toán liên quan đến việc kê khai thuế TNDN.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5. | | | Giải quyết vấn đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 5: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (12/0/24)** | | | | |
| 7-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Những vấn đề chung về Thuế TNDN<br>5.2. Kế toán thuế TNDN<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc những thông tư quy định về thuế TNCN.<br>- Tìm hiểu về các chứng từ kế toán liên quan đến việc kê khai thuế TNCN.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 6. | | | Giải quyết vấn đề; Giải quyết tình huống |
| **Chương 6: Kế toán thuế thu nhập cá nhân (3/0/6)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế Thu nhập cá nhân.<br>6.2. Những vấn đề chung về Thuế TNCN<br>6.3. Kế toán thuế TNCN<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc những thông tư quy định về các thuế khác.<br>- Tìm hiểu về các chứng từ kế toán liên quan đến việc kê khai thuế khác.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7. | | | Giải quyết vấn đề; Giải quyết tình huống |
| **Chương 7. Một số chính sách thuế khác (3/0/6)** | | | | |
| 10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Thuế môn bài<br>7.2. Thuế bảo vệ môi trường<br>7.3. Thuế tài nguyên<br>7.4. Các loại phí, lệ phí<br>- Nội dung bài tập: xác định số thuế phải nộp, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Chuẩn bị các thắc mắc cho nội dung ôn tập tuần cuối. | | | Giải quyết vấn đề; Giải quyết tình huống |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về thuế; tính toán số thuế xuất khẩu – nhập khẩu phải nộp, định khoản nghiệp vụ kinh tế liên quan. | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;2.4.1 2.5.1 | 10 |
| Tự luận | Thực hiện tính toán số thuế xuất khẩu – nhập khẩu, thuế TTĐB phải nộp, Định khoản các nghiệp vụ kinh tế liên quan. | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;2.4.1 2.5.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Tổ chức vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập tổng hợp liên quan đến các sắc thuế đã học, thực hiện kết chuyển cuối kỳ và xác định kết quả kinh doanh. | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;2.4.1 2.5.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;2.4.1 2.5.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Ghi nhớ được định nghĩa và khái niệm cơ bản về thuế và các sắc thuế cơ bản hiện hành. | 10 |
| | Hiểu | - Hiểu được nội dung cơ bản của của Luật thuế XK-NK. Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT, Luật thuế TNDN, Luật thuế TNCN …;<br>- Hiểu được cách thức xác định từng loại thuế phải nộp trong mỗi tình huống; | 20 |
| 2 | Áp dụng | - Thực hành xác định các loại thuế phát sinh trong từng tình huống<br>- Tính toán chính xác số thuế mà doanh nghiệp phải nộp trong | 50 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | từng tình huống cụ thể;<br>- Vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; | |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó lựa chọn đúng phương pháp tính thuế và đưa ra phương án định khoản đúng. | 15 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận về số thuế thực tế mà doanh nghiệp phải nộp vào cuối kỳ kế toán. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS Nghiêm Văn Lợi; Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2008.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS.TS. Võ Văn Nhị; Thuế và Kế toán thuế - Áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam; NXB Giao thông vận tải; 2010.

[3]. TS.Nguyễn Thanh Sơn-ThS. Nguyễn Văn Nông; Giáo trình Thuế; NXB Lao động - xã hội; 2016.

[4]. PGS.TS. Phan Thị Cúc – Ts. Phan Hiển Minh – ThS. Đoàn Văn Đính – ThS. Võ Văn Hợp; Thuế; NXB Tài chính; 2009.

[5]. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; Thuế thực hành; NXB Thống kê; 2008.

[6]. https://www.gdt.gov.vn/wps/portal; Hệ thống văn bản pháp luật về Thuế

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính

1. TS. Ngô Thúy Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. ThS. Ma Thị Thu Thủy — Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
3. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | ThS. Ma Thị Thu Thủy |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN MÁY

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán máy
- Tên tiếng Anh: Accounting on the computer
- Mã học phần: FIM484
- Số tín chỉ: 04
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Tin học trong kinh tế công nghiệp, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 10 tiết
  - Thực hành : 48 tiết (trên phòng thực hành)
  - Tự học : 120 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết (trên phòng thực hành)

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến Microsoft office Excel, phần mềm kế toán; các bước tiến hành mở sổ kế toán; Nhập số dư ban đầu. |
| M2 | - Kỹ năng ứng dụng các hàm trong Excel để tổ chức ghi sổ kế toán: Sổ Nhật ký chung, Nhật ký đặc biệt, Sổ chi tiết...;<br>- Kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán máy để thực hiện các thao tác: mở sổ kế toán, khóa sổ kế toán và lưu trữ bảo quản số liệu trên phần mềm kế toán;thao tác trên các phần hành kế toán trong doanh nghiệp;tính giá thành trên phần mềm kế toán máy; và thao tác chính xác cách lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính bằng phần mềm kế toán. |
| M3 | Người học có được góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề cơ bản của một kế toán doanh nghiệp khi ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Ứng dụng các kiến thức nền tảng về nguyên lý kế toán, kinh tế và tin học cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành, cũng như tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính kế toán. | 3 |
| M2 | 2.4.1 | Thực hành kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | các phần mềm chuyên ngành | |
| | 3.1.1 | Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm | 3 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua tạo lập các dữ liệu kế toán và cung cấp thông tin kế toán thông qua các phần mềm tin học. | 3 |
| M3 | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập; Ham tìm hiểu học tập; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao. | 3 |
| | 2.5.1 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên, kiểm toán viên. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán máy là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Kế toán trên Excel (các vấn đề cơ bản và ứng dụng trong kế toán); kế toán trên phần mềm kế toán Misa SME.NET (các ứng dụng trên các phần hành kế toán doanh nghiệp). Học phần trang bị kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong việc giải quyết các vấn đề kế toán dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Phần I: KẾ TOÁN TRÊN MICROSOFT EXCEL** | | | | |
| **Chương 1: Giới thiệu khái quát về Microsoft Excel (1/0/2)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Khởi động và thoát khỏi Excel<br>1.2. Một số khái niệm cơ bản<br>1.3. Giao diện của Excel<br>1.4. Thao tác với ô và vùng<br>1.5. Làm việc với Workbook và Worksheet<br>1.6. Định dạng, lưu trữ và in ấn bảng tính | 1.3.1<br>2.4.1<br>3.2.1 | [1];[3]<br>[4];[5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>- Thực hành các bài tập về nhà về các thao tác cơ bản trong Microsoft Excel<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2 về công thức và hàm trong excel | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 2: Công thức và hàm trong Microsoft Excel (1/2/6)** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Khái quát chung về công thức và hàm trong Excel<br>2.2. Giới thiệu một số hàm thông dụng | 1.3.1<br>2.4.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [1];[3]<br>[4];[5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>- Thực hành các bài tập về nhà sử dụng các Công thức và hàm trong Microsoft Excel trong các bài tập.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3 | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 3: Ứng dụng Microsoft Excel trong kế toán (1/10/22)** | | | | |
| 1-3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Xây dựng bảng danh mục tài khoản và Sổ kế toán máy trong Excel<br>3.2. Thiết kế và ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [1];[3]<br>[4];[5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>- Thực hành các bài tập về nhà sử dụng các Công thức và hàm trong Microsoft Excel trong các bài tập và Ứng dụng Microsoft Excel trong kế toán.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng phần II (chương 1: Tổng quan về phần mềm kế toán máy) | | | Thực hành; luyện tập |
| **PHẦN II: KẾ TOÁN TRÊN PHẦN MỀM AMIS KẾ TOÁN** | | | | |
| **Chương 1: Tổng quan về phần mềm kế toán máy (1/0/2)** | | | | |
| 3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Khái niệm phần mềm kế toán<br>1.2. Mô hình hoạt động căn bản của phần mềm kế toán<br>1.3. Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công<br>1.4. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán<br>1.5. Phân loại phần mềm kế toán<br>1.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán<br>1.7. Điều kiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán<br>1.8. Quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy | 1.3.1<br>2.4.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành:* không có | | | |
| **Chương 2: Hướng dẫn đăng ký sử dụng và mở sổ kế toán bằng phần mềm AMIS Kế toán (1/2/6)** | | | | |
| 3-4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Giới thiệu tổng quan về phần mềm AMIS Kế toán<br>2.2. Cấu hình máy tính để sử dụng phần mềm AMIS | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Kế toán<br>2.3. Đăng ký sử dụng AMIS Kế toán<br>2.4. Các bước tiến hành mở sổ kế toán<br>2.5. Mô hình công ty đa chi nhánh<br>2.6. Phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán<br>2.7. Thiết lập thông tin ban đầu<br>2.8. Khai báo danh mục và nhập số dư<br>2.9. Một số chức năng khác | 2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | | hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành đăng ký sử dụng và mở sổ kế toán bằng phần mềm AMIS Kế toán. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền (1/3/8)** | | | | |
| 4 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Nguyên tắc hạch toán<br>3.2. Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền mặt<br>3.3. Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền gửi<br>3.4. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành kế toán vốn hàng tiền, lập được các báo cáo liên quan. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 4: Quản lý phát hành hóa đơn (1/3/8)** | | | | |
| 4-5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Quy trình thủ tục hành chính để một doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn điện tử<br>4.2. Mô hình hóa hoạt động quản lý phát hành hóa đơn<br>4.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: nắm rõ quy trình phát hành hóa đơn điện tử và mô hình quản lý lý đối với phát hành hóa đơn điện tử. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả (1/3/8)** | | | | |
| 5-6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Nguyên tắc hạch toán<br>5.2. Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả<br>5.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành kế toán bán hàng và công nợ phải thu, lập được các báo cáo liên quan. | 3.1.1<br>3.2.1 | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 6: Kế toán bán hàng và công nợ phải thu (1/3/8)** | | | | |
| 6 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Nguyên tắc hạch toán<br>6.2. Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu<br>6.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành kế toán bán hàng và công nợ phải thu, lập được các báo cáo liên quan. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 7: Kế toán kho (1/3/8)** | | | | |
| 6-7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>7.1. Nguyên tắc hạch toán<br>7.2. Mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho<br>7.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.2.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành kế toán kho, lập được các báo cáo có liên quan. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ, chi phí trả trước (1/3/8)** | | | | |
| 7-8 | A. Nội dung giảng dạy - học tập<br>8.1. Nguyên tắc hạch toán<br>8.2. Mô hình hóa hoạt động quản lý công cụ dụng cụ<br>8.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành công cụ dụng cụ, lập được các báo cáo có liên quan đến công cụ dụng cụ, phân bổ được chi phí trả trước và lập được các báo cáo liên quan. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 9: Kế toán tài sản cố định (1/3/8)** | | | | |
| 8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>9.1. Nguyên tắc hạch toán<br>9.2. Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định<br>9.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành* | | | Thực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành tài sản cố định, lập thẻ TSCĐ và sổ theo dõi TSCĐ, tính và xuất được bảng tính khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp. | 3.2.1 | | hành; luyện tập |
| **Chương 10: Kế toán tiền lương (1/3/8)** | | | | |
| 8-9 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>10.1. Nguyên tắc hạch toán<br>10.2. Mô hình hóa hoạt động tiền lương và các khoản trích theo lương<br>10.3. Hướng dẫn hạch toán tiền lương trên phần mềm | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Thao tác chính xác trên phần hành kế toán tiền lương, lập được các báo cáo có liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 11: Kế toán giá thành (1/4/10)** | | | | |
| 9-10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>11.1. Nguyên tắc hạch toán<br>11.2. Mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành<br>11.3. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Nắm vững và thao tác chính xác việc tính giá thành trên phần mềm kế toán máy. | | | Thực hành; luyện tập |
| **Chương 12: Kế toán thuế, Kế toán tổng hợp và Báo cáo tài chính(1/3/8)** | | | | |
| 10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>12.1. Các khái niệm<br>12.2. Nguyên tắc hạch toán kế toán thuế<br>12.3. Mô hình hóa hoạt động kế toán thuế, kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính<br>12.4. Thực hành trên phần mềm kế toán | 1.3.1<br>2.4.1<br>2.4.2<br>2.5.1<br>3.1.1<br>3.2.1 | [2];[4] [5] | Thuyết trình; thảo luận; thực hành |
| | *B. Nội dung thực hành*<br>Thực hành các bài tập theo chương: Nắm vững và thao tác chính xác cách lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính bằng phần mềm kế toán. | | | Thực hành; luyện tập |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Thực hành trên | - Kiến thức cơ bản về Microsoft Excel; | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1<br>2.4.1 2.5.1; | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Microsoft Excel | -Ứng dụng excel trong thực hành kế toán. | | | 3.2.1 | |
| Thực hành trên phần mềm kế toán máy | - Mở sổ kế toán doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán máy, thực hiện khai báo các danh mục và số dư đầu kỳ. | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1 2.4.1 2.5.1; 3.2.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Tổ chức vận dụng các kiến thức đã học để thực hành mở sổ và ghi sổ kế toán trên Excel và trên phần mềm kế toán máy, lập và xuất các Báo cáo kế toán từng phần hành và Báo cáo tài chính | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1 2.4.1 2.4.2 2.5.1 3.1.1 3.2.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1-2.4.2 | 10 |
| Thực hành trên máy tính | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.4.1 2.4.2;2.5.1 3.1.1; 3.2.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Ghi nhớ được định nghĩa và khái niệm cơ bản sử dụng trong Microsoft Excel và phần mềm kế toán máy Misa | 10 |
| | Hiểu | - Lựa chọn được các hàm công thức trong Excel ứng dụng vào bài tập; lựa chọn đúng phần hành trong kế toán trên phần mềm;<br>- Hiểu và nắm vững các kiến thức về các bước tiến hành mở sổ kế toán; Nhập số dư ban đầu | 10 |
| 2 | Áp dụng | - Ứng dụng các hàm trong Excel để tổ chức ghi sổ kế toán: Sổ Nhật ký chung, Nhật ký đặc biệt, Sổ chi tiết...;<br>- Thực hành chính xác thao tác mở sổ kế toán, khóa sổ kế toán, nhập dữ liệu trên các phần hành, tính giá thành và lưu trữ bảo quản số liệu trên phần mềm kế toán;<br>- Nắm vững và thao tác chính xác cách lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính bằng phần mềm kế toán. | 60 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó lựa chọn đúng công thức, phần hành kế toán. | 15 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua Báo cáo tài chính. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. Bùi Văn Dương, PGS.TS. Võ Văn Nhị; Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT bằng Excel; NXB Tài chính; Năm 2008.

[2]. Công ty cổ phần Misa; Giáo trình Kế toán toán số - Kế toán doanh nghiệp; NXB văn hóa thông tin Hà Nội; Năm 2021.

*8.2. Sách tham khảo:*

[3]. Tổng hợp và biên dịch VN - Guide; Kế toán doanh nghiệp với Excel (Sách tái bản); NXB Thống kê; Năm 2011

[4]. Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; Năm 2015.

[5]. Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; Năm 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

| | |
|---|---|
| 1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn |
| 2. ThS. Ma Thị Thu Thủy | Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn |
| 3. ThS. Dương Hương Lam | Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P. Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | ThS. Ma Thị Thu Thủy |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tổ chức công tác kế toán
- Tên tiếng Anh: Organization of accounting
- Mã học phần: FIM0545
- Số tín chỉ: 04
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 28 tiết
  - Thực hành : 30 tiết
  - Tự học : 120 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến tổ chức kế toán chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán theo các hình thức kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống báo cáo kế toán và kiểm tra kế toán. |
| M2 | - Kỹ năng xây dựng quy trình luân chuyển một số chứng từ thông dụng;<br>- Kỹ năng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán;<br>- Kỹ năng đối chiếu số liệu giữa tổng hợp và chi tiết;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập. |
| M3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề của một kế toán viên, kế toán tổng hợp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp để thực hiện công tác kế toán theo từng hình thức kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. | 4 |
| M2 | 2.2.1 | Chủ động phát hiện, xác định được hệ thống chứng từ kế toán, biểu mẫu, sổ kế toán đặc trưng với mỗi tình huống kế toán tiếp cận trong học phần. | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua lập chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 4.4.1 | Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ, quy trình ghi sổ kế toán. | 3 |
| | 4.5.1 | Tổ chức luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán theo quy trình đã được xây dựng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp. | 3 |
| M3 | 4.1.2 | Tổ chức vận dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC về chứng từ, tài khoản, hình thức kế toán và sổ kế toán; Luật kế toán. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Tổ chức công tác kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát chung về tổ chức công tác kế toán; tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và các hình thức kế toán; tổ chức công tác kế toán một số yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra kế toán. Thông qua các bài tập thực tế, học phần giúp cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết của một kế toán viên, kế toán tổng hợp khi làm thực tế sau tốt nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Khái quát chung về tổ chức công tác kế toán (3/0/6)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Khái niệm tổ chức công tác kế toán trong đơn vị kế toán<br>1.2. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán trong hệ thống quản lý<br>1.3. Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán<br>1.4. Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán<br>1.5. Nội dung cơ bản của tổ chức công tác kế toán | 1.3.1 | Từ [1] đến [3] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu và phân tích đối tượng nghiên cứu của tổ chức công tác kế toán.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Thảo luận |
| **Chương 2: Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán (12/0/24)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp* | 1.3.1 | [1]; [2] | Thuyết |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Chứng từ kế toán và phân loại chứng từ kế toán<br>2.2. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán và ý nghĩa của tổ chức hệ thống chứng từ kế toán<br>2.3. Nguyên tắc tổ chức hệ thống chứng từ kế toán<br>2.4. Nội dung tổ chức hệ thống chứng từ kế toán<br>2.5. Hệ thống chứng từ kế toán<br>2.6. Tổ chức hạch toán ban đầu trên một số chứng từ chủ yếu<br>- Nội dung bài tập<br>Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán thông qua việc xây dựng quy trình luân chuyển và lập chứngt ừ. | 2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2<br>4.4.1<br>4.5.1 | [3]; [6] | trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Hoàn thành bài tập, nhiệm vụ về nhà;<br>- Chuẩn bị nội dung, các mẫu biểu cho phần thực hành, tham gia thực hành đầy đủ, tương tác nhóm và tương tác với giảng viên;<br>- Tìm và đọc các nội dung kiến thức liên quan đến các loại chứng từ, tìm hiểu mẫu tương ứng với mỗi loại;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Giải quyết tình huống; Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 3: Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán (3/0/6)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Yêu cầu của việc hệ thống hoá thông tin kế toán<br>3.2. Khái niệm và ý nghĩa của tổ chức hệ thống tài khoản kế toán<br>3.3. Nhiệm vụ tổ chức hệ thống tài khoản kế toán<br>3.4. Nguyên tắc xây dựng hệ thống tài khoản kế toán<br>3.5. Nội dung tổ chức hệ thống tài khoản kế toán<br>- Nội dung bài tập<br>Vận dụng chế độ tài khoản kế toán cho tình huống doanh nghiệp giả định. | 1.3.1;<br>4.1.2 | [1]; [2]; [3]; [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết vấn đề; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu, so sánh và thảo luận sự thay đổi trong hệ thống tài khoản kế toán ban hành kèm theo Thông | | | Giải quyết vấn đề; Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | |
| **Chương 4: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán và các hình thức kế toán (9/0/18)** | | | | |
| 4-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Sổ kế toán và các loại sổ kế toán<br>4.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và ý nghĩa của tổ chức hệ thống sổ kế toán<br>4.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức hệ thống sổ kế toán<br>4.4. Nội dung tổ chức hệ thống sổ kế toán<br>4.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán theo các hình thức kế toán<br>- Nội dung bài tập<br>Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán và các hình thức kế toán cho dữ liệu giả định. | 1.3.1<br>2.2.1<br>4.1.2<br>4.4.1 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết vấn đề; Mô phỏng; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5;<br>- Chuẩn bị hệ thống mẫu sổ theo hướng dẫn. | | | Giải quyết vấn đề; Luyện tập |
| **Chương 5: Tổ chức công tác kế toán một số yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh (24/0/48)** | | | | |
| 5-9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Tổ chức công tác kế toán tài sản cố định<br>5.2. Tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho<br>5.3. Tổ chức công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>5.4. Tổ chức công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa<br>5.5. Tổ chức công tác kế toán một số phần hành kế toán khác<br>- Nội dung bài tập<br>Thực hành ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán trên bộ dữ liệu cho sẵn. | 1.3.1<br>2.2.1<br>3.2.2<br>4.1.2<br>4.5.1 | Từ [1] đến [6] | Thuyết trình; Thực hành; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết tình huống; Mô phỏng; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Hoàn thành bài tập, bài thực hành, chuẩn bị nội | | | Giải quyết vấn đề; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | dung, các mẫu biểu cho phần thực hành tiếp theo, tham gia thực hành đầy đủ, tương tác nhóm và tương tác với giảng viên;<br>- Tự luyện tập vận dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng các mục còn lại của chương | | | Luyện tập, thực hành |
| **Chương 6: Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán (3/0/6)** | | | | |
| 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Báo cáo kế toán và tổ chức hệ thống báo cáo kế toán<br>6.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống báo cáo kế toán<br>6.3. Các hệ thống báo cáo đối với kế toán tài chính doanh nghiệp.<br>6.4. Nội dung tổ chức hệ thống báo cáo kế toán | 1.3.1<br>4.1.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng của chương 7. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 7: Tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra kế toán (3/0/6)** | | | | |
| 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Khái niệm, căn cứ và nguyên tắc tổ chức bộ máy kế toán<br>7.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán | 1.3.1<br>4.1.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy kế toán trên thực tế;<br>- Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp vào tuần học cuối. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1; 2.2.1<br>3.2.2; 4.4.1<br>4.5.1 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Thực hành (ghi sổ) | Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp trong một số phần hành kế toán thông dụng | Tuần 7 | | 1.3.1; 2.2.1 3.2.2; 4.5.1 | 10 |
| Bài tập nộp | Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán theo một số hình thức kế toán | Tuần 10 | Bài tập nộp | | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi | Thi kết thúc học phần | 1.3.1; 2.2.1 3.2.2; 4.1.2 4.4.1; 4.5.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ một số vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, tài khoản kế toán, hệ thống báo cáo kế toán và kiểm tra kế toán; | 10 |
| | Hiểu | - Phân biệt được cách thức tổ chức một số chứng từ kế toán thông dụng;<br>- Phân biệt được cách thức ghi chép hệ thống sổ chi tiết, sổ tổng hợp; | 10 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng kiến thức để tổ chức hệ thống sổ kế toán theo một số hình thức kế toán trong một số quá trình kinh doanh chủ yếu;<br>- Vận dụng được kỹ năng lập chứng từ, mở và ghi sổ kế toán, đối chiếu, kiểm tra giữa tổng hợp và chi tiết; | 50 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán, lựa chọn hệ thống sổ và ghi chép phù hợp; | 20 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá được một số quá trình kinh doanh chủ yếu để tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, sổ kế toán, hình thức kế toán phù hợp. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. TS. Lưu Đức Tuyên, TS. Ngô Thị Thu Hồng; Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2011.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. GVC Ngô Thúy Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thuỷ, Phạm Thị Mai Yến; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016;

[3]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[4]. Bộ Tài chính; 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính; 2008;

[5]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[6]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn
3. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đề án kế toán tài chính
- Tên tiếng Anh: Project financial accounting
- Mã học phần: FIM485
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 60 tiết
  - Tự học : 30 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành để đưa ra phân tích phục vụ cho việc tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán trên bộ dữ liệu giả định. |
| M2 | - Kỹ năng lập, phân loại chứng từ;<br>- Kỹ năng ghi sổ tổng hợp, chi tiết;<br>- Kỹ năng phân tích;<br>- Kỹ năng tổng hợp;<br>- Kỹ năng làm việc nhóm;<br>- Kỹ năng thuyết trình. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng kiến thức kế toán tài chính để lập các chứng từ kế toán cho các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh; | 4 |
| M2 | 3.1.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua phân chia công việc dưới vai trò của các kế toán viên giả định | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua các báo cáo kế toán | 3 |
| | 4.5.1 | Triển khai thực hiện lập chứng từ, ghi sổ | 3 |
| | 4.6.1 | Thực hiện kiểm tra dữ liệu, đối chiếu chứng từ, sổ sách. | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Đề án Kế toán tài chính là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, với các tình huống giả định được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế liên quan đến một số phần hành chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được thực hành thực tế, rèn luyện kỹ năng của một kế toán viên, củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần kế toán tài chính, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lập báo cáo.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao đề án, hướng dẫn tổng quát, phân công nhiệm vụ | 1.3.1<br>3.1.1 | [1] đến [5] | Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng; Giải quyết vấn đề; Thảo luận; Tương tác; học tập nhóm |
| 2 | Xây dựng và phân loại các chứng từ kế toán cho các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và phân loại theo nhóm. | 1.3.1<br>3.1.1<br>3.2.2<br>4.5.1<br>4.6.1 | | |
| 3-4 | Báo cáo kết quả xây dựng hệ thống chứng từ kế toán | | | |
| 5-6 | Mở và ghi sổ kế toán chi tiết | | | |
| 7 | Báo cáo kết quả ghi sổ kế toán chi tiết | | | |
| 8-9 | Mở và ghi sổ kế toán tổng hợp | | | |
| 10 | Báo cáo kết quả ghi sổ kế toán tổng hợp | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Bộ tài liệu kế toán chi tiết, tổng hợp | Theo kế hoạch thi KTHP | Báo cáo nộp | 1.3.1, 3.1.1 3.2.2, 4.5.1, 4.6.1 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ được đặc trưng của hình thức kế toán áp dụng cho bộ dữ liệu được đưa ra. | 10 |
| | Hiểu | Phân biệt được các quy trình lập chứng từ, ghi sổ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp | 10 |
| 2 | Áp dụng | Ứng dụng các kiến thức đã học để lập chứng từ, ghi sổ kế toán từ dữ liệu cho trước | 40 |
| | Phân tích | Phân tích được chiều biến thiên của các đối tượng kế toán, mối quan hệ ghi sổ kép từ đó lựa chọn đúng loại sổ sử dụng và thể | 30 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | hiện được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán có liên quan. | |
| 3 | Đánh giá | Thực hiện kiểm tra, đánh giá, đối chiếu dữ liệu kế toán giữa các thành viên trong nhóm thông qua tính logic của chứng từ, sổ kế toán, giữa sổ kế toán chi tiết với sổ kế toán tổng hợp. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Tài liệu, số liệu kế toán do bộ môn xây dựng;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. GVC Ngô Thúy Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thuỷ, Phạm Thị Mai Yến; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016;

[3]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[4]. 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam;

[5]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[6]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên hướng dẫn:

1. TS. Ngô Thuý Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
3. ThS. Dương Hương Lam — Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
4. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ — Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
5. ThS. Nguyễn Thị Hồng — Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn
6. ThS. Nguyễn Thu Ngân — Email: Email: ngan.dhcn@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN KẾ TOÁN THUẾ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đề án kế toán thuế
- Tên tiếng Anh: Tax accounting projects
- Mã học phần: FIM 539
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán thuế
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán thuế.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 0 tiết
  - Thực hành, thực tập : 60 tiết
  - Tự học : 30 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 0 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến thuế GTGT: Luật thuế GTGT, phương pháp tính thuế và Báo cáo thuế GTGT. |
| M2 | - Kỹ năng lập, phân loại hóa đơn GTGT;<br>- Kỹ năng lập báo cáo thuế;<br>- Kỹ năng làm việc nhóm;<br>- Kỹ năng thuyết trình. |
| M3 | Góc nhìn, tư duy trong giải quyết vấn đề, cũng như đạo đức nghề nghiệp của một nhân viên kế toán thuế. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động lập Báo cáo thuế của người làm kế toán | 4 |
| M2 | 2.1.1 | Nhận diện, xác định được số lượng, chủng loại hóa đơn GTGT, các bảng biểu và Báo cáo cần lập trong mỗi bộ dữ liệu kế toán được đưa ra. | 3 |
| | 2.2.1 | Phát hiện, xác định, phân loại hóa đơn, các trường hợp không đủ điều kiện để khấu trừ thuế đầu vào, thực hiện lên | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | các bảng kê và lập báo cáo thuế. | |
| | 3.1.1 | Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện lập Hóa đơn, lên bảng kê và lập được Báo cáo thuế. | 3 |
| | 4.6.1 | Kiểm tra toàn bộ bộ chứng từ và Bảng kê, Báo cáo đã lập, Đánh giá số thuế GTGT cần phải nộp, Hoàn thiện báo cáo và Bài thuyết trình. | 3 |
| M3 | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập; Ham tìm hiểu học tập; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao. | 3 |
| | 2.5.2 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một kế toán thuế. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Đề án Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế trong tình huống giả định liên quan đến một số loại thuế chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại, qua đó giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng mềm, lập báo cáo thuế theo đúng quy định hiện hành, đồng thời củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần trước đó.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giao đề án, hướng dẫn tổng quát, phân công nhiệm vụ | 1.3.1<br>3.1.1 | [1] đến [5] | Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng; Giải quyết vấn đề; Thảo luận; Tương tác; học tập nhóm |
| 2-6 | Lập hóa đơn GTGT cho các nghiệp vụ mua vào, bán ra; xử lý các trường hợp mua vào không có hóa đơn, các trường hợp hóa đơn sai, hỏng. | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.2.1<br>3.1.1<br>4.6.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | | |
| 7 | Báo cáo kết quả xây dựng hóa đơn mua vào, bán ra và các trường hợp đặc biệt. | | | |
| 8-9 | Lập báo cáo thuế (Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra; bảng kê hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn; tờ khai thuế GTGT; báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn). | | | |
| 10 | Báo cáo kết quả lập báo cáo thuế | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Bộ tài liệu báo cáo thuế liên quan đến bộ số liệu đã giao | Theo kế hoạch thi | Báo cáo nộp | 1.3.1; 2.1.1 2.2.1; 3.1.1 4.6.1; 2.4.1 2.5.1 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ được các quy định về lập hóa đơn GTGT, bảng kê và báo cáo thuế | 10 |
| | Hiểu | Phân loại được các nghiệp vụ mua bán, các loại Hóa đơn và các bảng kê | 10 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng kiến thức kế toán thuế để lập hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho các nghiệp vụ mua bán hàng.<br>Ứng dụng được các kỹ năng của một kế toán thuế đó là: phân tích tài liệu kế toán; lập hóa đơn GTGT; phân loại hóa đơn; lập báo cáo thuế.<br>Thực hành các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm; thuyết trình. | 60 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó lựa chọn hóa đơn sử dụng phù hợp. | 15 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận về xu hướng biến động của từng đối tượng kế toán sau nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Tài liệu, số liệu kế toán do bộ môn xây dựng;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[3]. 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam;

[4]. Bộ Tài chính: Hệ thống các văn bản pháp luật về Thuế GTGT;

[5]. Tổng cục thuế; Luật quản lý thuế.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên hướng dẫn:

1. TS. Ngô Thúy Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền — Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
3. ThS. Nguyễn Thị Hồng — Email: nguyenthihong@tnut.edu.vn
4. ThS. Dương Hương Lam — Email:duonghuonglam@tnut.edu.vn

5. ThS. Ma Thị Thu Thủy Email:thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn

6. ThS. Nguyễn Thu Ngân Email: ngan.dhcn@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | ThS. Ma Thị Thu Thủy |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUỐC TẾ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán quốc tế
- Tên tiếng Anh: International Accounting
- Mã học phần: FIM356.
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Nắm vững kiến thức cơ bản về Kế toán quốc tế nói chung, Kế toán Mỹ nói riêng;<br>- Nắm vững quy trình hạch toán kế toán Mỹ; Nội dung và phương pháp lập hệ thống các báo cáo tài chính cơ bản trong kế toán Mỹ; Hiểu rõ các nghiệp vụ mua và bán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại; Hiểu và biết cách hạch toán các phần hành kế toán trong kế toán Mỹ. |
| M2 | Trang bị cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để xác định và giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán Mỹ.<br>Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng mềm như: Kỹ năng tư duy độc lập; Kỹ năng tư duy phản biện; Kỹ năng giao tiếp. |
| M3 | Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có phương pháp làm việc khoa học; Có góc nhìn và tư duy logic trong xử lý vấn đề của một kế toán viên trong các doanh nghiệp nước ngoài hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng các kiến thức chuyên môn trong quá trình nhận diện vấn đề, phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập báo cáo kế toán qua đó cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng có liên quan. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Phân tích các nghiệp vụ kinh tế, đánh giá mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán và sự ảnh hưởng của các đối tượng kế toán đến phương trình kế toán cơ bản từ đó thực hiện ghi chép trên các sổ kế toán phù hợp. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua việc phân tích các đối tượng kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và ghi sổ kế toán phù hợp. | 3 |
| M3 | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập; Biết quản lý thời gian và quản lý nguồn lực; có tinh thần ham hiểu biết và học tập suốt đời. | 3 |
| | 2.5.1 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kế toán Quốc tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng, bao gồm các nội dung: Khái niệm, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế; Các hệ thống kế toán trên thế giới; Đặc điểm mô hình kế toán của một số nước trên thế giới; Đặc điểm cơ bản của kế toán Mỹ; Quy trình kế toán, các báo cáo kế toán cơ bản; Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản cố định, tài sản lưu động; Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu. Học phần này giúp sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kế toán trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Giới thiệu chung về Kế toán quốc tế (6,0,12)** | | | | |
| 1 hoặc 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Khái niệm cơ bản.<br>1.2. Các hệ thống kế toán trên thế giới.<br>1.3. Chuẩn mực kế toán quốc tế.<br>1.4. Đặc điểm cơ bản của Kế toán Mỹ. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 1, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết, bài tập chương 1;<br>- Đọc thêm về các hệ thống kế toán trên thế giới; Chuẩn mực kế toán quốc tế;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Quy trình kế toán và các báo cáo cơ bản (8,0,16)** | | | | |
| 2-3 hoặc | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Quy trình kế toán. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2-4 | 2.2. Hệ thống sổ kế toán.<br>2.3. Bảng cân đối thử.<br>2.4. Bút toán điều chỉnh<br>2.5. Khóa sổ kế toán.<br>2.6. Bảng cân đối thử sau điều chỉnh và bảng kế toán nháp.<br>2.7. Báo cáo tài chính cơ bản. | 2.5.1<br>3.2.2 | | Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 2, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết và bài tập chương 2;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Thảo luận; Thực hành |
| **Chương 3: Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại (6,0,12)** | | | | |
| 4-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Tổng quan về doanh nghiệp thương mại.<br>3.2. Kế toán quá trình mua hàng.<br>3.3. Kế toán quá trình bán hàng.<br>3.4. Xác định giá vốn hàng bán.<br>3.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.<br>3.7. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác trong doanh nghiệp thương mại. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 3, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết, bài tập chương 3;<br>- Đọc tài liệu được cung cấp và tìm đọc thêm tài liệu về các thủ tục xử lý cuối kỳ;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 4: Kế toán tài sản lưu động (6,0,12)** | | | | |
| 5-6 hoặc 6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Khái niệm, đặc điểm hạch toán.<br>4.2. Nội dung và phương pháp kế toán các loại TSLĐ. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu tình huống; Thực hành; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 4, làm bài tập trong hệ thống câu | | | Thảo luận; Học tập nhóm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | hỏi lý thuyết, bài tập chương 4;<br>- Tìm đọc thêm tài liệu về các tình huống liên quan đến hạch toán hàng tồn kho;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5. | | | |
| **Chương 5: Kế toán tài sản cố định (6,0,12)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Khái niệm, phân loại, đặc điểm hạch toán TSCĐ.<br>5.2. Kế toán TSCĐ hữu hình.<br>5.3. Kế toán khấu hao TSCĐ.<br>5.4. Kế toán TSCĐ vô hình.<br>5.5. Kiểm soát TSCĐ. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình;<br>Câu hỏi gợi ý;<br>Thảo luận;<br>Nghiên cứu tình huống;<br>Thực hành;<br>Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 5, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết, bài tập chương 5;<br>- Đọc và tìm hiểu thêm tài liệu về kiểm soát TSCĐ trong doanh nghiệp;<br>- Thảo luận nhóm để đưa ra cách giải quyết vấn đề liên quan đến việc phân tích, đánh giá để đưa ra quyết định đầu tư, đổi mới TSCĐ trong doanh nghiệp;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 6. | | | Thảo luận;<br>Học tập nhóm |
| **Chương 6: Kế toán nợ phải trả (6,0,12)** | | | | |
| 8-9 hoặc 8-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Khái niệm, phân loại các khoản nợ phải trả.<br>6.2. Đánh giá nợ phải trả.<br>6.3. Nợ phải trả ngắn hạn.<br>6.4. Nợ phải trả dài hạn. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình;<br>Câu hỏi gợi ý;<br>Thảo luận;<br>Nghiên cứu tình huống;<br>Thực hành;<br>Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 6, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết, bài tập chương 6;<br>- Vận dụng để phân tích, đánh giá từng khoản nợ cũng như khả năng thanh toán của doanh nghiệp, qua đó đưa ra quyết định về các hình thức huy động vốn phù hợp cho doanh nghiệp;<br>- Tìm đọc thêm tài liệu về đánh giá các khoản nợ. Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7. | | | Thảo luận;<br>Học tập nhóm |

| Chương 7: Kế toán vốn chủ sở hữu (5,0,10) | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9-10 hoặc 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Kế toán trong công ty hợp danh.<br>7.2. Kế toán trong công ty cổ phần. | 1.3.1<br>2.3.1<br>2.4.1<br>2.5.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức chương 7, làm bài tập trong hệ thống câu hỏi lý thuyết, bài tập chương 7;<br>- Vận dụng để phân tích, đánh giá trong các tình huống thành lập, giải thể, phân chia quyền lợi trong các công ty hợp danh;<br>- Tìm đọc thêm tài liệu về công tác hạch toán kế toán trong công ty cổ phần: Phát hành cổ phiếu thường, cổ phiếu quỹ; Trả cổ tức trong công ty cổ phần... | | | Thảo luận |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các vấn đề chung về Kế toán quốc tế;<br>Quy trình kế toán; Phương pháp lập hệ thống sổ kế toán và các Báo cáo kế toán trong kế toán Mỹ | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1;2.3.1<br>2.4.1;2.5.1<br>3.2.2 | 10 |
| Tự luận | Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tài sản lưu động | Tuần 7 | | 1.3.1;2.3.1<br>2.4.1;2.5.1<br>3.2.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Nộp một số bài tập theo yêu cầu của giảng viên. | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1;2.3.1<br>2.4.1;2.5.1<br>3.2.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.3.1<br>2.4.1;2.5.1<br>3.2.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp | Trình độ | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng |
|---|---|---|---|

| độ | năng lực | | điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Ghi nhớ khái niệm, định nghĩa cơ bản liên quan đến từng nội dung kiến thức cụ thể của Kế toán Mỹ.<br>Ghi nhớ được phương pháp giải quyết các vấn đề phát sinh. | 15 |
| | Hiểu | - Xác định được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán và ảnh hưởng của chúng tới phương trình kinh tế;<br>- Phân biệt được cách thức ghi chép hệ thống sổ chi tiết, sổ tổng hợp; | 15 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng kiến thức đã được trang bị để tính toán đúng các chỉ tiêu và lập được hệ thống sổ kế toán; Hệ thống các báo cáo kế toán trong kế toán Mỹ. | 50 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán, lựa chọn hệ thống sổ và ghi chép phù hợp; | 10 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận phù hợp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. TS. Nguyễn Phú Giang; Kế toán Quốc tế; NXB Tài chính; 2012.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Đặng Kim Cương; Nguyên lý kế toán Mỹ; NXB Thống kê; 2008.

[3]. TS. Phan Đức Dũng; Kế toán Mỹ (Đối chiếu kế toán Việt Nam); NXB Thống kê; 2007.

[4]. ThS. Phạm Thanh Liêm, ThS. Vũ Thu Hằng, ThS. Phạm Quang Huy, ThS. Nguyễn Thị Thu; Giáo trình Kế toán Mỹ; NXB Phương Đông; 2012.

[5]. Andrew Thomas & Anne Marie Ward; Introduction to Financial Accounting; Mc Graw Hill Education; 2012.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Ngô Thúy Hà — Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thu Ngân — Email: ngan.dhcn@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Ngô Thúy Hà |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán xây dựng cơ bản
- Tên tiếng Anh: Accounting for capital construction
- Mã học phần: FIM 432
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Kiến thức cơ bản về kế toán xây dựng cơ bản; phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp. |
| M2 | - Kỹ năng hạch toán kế toán các phần hành phát sinh tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập (áp dụng đối với các phần hành riêng biệt);<br>- Kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu. |
| M3 | Người học góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề kế toán tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp để thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp | 3 |
| M2 | 2.1.1 | Xem xét tài khoản kế toán sử dụng, phương pháp hạch toán kế toán, tập hợp chi phí và tính giá thành công trình tương ứng các tình huống kinh tế phát sinh cụ thể. | 3 |
| | 2.2.1 | Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phát hiện, xác định được các phương thức phát sinh tại trong kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản; Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện khoán sản phẩm xây lặp | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M3 | 2.3.2 | Xem xét sự vật, hiện tượng đặt trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống, | 3 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, rèn luyện tính kiên trì, tận tuỵ, tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp | 3 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua hoạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh, tập hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán xây dựng cơ bản là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung: vấn đề chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp và kế toán ở đơn vị chủ đầu tư; đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bàn giao công trình xây lắp và đặc điểm hạch toán doanh thu; xác định kết quả hoạt động xây lắp theo các phương thức kế toán trong xây dựng cơ bản theo chế độ hiện hành. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức công tác kế toán liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản tại các doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 . Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và nhiệm vụ kế toán<br>1.2. Kế toán hoạt động đầu tư XDCB | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc thông tư, văn bản quy phạm pháp luật quy định về hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư;<br>- Chuẩn bị nội dung thảo luận liên quan đến hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu tại đơn vị chủ đầu tư.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp xây lắp (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | 2.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | 1.3.1 | Từ [1] | Giảng |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | trong các doanh nghiệp xây lắp<br>2.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu<br>2.3. Kế toán nhập xuất nguyên vật liệu<br>2.4. Kế toán nhập xuất công cụ dụng cụ | 2.1.1<br>2.4.2 | đến [5] | dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Hoàn thành bài tập, nhiệm vụ về nhà;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (6/0/12)** | | | | |
| 3-4 | 3.1. Khái niệm và phân loại tiền lượng<br>3.2. Kế toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương<br>3.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.4.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Tìm và đọc thông tư, văn bản quy phạm pháp luật quy định về mức lương tối thiểu vùng, mức lương tối thiểu chung, các khoản trích theo lương mới nhất;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp (12/0/24)** | | | | |
| 4-7 | 4.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm<br>4.2. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp<br>4.3. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện hoán sản phẩm xây lắp<br>4.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ<br>4.5. Tính giá thành sản phẩm xây lắp | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.3.2<br>2.4.2<br>3.2.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5; | | | Học tập độc lập |
| **Chương 5: Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động xây lắp (12/0/24)** | | | | |
| 7-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Nhiệm vụ kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả | 1.3.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5.2. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp<br>5.3. Kế toán dự phòng về chi phí bảo hành công trình xây lắp<br>5.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp<br>5.5. Kế toán kết quả hoạt động xây lắp | 2.1.1<br>2.3.2<br>2.4.2<br>3.2.1 | | tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp | | | Học tập độc lập |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu tại đơn vị chủ đầu tư. | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1 | 10 |
| Tự luận | Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện hoán sản phẩm xây lắp | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 2.1.1<br>2.3.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Các chương có bài tập | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1;2.1.1<br>2.3.2<br>2.4.2; 3.2.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Các nội dung đã học | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.1.1<br>2.3.2<br>2.4.2; 3.2.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | -Một số kiến thức cơ bản bản chất, yêu cầu quản lý của nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và cách hạch toán nguồn vốn đầu tư XDCB;<br>- Các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp | 20 |
| | Hiểu | Hiểu về các phương pháp xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp; Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh | 20 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | doanh trong doanh nghiệp xây lắp. | |
| 2 | Áp dụng | -Vận dụng kiến thức để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong XDCB tại đơn vị chủ đầu tư ;<br>- Vận dụng kiến thức để xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, quá trình tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây lắp | 40 |
| | Phân tích | Phân tích các tình huống, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó đưa ra phương pháp hạch toán phù hợp; | 15 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá được một số quá trình hạch toán kinh tế chủ yếu để tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán phù hợp. | 5 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS.Võ Văn Nhị; Kế toán doanh nghiệp xây lắp, kế toán đơn vị chủ đầu tư; NXB Tài chính; 2009;

[2]. Bộ Tài chính; Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư trong các doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2013;

*8.2. Sách tham khảo:*

[3].TS.Đỗ Minh Thành; Kế toán xây dựng cơ bản; Nhà xuất bản Thống kê; 2005;

[4]. PGS.TS. Võ Văn Nhị; Kế toán doanh nghiệp xây lắp; NXB Giao thông vận tải; 2008;

[5]. TS. Nguyễn Văn Bảo; Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán; NXB Tài chính; 2004.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Ma Thị Thu Thủy Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kế toán thương mại dịch vụ
- Tên tiếng Anh: Commercial services accounting
- Mã học phần: FIM357
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản liên quan đến việc tổ chức công tác kế toán cũng như cách hạch toán trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ. |
| M2 | - Kỹ năng xác định vấn đề và giải quyết vấn đề kế toán trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ;<br>- Kỹ năng làm việc nhóm; làm việc độc lập.<br>- Kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu. |
| M3 | Người học góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề kế toán tại các doanh nghiệp thương mại dịch vụ |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng kiến thức chuyên ngành để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ theo đúng chế độ kế toán | 3 |
| M2 | 2.1.1 | Xác định được các đối tượng kế toán cơ bản liên quan đến các phần hành kế toán được tiếp cận trong học phần | 3 |
| | 2.2.1 | Chủ động phát hiện, xác định được hệ thống chứng từ kế toán, biểu mẫu, sổ kế toán đặc trưng với mỗi phần hành được tiếp cận trong học phần. | 3 |
| M3 | 2.3.2 | Đánh giá được mối quan hệ ghi sổ kép giữa các đối tượng kế | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | toán trong mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc các phần hành kế toán được tiếp cận trong học phần | |
| | 2.4.2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, rèn luyện tính kiên trì, tận tuỵ, tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp | 3 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua hạch toán và lập báo cáo kế toán có liên quan | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kế toán thương mại dịch vụ là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về doanh nghiệp thương mại dịch vụ; kế toán mua bán hàng hóa trong nước, kế toán xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ. Học phần được xây dựng dựa trên các chuẩn mực, nguyên tắc kế toán Việt Nam hiện hành, qua đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng, giải quyết các tình huống, nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về doanh nghiệp thương mại, dịch vụ (9/0/18)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Khái niệm và đặc điểm doanh nghiệp thương mại, dịch vụ<br>1.2. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.<br>1.3. Tổ chức bộ máy kế toán và các mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. | 1.3.1 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán đối với 1 số chứng từ chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Thảo luận; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Kế toán mua bán hàng hóa trong nước (10/0/20)** | | | | |
| 4-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Khái niệm và nguyên tắc mua, bán hàng hóa trong nước | | | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2. Nhiệm vụ kế toán mua, bán hàng hóa trong nước<br>2.3. Kế toán mua hàng hóa trong nước<br>2.4. Kế toán bán hàng hóa trong nước | 1.3.1<br>2.1.1 | Từ [1] đến [4] | vấn đề; Mô phỏng; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Tìm hiểu hệ thống chứng từ kế toán (bao gồm cả chứng từ thủ tục kế toán và chứng từ gốc của hoạt động mua hàng hóa trong nước).<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng nội dung tiếp theo của chương 3. | 2.2.1<br>2.3.2<br>2.4.2<br>3.2.1 | | Giải quyết vấn đề; Luyện tập |
| **Chương 3: Kế toán xuất nhập khẩu (12/0/24)** | | | | |
| 7-11 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Các khái niệm và nguyên tắc hạch toán<br>3.2. Các phương thức giao hàng phổ biến trong thương mại quốc tế<br>3.3. Các phương thức thanh toán quốc tế<br>3.4. Kế toán xuất nhập khẩu trực tiếp<br>3.5. Kế toán xuất nhập khẩu ủy thác. | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.3.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết vấn đề; Mô phỏng; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương tương ứng với nội dung còn lại;<br>- Tìm hiểu về đặc điểm kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn và du lịch;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | 2.4.2<br>3.2.1 | | Giải quyết vấn đề; Luyện tập |
| **Chương 4: Kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ (12/0/24)** | | | | |
| 12-15 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh dịch vụ<br>4.2. Kế toán kinh doanh nhà hàng<br>4.3. Kế toán kinh doanh khách sạn<br>4.4. Kế toán kinh doanh du lịch<br>4.5. Kế toán dịch vụ tư vấn. | 1.3.1<br>2.1.1<br>2.2.1<br>2.3.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Thảo luận; Nghiên cứu, giải quyết vấn đề; Mô phỏng; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương; | | | Giải quyết vấn đề; Luyện tập |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. | 2.4.2<br>3.2.1 | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Trắc nghiệm | Các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1 | 10 |
| Tự luận | Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện hoán sản phẩm xây lắp | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 2.1.1<br>2.3.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Các chương có bài tập | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1;2.1.1;<br>2.2.1;2.3.2;<br>2.4.2; 3.2.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Các nội dung đã học | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.1.1;<br>2.2.1;2.3.2;<br>2.4.2; 3.2.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Xác định được các đối tượng kế toán có trong mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đưa ra.<br>- Ghi nhớ được những nét cơ bản trong tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp thương mại dịch vụ | 20 |
| | Hiểu | Phân biệt được các đối tượng kế toán trong mỗi nghiệp vụ kinh tế đặc trưng trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ | 30 |
| 2 | Phân tích | Phân tích được biến động của các đối tượng kế toán, cũng như mối quan hệ giữa các đối tượng trong mỗi nghiệp vụ kinh tế, trên cơ sở đó tiến hành thao tác ghi sổ kép trong kế toán. | 30 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá được một số quá trình hạch toán kinh tế chủ yếu để tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán phù hợp. | 20 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Nguyễn Thị Lời, Ma Thị Hường (chủ biên); Giáo trình kế toán tài chính 3; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS. Trần Phước; Kế toán thương mại dịch vụ; NXB Tài chính; 2010;

[3]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[4]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kiểm toán tài chính
- Tên tiếng Anh: Financial audit
- Mã học phần: FIM534
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Kiểm toán căn bản; Nguyên lý kế toán.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản về kiểm toán tài chính; Quy trình cơ bản khi xây dựng kế hoạch kiểm toán tài chính; Quá trình thực hiện một cuộc kiểm toán tài chính; Quy trình kiểm toán một số chu trình và khoản mục chủ yếu; Báo cáo công việc của kiểm toán viên sau khi kết thúc kiểm toán. |
| M2 | - Kỹ năng xây dựng kế hoạch kiểm toán tài chính;<br>- Kỹ năng kiểm toán các phần hành kinh tế chủ yếu;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng kiến thức để đánh giá sự ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp, làm căn cứ để đưa ra kết luận kiểm toán, xác định và giải quyết các vấn đề trong một cuộc kiểm toán; Thực hiện kiểm toán một số quy trình và khoản mục chủ yếu. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Xem xét và xác định các gian lận sai, sót có thể phát sinh trong quá trình kiểm toán; Sự ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | 3 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tinh kiên trì, tận tuỵ, tinh thần trách nhiệm cao, Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | 3 |
| M2 | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua phân tích các nghiệp vụ kiểm toán thực tế phát sinh tại đơn vị kiểm toán. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kiểm toán tài chính là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Mục tiêu của kiểm toán tài chính, bằng chứng kiểm toán, các công việc kiểm toán phải làm và các bằng chứng kiểm toán viên phải thu thập trong từng giai đoạn kiểm toán; Giới thiệu kiểm toán các khoản mục cơ bản, chủ yếu và các kết luận cùng các thuyết minh của kiểm toán viên trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được nội dung các hoạt động kiểm toán tài chính tại các doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về kiểm toán tài chính (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Đối tượng của KTTC và mối quan hệ chủ thể - khách thể của KTTC<br>1.2. Phương pháp kiểm toán trong KTTC<br>1.3. Đặc điểm chung về trình tự KTTC<br>1.4. Khái quát đặc điểm của KTTC<br>1.5. Mục tiêu của kiểm toán tài chính | 1.3.1<br>3.2.1 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2 về chứng từ kiểm toán, CSDL, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động liên tục. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 2: Bằng chứng kiểm toán (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | 2.1. Các quyết định về bằng chứng kiểm toán<br>2.2. Tính chất của bằng chứng kiểm toán<br>2.3. Các loại bằng chứng kiểm toán và phương pháp kỹ thuật thu thập các bằng chứng kiểm toán<br>2.4. Một số bằng chứng đặc biệt cần thu thập<br>2.5. Hồ sơ kiểm toán với bằng chứng kiểm toán. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học; | | | Học tập độc lập |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | |
| **Chương 3: Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm toán (9/0/18)** | | | | |
| 3-5 | 3.1. Lập kế hoạch kiểm toán trong quá trình KTTC<br>3.2. Lập kế hoạch tổng quát<br>3.3. Thiết kế chương trình kiểm toán<br>3.4 . Khái quát quá trình thực hiện kiểm toán<br>3.5. Thực hiện thủ tục kiểm soát<br>3.6. Thực hiện thủ tục phân tích.<br>3.7. Thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Học tập độc lập |
| **Chương 4: Kiểm toán các chu trình và các khoản mục chủ yếu (19/0/38)** | | | | |
| 5-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền<br>4.2. Kiểm toán chu trình mua hàng – thanh toán<br>4.3. Kiểm toán chu trình hàng tồn kho<br>4.4. Kiểm toán chu trình tiền lương – nhân viên.<br>4.5. Kiểm toán tài sản và đầu tư dài hạn<br>4.6. Kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn trả vốn<br>4.7. Kiểm toán chu trình tiền | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5; | | | Học tập độc lập |
| **Chương 5: Kết thúc kiểm toán (3/0/6)** | | | | |
| 10 | 5.1. Khái quát chung về Báo cáo kiểm toán về BCTC<br>5.2. Nội dung của Báo cáo kiểm toán về BCTC.<br>5.3. Ý kiến của KTV trình bày trên báo cáo kiểm toán.<br>5.4. Mẫu kiểm toán về BCT<br>5.5. Xem xét các sự kiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán. | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [5] | Giảng dạy trực tiếp/ Học trực tuyến |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên* | | | Học tập độc |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương; | | | lập |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Đối tượng của KTTC, mục tiêu kiểm toán | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1 | 10 |
| Tự luận | Kiểm toán chu trình và các khoản mục chủ yếu | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;3.2.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Các chương có bài tập | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;3.2.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Các nội dung đã học | Theo kế hoạch KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1;2.3.1 3.2.1;3.2.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ kiến thức cơ bản về kiểm toán tài chính; Quy trình xây dựng kế hoạch kiểm toán tài chính; Quy trình kiểm toán một số chu trình và khoản mục chủ yếu; | 10 |
| | Hiểu | Hiểu các khái niệm cơ bản trong kiểm toán tài chính; Các gian lận sai, sót có thể phát sinh trong quá trình kiểm toán; Sự ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp; | 10 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng để xác định và giải quyết các vấn đề trong một cuộc kiểm toán; Vận dụng được kỹ năng thực hiện kiểm toán một số quy trình và khoản mục chủ yếu; Thực hiện công việc mà kiểm toán viên phải thực hiện sau khi kết thúc kiểm toán. | 50 |
| | Phân tích | Phân tích các nghiệp vụ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp; | 20 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá sự ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp, làm căn cứ để đưa ra kết luận kiểm toán. | 10 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. GS.TS. Nguyễn Quang Quynh, PGS.TS. Ngô Trí Tuệ; Giáo trình Kiểm toán tài chính; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2011;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS. Phạm Trung Kiên; Kiểm toán Lý Thuyết và thực hành; NXB Tài chính; 2011;

[3]. TS. Phạm Trung Kiên; Bài tập Kiểm toán chọn lọc; NXB Tài chính; 2012;

[4]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp; NXB Khoa học xã hội; 2015.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kiểm toán nội bộ
- Tên tiếng Anh: Internal Audit
- Mã học phần: Xin cấp mã mới
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Kiểm toán căn bản; Nguyên lý kế toán.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Những kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ với hoạt động kế toán trong đơn vị, đánh giá các hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ 1 số phần hành chủ yếu trong doanh nghiệp. |
| M2 | - Kỹ năng xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ;<br>- Kỹ năng viết báo cáo kiểm toán nội bộ;<br>- Kỹ năng làm việc độc lập. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Vận dụng kiến thức để đánh giá sự ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp, làm căn cứ để đưa ra kết luận kiểm toán, xác định và giải quyết các vấn đề trong một cuộc kiểm toán; Thực hiện kiểm toán một số quy trình và khoản mục chủ yếu. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Xem xét và xác định được các đối tượng của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp | 3 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tính kiên trì, tận tuỵ, tinh thần trách nhiệm cao, Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | 3 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua lập các báo cáo kết quả kiểm toán. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Kiểm toán nội bộ là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng theo định hướng kiểm toán cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Những vấn đề cơ bản về kiểm toán nội bộ, hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ với hoạt động kế toán trong đơn vị, quy trình kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ 1 số phần hành kế toán trong doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Những vấn đề chung về kiểm toán nội bộ (6/0/12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Khái niệm kiểm toán nội bộ<br>1.2. Mục đích, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm toán nội bộ<br>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ<br>1.4. Nội dung và phạm vi của kiểm toán nội bộ<br>1.5. Giới thiệu hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước nội dung chương 2 | | | Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 2: Tổ chức kiểm toán nội bộ và mối quan hệ của kiểm toán nội bộ (6/0/12)** | | | | |
| 2-3 | 2.1. Tổ chức kiểm toán nội bộ<br>2.2. Quan hệ của kiểm toán nội bộ với các bộ phận khác | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối chương tương ứng với nội dung đã học;<br>- Đọc trước nội dung chương 3. | | | Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 3: Kiểm toán nội bộ với hoạt động kế toán trong đơn vị (9/0/18)** | | | | |
| 3-5 | 3.1. Đặc điểm của hoạt động kiểm toán có tác động tới kiểm toán nội bộ | 1.3.1<br>2.3.1 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2. Các vấn đề kiểm toán nội bộ cần quan tâm khi xem xét hoạt động kế toán<br>3.3. Các tiêu chuẩn đánh giá hệ thống kế toán của kiểm toán nội bộ | 3.2.1 | | hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước nội dung chương 4. | | | Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 4: Phương pháp kiểm toán và quy trình kiểm toán nội bộ trong đơn vị (6/0/12)** | | | | |
| 5-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Phương pháp kiểm toán tuân thủ và kiểm toán cơ bản<br>4.2. Phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ<br>4.3 Một số phương pháp khác<br>4.3. Quy trình kiểm toán nội bộ<br>4.3. Báo cáo kiểm toán nội bộ | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước nội dung chương 5; | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 5: Kiểm toán nội bộ một số khoản mục kế toán trong đơn vị (12/0/24)** | | | | |
| 6-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Kiểm toán các khoản mục tiền tệ<br>5.2. Kiểm toán các khoản phải thu<br>5.3. Kiểm toán quá trình thanh toán | 1.3.1<br>2.3.1<br>3.2.1<br>3.2.2 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, làm bài tập về nhà ở cuối chương;<br>- Đọc trước nội dung chương 6. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |
| **Chương 6: Kiểm toán nội bộ một số khoản mục kế toán trong đơn vị (6/0/12)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Đánh giá tác dụng của kiểm toán nội bộ<br>6.2. Sự đánh giá nội bộ của ban kiểm soát nội bộ | 1.3.1<br>2.3.1 | Từ [1] đến [4] | Thuyết trình; Câu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 6.3. Sự đánh giá độc lập đối với bộ phận kiểm toán nội bộ<br>6.4. Khung đánh giá chức năng của kiểm toán nội bộ | 3.2.1<br>3.2.2 | | hỏi gợi ý; Nghiên cứu tình huống; Tương tác |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi, nhiệm vụ về nhà ở cuối chương. | | | Giải quyết vấn đề; Yêu cầu; Học tập nhóm |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Trắc nghiệm | Các vấn đề cơ bản của kiểm toán nội bộ | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1 | 10 |
| Tự luận | Xây dựng quy trình, báo cáo kiểm toán nội bộ | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 1.3.1; 2.3.1 3.2.1; 3.2.2 | 10 |
| Bài tập nộp | Các chương có bài tập | Tuần 10 | Bài tập nộp | 1.3.1; 2.3.1 3.2.1; 3.2.2 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Các nội dung đã học | Theo kế hoạch KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.1; 2.3.1 3.2.1; 3.2.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhớ được một số vấn đề liên quan đến kiểm toán nội bộ | 10 |
| | Hiểu | - Hiểu được các phương pháp kiểm toán; quy trình kiểm toán; hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ, mối quan hệ của kiểm toán nội bộ với các bộ phận khác và với hoạt động của kế toán trong đơn vị. | 10 |
| 2 | Áp dụng | - Vận dụng kiến thức để thực hiện kiểm toán một số khoản mục kế toán chủ yếu.<br>- Vận dụng được kỹ năng để lập các Báo cáo kiểm toán đúng quy định. | 50 |
| 3 | Đánh giá | Đánh giá được các vấn đề trong khi thực hiện kiểm toán giả định từ đó lập báo cáo phù hợp | 10 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Đỗ Thị Thuý Phương; Giáo trình Kiểm toán nội bộ; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS. Nguyễn Hữu Ánh (chủ biên); Giáo trình Kiểm soát nội bộ; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2021;

[3]. PGS. TS. Nguyễn Phú Giang; TS. Nguyễn Trúc Lê; Kiểm toán nội bộ; NXB Tài chính; 2015;

[4]. Chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. ThS. Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
3. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
- Tên tiếng Anh: Graduation Internship
- Mã học phần: FIM487
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực tập tại đơn vị : 180 tiết
  - Tự học : 90 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Tổng hợp các kiến thức đã học để so sánh, vận dụng vào thực tế thực tập tại đơn vị.<br>- Kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin;<br>- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá;<br>- Kỹ năng giao tiếp. |
| M2 | Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.1 | Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán DNCN, từ đó có thể vận dụng, phân tích thực tế phục vụ cho nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | 4 |
| | 2.1.1 | Nhận diện, đánh giá các phần hành kế toán thực tế phát sinh tại đơn vị thực tập, từ đó so sánh với lý thuyết đã học để thấy được những khác biệt. | 4 |
| | 2.4.2 | Rèn luyện các kỹ năng, thái độ cá nhân | 4 |
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua các báo cáo kế toán tài chính và kế toán quản trị | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 2.5.2 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên (cần cù, chịu khó, cẩn trọng,…) | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua đi thực tế, tiếp cận công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, công ty sinh viên được trải nghiệm, so sánh thực tế công tác kế toán với lý thuyết đã học trên lớp từ đó phát hiện và kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phần mở đầu | 3.2.2 | [1] ; [5] | Xây dựng ý tưởng; Giải quyết vấn đề; Trải nghiệm thực tế; tương tác; học tập nhóm |
| 1-2 | Chương 1: Giới thiệu về đơn vị thực tập | 1.3.1 2.1.1; 2.4.2 2.5.2; 3.2.2 | | |
| 3 | Báo cáo kết quả thực tập lần thứ nhất | | | |
| 3-6 | Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tại đơn vị thực tập | | | |
| 6 | Báo cáo kết quả thực tập lần thứ hai | | | |
| 6-7 | Chương 3: Kết luận và kiến nghị | | | |
| 7 | Báo cáo kết quả thực tập lần cuối | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Chấm báo cáo | Toàn bộ báo cáo TTTN đã hoàn thiện | Tuần thứ 8 | Báo cáo nộp | 1.3.1, 2.1.1; 2.4.2 2.5.2; 3.2.2 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được các vấn đề chung liên quan đến đơn vị thực tập | 20 |
| | Hiểu | Mô tả lại được toàn bộ quy trình thực hiện các phần hành kế toán áp dụng tại đơn vị thực tập | 30 |
| 2 | Áp dụng | Ứng dụng lý thuyết, kết hợp quan sát thực tế để đưa ra được thực trạng kế toán các phần hành hiện có tại đơn vị thực tập một cách chung nhất. | 30 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Phân tích | Phân tích một cách khách quan thực trạng kế toán các phần hành tại đơn vị thực tập | 10 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét chung về những ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán tại đơn vị và đưa ra kết luận, kiến nghị phù hợp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Tài liệu, số liệu kế toán của đơn vị thực tập;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[3]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[4]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[5]. Hệ thống văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực kế toán, thuế.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên hướng dẫn:

| | |
|---|---|
| 1. TS. Ngô Thuý Hà | Email: ngothuyha@tnut.edu.vn |
| 2. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn |
| 3. ThS. Dương Hương Lam | Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn |
| 4. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ | Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn |
| 5. ThS. Nguyễn Thị Hồng | Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn |
| 6. ThS. Nguyễn Thu Ngân | Email: ngan.dhcn@tnut.edu.vn |

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Khoá luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp (DNCN)
- Tên tiếng Anh: Graduation Project
- Mã học phần: FIM488
- Số tín chỉ: 06
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.
- Các học phần song hành: Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán DNCN
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 360 tiết
  - Tự học : 180 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Tổng hợp các kiến thức đã học nghiên cứu một phần hành kế toán tại đơn vị thực tập thông qua các kỹ năng:<br>- Kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin;<br>- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá;<br>- Kỹ năng giao tiếp;<br>- Kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập.<br>- Rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp. |
| M2 | Có thái độ tự tin, tích cực, chủ động, kỷ luật nghiêm túc trong việc tiếp cận thực tế và thực hiện nghiên cứu của mình. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 2.2.2 | Khám phá quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đặc trưng liên quan đến nội dung lựa chọn nghiên cứu tại đơn vị thực tập một cách độc lập, trên cơ sở đó phát hiện những tồn tại, nhược điểm, đề xuất các giải pháp khắc phục. | 4 |
| | 2.5.1<br>2.5.2 | Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên (cần cù, chịu khó, cẩn trọng,…) | 4 |
| | 3.2.1 | Rèn luyện kỹ năng thuyết trình | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.2.2 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên môn thông qua viết báo cáo kết quả nghiên cứu | 4 |
| M2 | 4.1.2 | Hiểu biết về các chế độ, chính sách pháp luật có liên quan | 4 |
| | 4.2.1<br>4.2.2 | Hiểu biết những vấn đề cơ bản về đơn vị thực tập | 4 |
| | 4.4.1 | Xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung tổ chức công tác kế toán (số lượng, chủng loại chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán), xác định chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kế toán, chế độ kế toán áp dụng trong đơn vị thực tập | 4 |
| | 4.5.1 | Thiết kế lại được sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ, quy trình hạch toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo theo hình thức kế toán phù hợp đang áp dụng tại đơn vị thực tập. | 4 |
| | 4.6.1 | Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán, cũng như triển khai việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo kế toán tuân theo tính logic có thể đối chiếu giữa kế toán chi tiết và tổng hợp, giữa chứng từ với sổ sách, giữa sổ sách với báo cáo và được thể hiện trên khoá luận tổng hợp. | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua tiếp cận thực tế một phần hành kế toán chuyên sâu dựa trên kết quả thực tập, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập, lập báo cáo, thuyết trình.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lựa chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu | 2.2.2 | [1]; [9] | Xác định vấn đề; Xây dựng ý tưởng; Giải quyết vấn đề; Trải nghiệm Thực tế; Tương tác |
| 2 | Bảo vệ đề cương trước hội đồng chuyên môn | 3.2.1 | | |
| 2 | Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương theo góp ý của hội đồng chuyên môn | 2.2.2; 2.5.1 2.5.2; 3.2.1 3.2.2; 4.1.2 4.2.1; 4.2.2 4.4.1; 4.5.1 4.6.1 | | |
| 3-4 | Chương 1: Lý luận chung về vấn đề nghiên cứu | | | |
| 5 | Báo cáo kết quả lần thứ nhất | | | |
| 5-7 | Chương 2: Thực trạng liên quan đến vấn | 2.2.2; 2.5.1 | [1] đến [9] | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | đề nghiên cứu | 2.5.2; 3.2.1 3.2.2; 4.1.2 4.2.1; 4.2.2 4.4.1; 4.5.1 4.6.1 | | |
| 8 | Báo cáo kết quả lần thứ hai | | | |
| 8-9 | Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung thực trạng vấn đề nghiên cứu | | | |
| 10 | Báo cáo kết quả lần cuối, hoàn thiện KLTN | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Bảo vệ KLTN | Toàn bộ nội dung trong KLTN đã làm | Theo kế hoạch bảo vệ | KLTN nộp | 2.2.2; 2.5.1; 2.5.2 3.2.1, 3.2.2; 4.1.2 4.2.1; 4.2.2; 4.4.1 4.5.1; 4.6.1 | 100 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được các vấn đề chung liên quan đến vấn đề nghiên cứu | 20 |
| | Hiểu | Phân biệt được quy trình kế toán cơ bản hoặc quy trình phân tích cơ bản liên quan đến đề tài nghiên cứu | 20 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng lý thuyết, kết hợp tài liệu thu thập được để đưa ra những nhận định, phản ánh thực trạng vấn đề nghiên cứu. | 30 |
| | Phân tích | Phân tích thực trạng vấn đề được lựa chọn nghiên cứu | 20 |
| 3 | Đánh giá | Từ thực trạng được phản ánh, đưa ra những đánh giá liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đề xuất giải pháp phù hợp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Tài liệu, số liệu kế toán của đơn vị thực tập;

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010.

[3]. Nguyễn Thị Kim Huyền, Ngô Thuý Hà, Dương Hương Lam, Ma Thị Thu Thuỷ, Nguyễn Thị Hồng; Giáo trình kế toán tài chính (Phần I); NXB Đại học Thái Nguyên; 2021.

[4]. PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.

[5]. Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.

[6]. GVC Ngô Thúy Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thuỷ, Phạm Thị Mai Yến; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016.

[7]. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[8]. Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[9]. Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;

[10]. Hệ thống văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực kế toán, thuế.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên hướng dẫn:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Huyền Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn
2. TS. Ngô Thuý Hà Email: ngothuyha@tnut.edu.vn
3. ThS. Dương Hương Lam Email: duonghuonglam@tnut.edu.vn
4. ThS. Ma Thị Thu Thuỷ Email: thuthuy.ktdncn.kt@tnut.edu.vn
5. ThS. Nguyễn Thị Hồng Email: nguyenhong.080288@tnut.edu.vn
6. ThS. Nguyễn Thu Ngân Email: ngan.dhcn@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | TS. Nguyễn Thị Kim Huyền | Nguyễn Thị Kim Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị chất lượng
- Tên tiếng Anh: Quality Management.
- Mã học phần: FIM364
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Các học phần học trước: Quản trị tác nghiệp
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Ghi nhớ một số kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp;<br>- Mô tả khái niệm, nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại;<br>- Phân biệt một số hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO, TQM;<br>- Vận dụng các công cụ tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng;<br>- Xác định bản chất của chi phí chất lượng;<br>- Vận dụng kiến thức cơ bản để đảm bảo và cải tiến chất lượng trong tổ chức. |
| M2 | - Kỹ năng làm việc theo nhóm;<br>- Sử dụng được các công cụ kiểm soát chất lượng để cải tiến năng suất và chất lượng công việc;<br>- Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá chất lượng, đo lường và đề xuất các phương án cải tiến liên tục. |
| M3 | - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có phương pháp làm việc khoa học;<br>- Sinh viên có ý thức trong việc nâng cao chất lượng công việc cũng như hoạt động của bản thân. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| | | - Ghi nhớ một số kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | các doanh nghiệp;<br>- Mô tả được các khái niệm, nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại;<br>- Phân biệt một số hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO, TQM; | |
| | 4.4.2 | Vận dụng kiến thức chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp. | 3 |
| M2 | 2.1.1-2.1.3 | Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề | 3 |
| | 2.2.2 | Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn | 3 |
| | 2.3.2 | Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống | 3 |
| | 3.1.1<br>3.1.3 | Rèn kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc | 3 |
| | 4.6.1 | Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến | 3 |
| M3 | 2.4.1 | Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: có ý thức trong việc nâng cao chất lượng công việc cũng như hoạt động của bản thân. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Quản trị chất lượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm ba nội dung chính: những vấn đề chung về quản trị chất lượng (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp quản trị chất lượng); một số hệ thống quản trị chất lượng đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Một số vấn đề chung về quản trị chất lượng (6,0,12)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>1.1. Vị trí của chất lượng và tình hình quản lý chất lượng trong xu thế cạnh tranh<br>1.2. Chất lượng sản phẩm<br>1.3. Quá trình hình thành chất lượng sản phẩm<br>1.4. Các yếu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm | 1.3.2<br>2.3.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà;<br>- Tìm tài liệu về vai trò của chất lượng đối với các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 2. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 2: Quản trị chất lượng (3,0,6)** | | | | |
| 2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>2.1. Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng<br>2.2. Các nguyên tắc và chức năng cơ bản của quản trị chất lượng<br>2.4. Các phương pháp quản trị chất lượng | 1.3.2<br>2.1.1<br>2.2.2 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 3. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 3: Hệ thống quản trị chất lượng (5,0,10)** | | | | |
| 3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>3.1. Khái quát về hệ thống quản trị chất lượng<br>3.2. Một số hệ thống quản trị chất lượng hiện đại<br>3.3. Xây dựng hệ thống quản trị chất lượng | 1.3.1<br>2.3.2<br>2.4.1 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà; | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Tìm tài liệu về các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | luận |
| **Chương 4: Tiêu chuẩn hóa và Đo lường chất lượng (3,0,6)** | | | | |
| 4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>4.1. Tiêu chuẩn hóa<br>4.2. Đo lường chất lượng | 1.3.2<br>4.6.1 | | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>- Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà;<br>- Tìm một doanh nghiệp cụ thể và cho biết các đối tượng mà tổ chức này có thể tiêu chuẩn hóa là gì?<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 5. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| | **Kiểm tra quá trình 1** | | | |
| **Chương 5: Chi phí chất lượng (9,0,18)** | | | | |
| 5-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>5.1. Sự ra đời và bản chất của chi phí chất lượng<br>5.2. Mô hình chi phí chất lượng<br>5.3. Quản lý chi phí chất lượng<br>5.4. Một số chỉ tiêu chi phí chất lượng | 1.3.2<br>2.1.1<br>2.2.2<br>2.3.2<br>2.4.1 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà;<br>- Tìm tài liệu về vai trò của chi phí chất lượng đối với doanh nghiệp<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 4. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| **Chương 6: Các công cụ thống kê trong quản trị chất lượng (12,0,24)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>6.1. Bản chất và lợi ích của kiểm soát chất lượng bằng công cụ thống kê<br>6.2. Các công cụ thống kê trong kiểm soát quá trình | 1.3.2<br>2.1.1<br>2.1.3<br>2.2.2<br>2.4.1<br>3.1.1<br>3.1.3<br>4.6.1 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà;<br>- Đọc trước tài liệu và bài giảng chương 7. | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Kiểm tra quá trình 2** | | | |
| **Chương 7: Đảm bảo và cải tiến chất lượng (3,0,6)** | | | | |
| | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>7.1. Đảm bảo chất lượng<br>7.2. Cải tiến chất lượng | 1.3.2<br>2.4.1 | [1] ; [2] | Thuyết trình |
| | *B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên*<br>Đọc và trả lời các câu hỏi ở cuối mỗi bài, làm bài tập về nhà; | | | Học tập độc lập / Chia nhóm thảo luận |
| | **Hướng dẫn ôn thi KTHP** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng | Tuần 4 | Kiểm tra quá trình | 1.3.2;<br>2.1.1-2.1.3<br>2.3.2 | 10 |
| Tự luận | Tính toán được chi phí chất lượng; | Tuần 7 | Kiểm tra quá trình | 2.1.1; 2.2.2<br>3.1.1-3.1.3 | 10 |
| Bài tập nộp | Các công cụ kiểm soát chất lượng | Tuần 10 | Bài tập nộp | 2.4.1<br>4.6.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.2<br>2.1.1-2.1.3<br>2.4.1 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Nắm vững một số kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp;<br>- Biết khái niệm, nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại;<br>- Biết một số hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO, TQM;<br>- Biết kiến thức cơ bản để đảm bảo và cải tiến chất lượng trong tổ chức. | 15 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Hiểu | - Hiểu các công cụ tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng;<br>- Hiểu bản chất của chi phí chất lượng; | 15 |
| 2 | Áp dụng | Sử dụng được các công cụ kiểm soát chất lượng để cải tiến năng suất và chất lượng công việc | 40 |
| | Phân tích | Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá và đo lường chất lượng | 10 |
| 3 | Đánh giá | Nhận xét và đưa ra kết luận phù hợp | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất các phương án cải tiến liên tục. | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. TS. Đặng Ngọc Cự, GS.TS Nguyễn Đình Phan; Giáo trình Quản trị chất lượng; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2012;

[2]. Nguyễn Đình Phan; Giáo trình quản lý chất lượng trong các tổ chức; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2005;

*8.2. Sách tham khảo:*

[3]. Đặng Đình Cung; Bảy công cụ quản lý chất lượng; Nhà xuất bản trẻ; 2002;

[4]. David L. Goetsch, Stanley Davis; Quality Management for Organizational Excellence: Introduction to Total Quality: International Edition; 8/E.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn
2. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

## 1. Thông tin chung về học phần

-Tên học phần: Quản trị nguồn nhân lực

- Tên tiếng Anh: Human Resource Management
- Mã học phần: FIM 206
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Vận dụng các kiến thức cơ bản trong quản trị nguồn lực vào hoạt động thực tế của doanh nghiệp |
| M2 | - Sử dụng thành thạo kỹ năng đánh giá hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn trong quản trị nguồn nhân lực.<br>- Sử dụng thành thạo kỹ năng quản lý nhóm và quản lý nhân viên |
| M3 | Xây dựng năng lực xử lý tình huống trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | Vận dụng các kiến thức cơ bản trong quản trị nguồn lực vào hoạt động thực tế của doanh nghiệp | 2 |
| M2 | 3.1.2 | Sử dụng thành thạo kỹ năng đánh giá hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp | 3 |
| | 3.2.2 | Sử dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn trong quản trị nguồn nhân lực. | 3 |
| | 4.6.1 | Sử dụng thành thạo kỹ năng quản lý nhóm và quản lý nhân viên | 3 |
| M3 | 4.1.3 | Xây dựng năng lực xử lý tình huống trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên của ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn lực con người trong tổ chức nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực (5/0/10)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 Khái niệm, đối tượng, mục đích của Quản trị nguồn nhân lực<br>1.2. Tầm quan trọng của Quản trị nguồn nhân lực<br>1.3. Các hoạt động chủ yếu của Quản trị nguồn nhân lực<br>1.4. Triết lý quản lý quản trị nguồn nhân lực<br>1.5.Quản trị nguồn nhân lực là một khoa học và là một nghệ thuật<br>1.6. Phân chia trách nhiệm Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức<br>1.7. Môi trường Quản trị nguồn nhân lực | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2: Thiết kế và phân tích công việc (5/0/10)** | | | | |
| 2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1.Khái niệm công việc<br>2.2. Thiết kế và thiết kế lại công việc<br>2.2.1. Khái niệm<br>2.2.2. Các phương pháp thiết kế và thiết kế lại công việc<br>2.3. Phân tích công việc<br>2.3.1. Khái niệm và tác dụng của phân tích công | 1.3.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | việc<br>2.3.2. Các phương pháp phân tích công việc | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3: Kế hoạch hoá nguồn nguồn nhân lực (5/0/10)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Khái quát về kế hoạch hóa nguồn nhân lực<br>3.1.1. Khái niệm và vai trò<br>3.1.2. Kế hoạch hóa SXKD, cơ sở của kế hoạch hóa nguồn nhân lực<br>3.2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực<br>3.3. Dự đoán cầu nhân lực<br>3.3. Dự đoán cung nhân lực | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4: Tuyển mộ, tuyển chọn nguồn nhân lực (5/0/13)** | | | | |
| 4-5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Tuyển mộ<br>4.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng tuyển mộ<br>4.1.2. Các nguồn tuyển mộ và phương pháp tuyển mộ<br>4.1.3. Quá trình tuyển mộ<br>4.2. Tuyển chọn<br>4.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng tuyển chọn<br>4.2.2. Quá trình tuyển chọn<br>4.2.3. Một số vấn đề cần quan tâm khi thực hiện công tác tuyển chọn trong tổ chức | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 5: Đánh giá thực hiện công việc (5/0/10)** | | | | |
| 5-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Khái niệm, mục đích và tầm quan trọng<br>5.2. Hệ thống đánh giá<br>5.3. Các phương pháp đánh giá thực hiện công việc<br>5.4. Xây dựng và thực hiện chương trình đánh giá | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 6: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (5/0/10)** | | | | |
| 7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Khái niệm, mục tiêu và vai trò<br>6.2. Các phương pháp đào tạo<br>6.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo và phát triển<br>6.4. Đánh giá kết quả đào tạo | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 7: Thù lao lao động (6/0/17)** | | | | |
| 8-9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc<br>7.2. Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao<br>7.3. Tiền công, tiền lương<br>7.4. Các hình thức trả công<br>7.5. Khuyến khích<br>7.6. Phúc lợi | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 8: Quan hệ lao động (5/0/10)** | | | | |
| 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>8.1. Hợp đồng lao động<br>8.2. Thỏa ước lao động tập thể<br>8.3. Bất bình của người lao động<br>8.4. Kỷ luật lao động | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.2<br>4.1.3<br>4.6.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Phân tích các triết lý trong quản trị nguồn nhân lực và liên hệ với thực tiễn hiện nay | Tuần 3 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.3.2; 3.2.2<br>3.1.2; 4.1.3<br>4.6.1 | 10 |
| Tự luận | Phân biệt nội dung và các phương pháp trong tuyển | Tuần 5 | Bài kiểm tra quá trình 2 | 1.3.2; 3.2.2<br>3.1.2; 4.1.3 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | mộ và tuyển chọn nguồn nhân lực | | | 4.6.1 | |
| Tự luận | Phân tích nội dung và các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện nay, đưa ra nhận định và giải pháp nâng cao công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình 3 | 1.3.2; 3.2.2 3.1.2; 4.1.3 4.6.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | | | | 10 |
| Vấn đáp | Phân biệt giữa lý thuyết và thực tế các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: Phân tích công việc, lập kế hoạch nguồn nhân lực,… | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.3.2; 3.2.2 3.1.2; 4.1.3 4.6.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Mô tả khái niệm cơ bản về quản trị nguồn nhân lực<br>- Xác định các phương pháp trong đào tạo, trong tuyển dụng nguồn nhân lực | 20 |
| | Hiểu | - Phân biệt được các phương pháp tuyển dụng nguồn nhân lực<br>- Giải thích tác dụng, mục đích, các yêu cầu tuyển chọn nguồn nhân lực<br>- Xây dựng quy trình tuyển dụng cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế doanh nghiệp | 30 |
| | Vận dụng | - Ứng dụng các kiến thức đã học vào phân tích công việc.<br>- Thực hành các kiến thức đã học khi tham gia phỏng vấn xin việc.<br>- Ứng dụng các kiến thức đã học trong đánh giá thực hiện công việc. | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | - Xác định các tác động của xã hội tới hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân và ThS. Nguyễn Vân Điềm; Giáo trình Quản trị nhân sự; NXB Lao động xã hội; 2018.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Gary Dessler, Human Resource Management; 14th Edition – global edition; Florida International University; Pearson; 2015

[3]. PGS.TS. Trần Kim Dung; Quản trị nguồn nhân lực; NXB Thống kê - TP Hồ Chí Minh; 2011.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:
  1. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn
  2. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P. Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản lý dự án
- Tên tiếng Anh: Project Management
- Mã học phần: FIM361
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Marketing, Quản trị học
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 45 tiết
  - Thực hành, thực tập : 0 tiết
  - Tự học : 90 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Sinh viên ghi nhớ các kiến thức tổng quan về quản lý dự án và cơ cấu tổ chức dự án; các công cụ kiểm soát tiến độ và chất lượng dự án.<br>Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức được học để lựa chọn dự án bằng các chỉ tiêu tài chính và mô hình tính điểm có trọng số.<br>Sinh viên có thể thiết kế sơ đồ phân tách công việc và lập biểu đồ Gantt, lập dự toán ngân sách và phân bổ nguồn lực với các dự án phân tách đến công việc cấp 3. |
| M2 | Sinh viên có thể tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm. |
| M3 | Sinh viên có thể trình bày quan điểm cá nhân về lập kế hoạch cho các dự án.<br>Sinh viên có thể tự lập kế hoạch tiến độ và phân bổ nguồn lực cho các công việc cá nhân |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2<br>4.6.2 | Nhắc lại các kiến thức tổng quan về quản lý dự án và cơ cấu tổ chức dự án; các công cụ kiểm soát tiến độ và chất lượng dự án. | 2 |
| | 4.3.2 | Vận dụng các kiến thức được học để lựa chọn dự án bằng các chỉ tiêu tài chính và mô hình tính điểm có trọng số. | 3 |
| | 4.4.2<br>4.5.2 | Thiết kế sơ đồ phân tách công việc và lập biểu đồ Gantt, lập dự toán ngân sách và phân bổ nguồn lực với các dự án phân tách đến công việc cấp 3. | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M2 | 3.1.1<br>3.1.3 | Tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm. | 3 |
| M3 | 2.2.2 | Trình bày quan điểm cá nhân về lập kế hoạch cho các dự án | 3 |
| | 2.4.1 | Tự lập kế hoạch tiến độ và phân bổ nguồn lực cho các công việc cá nhân | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát về dự án và đặc điểm, vai trò của dự án; lựa chọn dự án và quản lý danh mục dự án của doanh nghiệp; lập các kế hoạch dự án (phạm vi, tiến độ, tài chính,...); thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn một cách toàn diện về dự án – công cụ triển khai chiến lược kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế hiện nay đồng thời trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể hòa nhập với phương thức làm việc này sau khi ra trường.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 Khái niệm, đặc điểm và chu kỳ sống của dự án<br>1.2 Các chức năng của quản lý dự án<br>1.3 Nhà quản lý dự án<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 1.3.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 1-2 | **Chương 2: Lựa chọn dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1 Quản lý danh mục dự án<br>2.2 Phân loại dự án<br>2.3 Tiêu chuẩn lựa chọn dự án<br>- Nội dung bài tập: Bài tập lựa chọn dự án;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và | 4.3.2 | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | dạy học trực quan.<br>*B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên:* Không | | | |
| 3 | **Chương 3: Quản lý tổng thể dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1 Quản lý tổng thể và phát triển văn kiện dự án<br>3.2 Cơ cấu tổ chức dự án<br>3.3 Phát triển kế hoạch quản lý dự án<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không<br>**Kiểm tra quá trình lần 1** | 1.3.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 4-5-6 | **Chương 4: Hoạch định dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1 Xác định phạm vi dự án<br>4.2 Phân tách công việc dự án<br>4.3 Lập kế hoạch tiến độ dự án<br>4.4 Dự toán ngân sách dự án<br>- Nội dung bài tập: Bài tập phân tách công việc; bài tập vẽ sơ đồ Gantt và biểu đồ tiến độ; bài tập dự toán ngân sách;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 4.4.2<br>4.5.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 7-8 | **Kiểm tra quá trình lần 2**<br>**Chương 5: Kiểm soát dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1 Kiểm soát phạm vi dự án<br>5.2 Điều độ nguồn lực dự án<br>5.3 Kiểm soát tiến độ dự án<br>5.4 Kiểm soát chi phí dự án<br>- Nội dung bài tập: Bài tập điều độ nguồn lực dự án; | 4.6.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| 8 | **Chương 6: Quản lý rủi ro dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1 Rủi ro trong dự án<br>6.2 Phân loại rủi ro<br>6.3 Tác dụng của quản lý rủi ro dự án<br>6.4 Quá trình quản lý rủi ro<br>6.5 Các chiến lược đối phó rủi ro<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 4.6.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 9-10 | **Chương 7: Quản lý chất lượng dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1 Khái niệm và đặc điểm của quản lý chất lượng dự án<br>7.2 Ý nghĩa của quản lý chất lượng dự án<br>7.3 Lập kế hoạch chất lượng dự án<br>7.4 Đảm bảo chất lượng dự án<br>7.5 Kiểm soát chất lượng dự án<br>7.6 Các công cụ quản lý chất lượng dự án<br>- Nội dung bài tập: không có;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không<br>**Chương 8: Kết thúc dự án**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>8.1 Kết thúc dự án là gì?<br>8.2 Thời điểm kết thúc dự án<br>8.3 Quá trình kết thúc dự án<br>- Nội dung bài tập: không có; | 1.3.2<br>4.6.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan<br>**Ôn tập thi kết thúc học phần** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kiến thức tổng quan về dự án và quản trị dự án; Quản lý tổng thể dự án; Lựa chọn dự án | Tuần 3 | Bài kiểm tra quá trình | 1.3.2; 4.3.2 | 10 |
| Tự luận | Hoạch định dự án (phân tách công việc; lập kế hoạch tiến độ). | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình | 4.4.2; 4.5.2 | 10 |
| Tự luận | Lập kế hoạch (tiến độ, ngân sách, nguồn lực) cho một dự án (quy mô phân tách đến công việc cấp 3) theo nhóm 3-4 người | Tuần 10 | Bài tập nộp | 3.1.1-3.1.3<br>2.2.2<br>2.4.1 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo KH thi KTHP | Câu hỏi, bài tập | 1.3.2; 4.3.2<br>4.4.2; 4.5.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được các kiến thức tổng quan về dự án<br>Mô tả các cơ cấu tổ chức dự án<br>Liệt kê được các công cụ kiểm soát dự án, quản lý rủi ro và các công việc khi kết thúc dự án | 20 |
| | Hiểu | Giải thích được các công thức tính toán các chỉ tiêu tài chính<br>Giải thích được hai phương pháp phân tách công việc dự án | 30 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng công thức tính toán các chỉ tiêu tài chính để lựa chọn dự án<br>Thiết lập được sơ đồ phân tách công việc<br>Thiết lập biểu đồ Gantt quản lý tiến độ dự án<br>Thiết lập được dự toán ngân sách dự án<br>Thiết lập được kế hoạch phân bổ nguồn lực dự án<br>(Cho các dự án phân tách đến công việc cấp 3) | 50 |

**8. Tài liệu học tập**

*7.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Từ Quang Phương; Giáo trình quản lý dự án; Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân; 2008.

*7.2. Sách tham khảo:*

[2]. Eric Verzuh; MBA trong tầm tay, chủ đề Quản lý dự án; NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
2. ThS Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Trần Thị Thu Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị tác nghiệp
- Tên tiếng Anh: Operation management
- Mã học phần: Xin cấp mã mới
- Số tín chỉ: 04
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Các học phần học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 58 tiết
  - Tự học : 120 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Ghi nhớ các kiến thức tổng quan về quản trị tác nghiệp;<br>- Áp dụng khái niệm và nội dung các phương pháp dự báo, các mô hình quản trị dự trữ, hoạch định tổng hợp và hoạch định nguyên vật liệu, bố trí mặt bằng và điều độ sản xuất.<br>-Ghi nhớ một số phương pháp quản trị tác nghiệp tiên tiến. |
| M2 | Sinh viên có thể tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm. |
| M3 | Tự trình bày quan điểm cá nhân về lập kế hoạch sản xuất<br>Vận hành quy trình sản xuất và điều phối nguồn lực |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2<br>4.6.2 | Hiểu biết các kiến thức tổng quan về quản trị tác nghiệp và các nội dung của quản trị tác nghiệp như: dự báo, hoạch định, định vị và điều độ sản xuất. | 3 |
| | 4.3.2 | Có khả năng nhận biết, tìm kiếm, phân tích và lựa chọn loại hình, phương thức và công nghệ sản xuất | 3 |
| | 4.4.2; 4.5.2 | Thiết kế được quy trình sản xuất, nắm bắt được công việc tổ chức và điều hành công việc | 3 |
| M2 | 3.1.1-3.1.3 | Tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm. | 3 |
| M3 | 2.2.2 | Nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập | 3 |
| | 2.4.1 | Tự lập kế hoạch phân bổ nguồn lực và lựa chọn phương án sản xuất | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Quản trị tác nghiệp là một trong những học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung của quá trình quản trị tác nghiệp: Dự báo nhu cầu; Hoạch định công suất; Bố trí mặt bằng; Hoạch định tổng hợp; Hoạch định nguồn lực... trong doanh nghiệp và cung cấp các công cụ, phương pháp điều độ sản xuất, kiểm soát hệ thống sản xuất.. để có thể lựa chọn ra các quyết định quản trị nhằm đạt được những mục tiêu doanh nghiệp đề ra.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Tổng quan về quản trị tác nghiệp (3/0/6)** | | | | |
| 1 | **Chương 1:** Tổng quan về quản trị tác nghiệp<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>1.1. Thực chất về quản trị tác nghiệp<br>1.2. Nội dung chủ yếu của quản trị tác nghiệp<br>1.3. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>2.2.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 2: Dự báo nhu cầu sản phẩm (9/0/18)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>2.1. Khái niệm và đặc điểm của dự báo<br>2.2. Các phương pháo dự báo<br>2.3. Kiểm soát dự báo<br>*B. Nhiệm vụ về nhà của sinh viên:* Không | 1.3.2<br>2.4.1<br>4.6.2 | [1]; [2] | |
| **Chương 3: Quản trị dự trữ (6/0/12)** | | | | |
| 3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>3.1. Tổng quan về quản trị dự trữ<br>3.2. Kỹ thuật phân tích ABC trong phân loại hàng dự trữ<br>3.3. Dự trữ đúng thời điểm<br>3.4. Các mô hình dự trữ<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 4.3.2<br>4.4.2<br>4.5.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 4: Hoạch định tổng hợp (6/0/12)** | | | | |
| 4 - 5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>4.1. Tổng quan về hoạch định tổng hợp | 1.3.2<br>2.4.1 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2. Các chiến lược trong hoạch định tổng hợp<br>4.3. Các phương pháp trong hoạch định tổng hợp<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 4.3.2<br>4.5.2<br>4.6.2 | | |
| | **Kiểm tra quá trình lần 1** | | | |
| **Chương 5: Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu (5/0/10)** | | | | |
| 5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>5.1. Bản chất và các yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu<br>5.2. Hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu<br>5.3. Phương pháp xác định cỡ lô hàng<br>5.4. Đảm bảo sự thích ứng của hệ thống MRP với những thay đổi của môi trường<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>2.4.1<br>4.3.2<br>4.5.2<br>4.6.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 6: Định vị doanh nghiệp và bố trí mặt bằng sản xuất (8/0/16)** | | | | |
| 6 - 7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>6.1. Định vị doanh nghiệp<br>6.2. Các phương pháp hỗ trợ định vị doanh nghiệp<br>6.3. Bố trí mặt bằng sản xuất<br>6.4. Thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm;* Không | 1.3.2<br>2.4.1<br>4.3.2<br>4.5.2<br>4.6.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 7: Hoạch định năng lực sản xuất (5/0/10)** | | | | |
| 7 - 8 | **Kiểm tra quá trình lần 2** | | | |
| | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>7.1. Thực chất và vai trò của hoạt định năng lực sản xuất<br>7.2. Các phương pháp hỗ trợ hoạch định năng lực sản xuất<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>4.3.2<br>4.5.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| **Chương 8: Điều độ sản xuất (9/0/18)** | | | | |
| 8 - 9 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>8.1. Thực chất và vai trò của điều độ sản xuất<br>8.2. Phân giao công việc trên một máy trong hệ thống sản xuất bố trí theo quá trình<br>8.3. Phương pháp phân giao công việc cho nhiều đối tượng | 1.3.2<br>2.4.1<br>4.3.2<br>4.5.2<br>4.6.2 | [1]; [2] | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | | | |
| **Chương 9: Giới thiệu một số phương pháp quản trị tác nghiệp tiên tiến (6/0/12)** | | | | |
| 9 - 10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>9.1. Công nghệ sản xuất tối ưu (OPT)<br>9.2. Phương pháp sản xuất đúng thời điểm (JIT)<br>9.3. Phương pháp Kanban<br>*B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>2.2.2 | [1]; [2] | |
| | **Ôn tập thi kết thúc học phần** | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những kiến thức cơ bản về quản trị tác nghiệp; Dự báo nhu cầu sản phẩm | Tuần 4 | Bài kiểm tra quá trình | 1.3.2; 2.4.1 4.6.2 | 15 |
| Tự luận | Hoạch định tổng hợp; Hoạch định nguyên vật liệu; Bố trí sản xuất | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình | 1.3.2; 4.3.2 4.5.2 | 15 |
| Tự luận | Lựa chọn phương án sản xuất | Tuần 10 | Bài tập nộp | 3.1.1-3.1.3 2.2.2; 2.4.1 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo KH thi KTHP | Câu hỏi, bài tập | 1.3.2; 4.3.2 4.4.2;4.5.2 | 60 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được các kiến thức tổng quan về quản trị tác nghiệp | 30 |
| | Hiểu | Hiểu các mô hình và phương pháp dự báo, hoạch định tổng hợp và hoạch định nguyên vật liệu | 15 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng công thức dự báo sản xuất và xác định mô hình quản trị dự trữ<br>Phân bổ nguồn lực và lựa chọn phương án sản xuất | 55 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1] Nguyễn Văn Nghiến, Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, NXB Giáo dục; 2008;

[2] Trương Đoàn Thể, Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2007;

*8.2. Sách tham khảo:*

[3] Ths. Nguyễn Đình Trung, Bài tập Quản trị tác nghiệp, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2011;

[4]. TS Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị sản xuất; NXB Tài chính; 2013;

[5] Operation management: Strategy and analysis: Krajewsky, Ritzman –Pearson Education; 2002.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn

2. ThS Đặng Ngọc Huyền Trang Email: dangngochuyentrang@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHỞI SỰ KINH DOANH

## 1. Thông tin chung về học phần

-Tên học phần: Khởi sự kinh doanh

- Tên tiếng Anh: The beginning of business
- Mã học phần: Đề nghị cấp mã mới
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Quản trị học.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. |
| M2 | Sử dụng các kĩ năng để thu thập, xử lí, đánh giá được kết quả của việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. |
| M3 | Xây dựng năng lực tự chủ trong học tập, tự học, tự nghiên cứu, cập nhật thông tin cần thiết liên quan đến nội dung học phần. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | Vận dụng kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. | 3 |
| M2 | 2.3.1 | Sử dụng các kĩ năng để thu thập, xử lí, đánh giá được kết quả của việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. | 3 |
| M3 | 2.5.1 | Xây dựng năng lực tự chủ trong học tập, tự học, tự nghiên cứu, cập nhật thông tin cần thiết liên quan đến nội dung học phần. | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những lí thuyết cơ bản về nghề kinh doanh và những kĩ năng cơ bản để trở thành một người chủ doanh nghiệp "thành đạt" trên nền kinh tế thị trường. Những yếu tố cần thiết để hình thành một ý tưởng kinh doanh tốt, khả thi có

thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp, hướng dẫn cách để có thể soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Khi đã hình thành được một bản kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải triển khai kế hoạch kinh doanh đó, sinh viên sẽ nắm được những cách thức để có thể triển khai hoạt động kinh doanh từ những bước căn bản nhất đến khi thực hiện được đúng với bản kế hoạch kinh doanh đã vạch ra từ trước.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Những vấn đề cốt yếu để khởi sự kinh doanh (7/0/14)** | | | | |
| 1-2 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 Kế hoạch và mục tiêu<br>1.2 Tên và cấu trúc công ty<br>1.3 Các nhà tư vấn và hỗ trợ tài chính<br>1.4 Địa điểm và công nghệ<br>1.5 Bảo hiểm và nhân viên<br>1.6 Marketing và bán hàng<br>1.7. Quản trị tài chính và thuế | 1.3.2<br>2.3.1<br>2.5.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 2: Kế hoạch khởi sự kinh doanh (4/0/8)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1 Các loại kế hoạch<br>Kế 1: Vịt phải biết bơi<br>Kế 2: Biến không thành có<br>Kế 3: Mượn đá vá trời<br>Kế 4: Đánh rắn động cỏ<br>2.2 Lựa chọn kế hoạch | 1.2.3<br>2.3.1<br>2.5.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 3: Chọn lựa ý tưởng để khởi nghiệp (4/0/8)** | | | | |
| 5-6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1 Những ý tưởng kinh doanh cung cấp sản phẩm độc đáo luôn mang lại siêu lợi nhuận<br>3.2 Tình huống | 1.2.3<br>2.3.1<br>2.5.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 4: Nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh (5/0/10)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1 Lập kế hoạch khởi sự kinh doanh<br>4.2 Khái niệm về kế hoạch kinh doanh<br>4.3 Kết cấu của bản kế hoạch kinh doanh<br>4.4 Nội dung cơ bản kế hoạch kinh doanh | 1.2.3<br>2.3.1<br>2.5.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |
| **Chương 5: Thực hành lập kế hoạch khởi sự kinh doanh (3/4/14)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1 Một số dạng bài tập<br>5.2 Giải quyết bài tập | 1.2.3<br>2.3.1<br>2.5.1 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm:* ***không*** | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Những vấn đề trong khởi sự doanh nghiệp | Tuần 3 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.3.2; 2.3.1 2.5.1 | 15 |
| Tự luận | Lập kế hoạch và lựa chọn ý tưởng khởi sự doanh nghiệp | Tuần 7 | Bài kiểm tra quá trình 2 | 1.3.2; 2.3.1 2.5.1 | 15 |
| Thuyết trình, thảo luận | Lập bản kế hoạch kinh doanh một dự án cụ thể | Tuần 9 | Bài tập lớn | 1.3.2; 2.3.1 2.5.1 | 10 |
| Vấn đáp | Tổng quan về khởi sự doanh nghiệp, lựa chọn ý tưởng và lập kế hoạch khởi sự doanh nghiệp | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.3.2; 2.3.1 2.5.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được những vấn đề cơ bản trong khởi sự doanh nghiệp.<br>- Mô tả ý tưởng trong khởi sự doanh nghiệp.<br>- Xây dựng kế hoạch và lựa chọn ý tưởng | 20 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Hiểu | - Đánh giá tác động của môi trường đến khởi sự doanh nghiệp<br>- Phân tích nội dung và quá trình lập kế hoạch khởi sự doanh nghiệp. | 30 |
| | Vận dụng | - Ứng dụng các kiến thức đã học vào lựa chọn kế hoạch khởi sự doanh nghiệp cho phù hợp. | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | Xác định cơ hội và thách thức trong khởi sự doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Nguyễn Ngọc Huyền; Giáo trình khởi sự kinh doanh; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; Năm 2012.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS Phạm Văn Trung; Giáo trình Khởi sự doanh nghiệp; NXB Giao thông vận tải; Năm 2005;

[3]. Trần Văn Trản, Bùi Anh Tuấn, Đặng Hồng Thuý, Phan Thuỳ Chi; Cẩm nang khởi sự kinh doanh & Quản trị doanh nghiệp; NXB ĐHQG Hà Nội 2005.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Bùi Thị Phương Hồng. Email: buithiphươnghong@tnut.edu.vn
2. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên. Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P.Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị chiến lược
- Tên tiếng Anh: Strategy Management
- Mã học phần: FIM489
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Quản trị học, Marketing căn bản
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 45 tiết
  - Thực hành, thực tập : 0 tiết
  - Tự học : 90 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Sinh viên hiểu các kiến thức về: nội dung và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh; các phương pháp xây dựng lợi thế cạnh tranh; các phương án chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và cấp doanh nghiệp; một số ma trận phân tích và lựa chọn chiến lược; nội dung công tác thực thi và kiểm soát chiến lược.<br>Sinh viên sử dụng được các ma trận đánh giá môi trường kinh doanh, các ma trân phân tích và lựa chọn chiến lược trong các tình huống nghiên cứu giả định. |
| M2 | Sinh viên có thể tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm. |
| M3 | Sinh viên có thể nêu lên quan điểm cá nhân về các giải pháp chiến lược.<br>Sinh viên có thể nhận xét về sự tác động của các yếu tố trong môi trường bên ngoài và môi trường bên trong tới định hướng chiến lược của tổ chức/doanh nghiệp.<br>Sinh viên có thể giải thích cách thức áp dụng ma trận SWOT trong đánh giá và nhận thức năng lực bản thân. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2; 4.1.3<br>4.1.4; 4.2.3<br>4.2.4 | Tổng quát hóa các kiến thức về: nội dung và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh; các phương pháp xây dựng lợi thế cạnh tranh; các phương án chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và cấp doanh nghiệp; nội dung công tác thực thi và kiểm soát chiến lược. | 2 |
| | 4.3.2 | Vận dụng được các ma trận đánh giá môi trường kinh doanh, các ma trân phân tích và lựa chọn chiến lược trong các tình | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | huống nghiên cứu giả định | |
| M2 | 3.1.1<br>3.1.3 | Tự hình thành nhóm làm việc, lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được các nhiệm vụ theo nhóm | 3 |
| M3 | 2.1.3 | Chứng minh quan điểm cá nhân về các giải pháp chiến lược. | 3 |
| | 2.3.2 | Nhận xét về sự tác động của các yếu tố trong môi trường bên ngoài và môi trường bên trong tới định hướng chiến lược của tổ chức/doanh nghiệp | 3 |
| | 2.4.4 | Giải thích cách thức áp dụng ma trận SWOT trong đánh giá và nhận thức năng lực bản thân. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong khối khiến thức chuyên ngành quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: khái quát về chiến lược, quá trình phát triển và mô hình quản trị chiến lược; phân tích môi trường vĩ mô và vi mô để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược thích hợp cho từng cấp chiến lược của doanh nghiệp (cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng); thực thi và điều chỉnh chiến lược. Học phần quản trị chiến lược trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy về xây dựng chiến lược và những cơ sở khoa học giúp sinh viên tìm kiếm các giải pháp giúp tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân đạt được mục tiêu mong muốn.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về quản trị chiến lược**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1 Khái niệm, vai trò của chiến lược và quản trị chiến lược<br>1.2 Một số khái niệm quan trọng<br>1.3 Mô hình quản trị chiến lược<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.3.2 | [1] | Giảng dạy trực tiếp |
| 2-4 | **Chương 2: Phân tích môi trường kinh doanh**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1 Môi trường vĩ mô | 1.3.2<br>2.3.2<br>4.1.3<br>4.1.4 | [1]; [2]; [3] | Giảng dạy trực tiếp |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2 Môi trường ngành<br>2.3 Môi trường nội bộ<br>- Nội dung bài tập: Bài tập phân tích môi trường kinh doanh;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 4.2.3<br>4.2.4<br>3.1.1-<br>3.1.3 | | |
| 5 | **Kiểm tra thường xuyên lần 1**<br>**Chương 3: Lợi thế cạnh tranh**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1 Khái niệm và bản chất lợi thế cạnh tranh<br>3.2 Các khối tạo dựng lợi thế cạnh tranh<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>2.3.2<br>3.1.1-<br>3.1.3 | [1], [2] | Giảng dạy trực tiếp; Học tập độc lập |
| 5-6 | **Chương 4: Các phương án chiến lược của doanh nghiệp**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>4.1 Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh<br>4.2 Chiến lược cấp doanh nghiệp<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.3.2<br>2.1.3<br>2.4.4<br>3.1.1-<br>3.1.3 | [1] | |
| 7-8 | **Chương 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>5.1 Quy trình phân tích và lựa chọn chiến lược<br>5.2 Các mô hình phân tích chiến lược<br>- Nội dung bài tập: Bài tập phân tích chiến lược, bài tập lựa chọn chiến lược;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và | 2.1.3<br>4.3.1<br>3.1.1-<br>3.1.3 | [1], [3] | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | | | |
| 9 | **Kiểm tra thường xuyên lần 2**<br>**Chương 6: Thực hiện chiến lược**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>6.1 Bản chất và ý nghĩa của thực hiện chiến lược<br>6.2 Nội dung của thực hiện chiến lược<br>6.3 Các hoạt động hỗ trợ thực thi chiến lược<br>- Nội dung bài tập: Bài tập tình huống;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không | 1.3.2 | [1] | |
| 10 | **Chương 7: Kiểm soát chiến lược**<br>*A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>7.1 Khái niệm và bản chất kiểm soát chiến lược<br>7.2 Các hệ thống kiểm soát chiến lược<br>- Nội dung bài tập: không có;<br>- Phương pháp giảng dạy chính: Kết hợp giữa gợi mở, vấn đáp – thuyết trình, giải thích, thảo luận và dạy học trực quan.<br>*B. Nội dung thực hành/thí nghiệm:* Không<br>**Hướng dẫn ôn thi KTHP** | 1.3.2 | [1] | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Kiến thức tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược; phân tích môi trường kinh doanh. | Tuần 5 | Bài kiểm tra quá trình | 1.3.2; 2.3.2 4.1.3; 4.1.4 4.2.3; 4.2.4 | 10 |
| Tự luận | Các phương án chiến lược của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược | Tuần 9 | Bài kiểm tra quá trình | 1.3.2; 2.1.3; 2.4.4; 2.1.3; 4.3.1 | 10 |
| Tự luận | Bài tập tình huống (case study) | Tuần 10 | Bài tập nộp | 3.1.1-3.1.3; 4.1.4;4.2.4 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | 2.4.4 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung học phần. | Theo KH thi KTHP | Câu hỏi, bài tập | 1.3.2; 4.1.4; 4.2.4; 4.3.1 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Nhắc lại được khái niệm chiến lược và các cấp chiến lược, các giai đoạn quản trị chiến lược.<br>Nhắc lại được khái niệm về tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược và các yêu cầu cần có của các mục tiêu chiến lược.<br>Nhắc lại được các thành phần trong môi trường vĩ mô, môi trường ngành và môi trường nội bộ của doanh nghiệp.<br>Nhắc lại được 4 khối tạo dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.<br>Nhắc lại được các giải pháp chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và cấp doanh nghiệp.<br>Nhắc lại được các ma trận sử dụng trong phân tích và lựa chọn chiến lược.<br>Nhắc được các nội dung của giai đoạn thực thi chiến lược và kiểm soát thực thi chiến lược. | 20 |
| | Hiểu | Giải thích được điều kiện áp dụng của các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và các chiến lược cấp doanh nghiệp.<br>Giải thích được nội dung và cách thức thiết lập các ma trận phân tích và lựa chọn chiến lược | 30 |
| 2 | Áp dụng | Vận dụng được các kiến thức đã học để chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của một tổ chức/doanh nghiệp và của bản thân.<br>Vận dụng các ma trận phân tích và lựa chọn chiến lược để gợi ý chiến lược trong các tình huống giả định. | 50 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Ngô Kim Thanh; Giáo trình Quản trị chiến lược; Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân; 2011.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Fred R. David; Strategic Management - A Competitive Advantage Approach, Concepts and Cases, 14th Edition; Prentice Hall; 2012.

[3]. PGS. TS. Lê Thế Giới và TS. Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị chiến lược; NXB Thống kê; năm 2009.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
2. ThS Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Trần Thị Thu Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

-Tên học phần: Kỹ năng quản trị doanh nghiệp

- Tên tiếng Anh: Enterprise Management Skills
- Mã học phần: FIM494
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 02 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Tổng quát hóa những vấn đề chung về các nhóm kỹ năng quản trị, các kỹ năng cần thiết của một cá nhân, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh. |
| M2 | - Sử dụng thành thạo kỹ năng quản trị<br>- Vận dụng kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân |
| M3 | Xây dựng năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | CĐR của học phần | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | Tổng quát hóa những vấn đề chung về các nhóm kỹ năng quản trị, các kỹ năng cần thiết của một cá nhân, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh. | 3 |
| M2 | 3.2.2 | - Sử dụng thành thạo kỹ năng quản trị<br>- Vận dụng kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân | 3 |
| M3 | 3.1.3 | Xây dựng năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Kỹ năng quản trị doanh nghiệp theo ba phần nội dung chính. Phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề về kỹ năng cá nhân như kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản trị stress, kỹ năng tư duy sáng tạo và xây dựng thương hiệu cá nhân. Phần thứ hai giới thiệu các kỹ năng quan hệ con người như kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng đàm phán, kỹ năng

trao quyền và ủy quyền. Phần thứ ba giới thiệu một số kỹ năng chuyên biệt trong quản trị điều hành như kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và phân tích tài chính.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1. Tổng quan về kỹ năng quản trị (4/0/8)** | | | | |
| 1 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>1.1. Nhà quản trị<br>1.2. Kỹ năng nghề<br>1.3. Kỹ năng của nhà quản trị<br>1.4. Các nhóm kỹ năng quản trị | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2. Kỹ năng cá nhân (10/0/20)** | | | | |
| 1-3 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>2.1. Kỹ năng quản lý bản thân<br>2.2. Kỹ năng quản lý thời gian<br>2.3. Kỹ năng quản trị stress<br>2.4. Kỹ năng tư duy sáng tạo<br>2.5. Xây dựng thương hiệu cá nhân | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 3. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (6/0/12)** | | | | |
| 3-4 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>- Các nội dung lý thuyết<br>3.1. Những vấn đề cơ bản của giao tiếp<br>3.2. Các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh<br>3.3. Các nguyên tắc trong giao tiếp | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 4. Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh (4/0/8)** | | | | |
| 5 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>Các nội dung lý thuyết<br>4.1. Vai trò và mục đích của đàm phán trong kinh doanh | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2. Các giai đoạn của một cuộc đàm phán<br>4.3. Các nguyên tắc trong đàm phán kinh doanh | | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 5. Kỹ năng trao quyền và ủy quyền (4/0/8)** | | | | |
| 6 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>Các nội dung lý thuyết<br>5.1. Trao quyền<br>5.2. Ủy quyền | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 6. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định (4/0/8)** | | | | |
| 6-7 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>Các nội dung lý thuyết<br>6.1. Kỹ năng giải quyết vấn đề<br>6.2. Kỹ năng ra quyết định | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 7. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh (4/0/8)** | | | | |
| 7-8 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>Các nội dung lý thuyết<br>7.1. Nội dung bản kế hoạch kinh doanh<br>7.2. Phân tích tài chính bản kế hoạch kinh doanh | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 8. Kỹ năng phân tích tài chính (5/0/10)** | | | | |
| 9-10 | *A. Các nội dung giảng dạy trên lớp*<br>Các nội dung lý thuyết<br>8.1. Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp<br>8.2. Phân tích tài chính trong doanh nghiệp | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | [1] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Mô tả nhà quản trị, các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị | Tuần 2 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.3.2; 3.2.2; 3.1.3 | 10 |
| Tự luận | Phân tích các kỹ năng cần thiết của cá nhân, các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh | Tuần 5 | Bài kiểm tra quá trình 1 | 1.3.2; 3.2.2; 3.1.3 | 10 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Thuyết trình, thảo luận | Thực hành kỹ năng phân tích tài chính trong một doanh nghiệp cụ thể | Tuần 9 | Bài tập lớn | 1.3.2; 3.2.2; 3.1.3 | 10 |
| Chuyên cần | Dự lớp đầy đủ | Cả học kỳ | | | 10 |
| Vấn đáp | Phân tích kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Phân tích kỹ năng đàm phán; Phân tích kỹ năng trao quyền và ủy quyền; Phân tích kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; Phân tích kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh. | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi cuối kỳ | 1.3.2<br>3.2.2<br>3.1.3 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được khái niệm cơ bản về nhà quản trị<br>- Trình bày các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị | 20 |
| | Hiểu | - Xác định những vấn đề chung về các nhóm kỹ năng quản trị;<br>- Phân tích được các kỹ năng cá nhân như kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tư duy sáng tạo và xây dựng thương hiệu cá nhân; | 30 |
| | Vận dụng | - Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh;<br>- Ứng dụng các kỹ năng đàm phán trong kinh doanh;<br>- Ứng dụng các kỹ năng trao quyền và ủy quyền;<br>- Ứng dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định;<br>- Ứng dụng các kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh.. | 20 |
| 2 | Thực hành | Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | Xác định các tác động của việc thực hiện kỹ năng quản trị tới hoạt động quản trị của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS. Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung; Kỹ năng quản trị; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2011.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS. TS Nguyễn Cúc; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; NXB Lý luận chính trị; 2005.

[3]. PGS. TS Dương Thị Liễu; Kỹ năng thuyết trình; NXB Kinh tế quốc dân; 2009.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:
  1. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn
  2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenthihongnhung@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P.Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bùi Thị Phương Hồng |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN QUẢN LÝ DỰ ÁN

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đề án Quản lý dự án
- Tên tiếng Anh: Project Management Essay
- Mã học phần: FIM323
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học trước: Quản lý dự án
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 60 tiết
  - Tự học : 30 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được học để đánh giá và lựa chọn dự án<br>Sinh viên có thể hoạch định tiến độ, chi phí và nguồn lực cho các dự án phân tách đến công việc cấp 3 |
| M2 | Sinh viên có thể lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được đề án theo nhóm. |
| M3 | Sinh viên có thể giải thích được cách áp dụng các phần mềm chuyên dụng trong quá trình thực hiện đề án |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 4.3.2 | Sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được học để lên báo cáo tổng quan, đánh giá và lựa chọn dự án | 3 |
| | 4.4.2<br>4.5.2 | Sinh viên có thể hoạch định tiến độ, chi phí và nguồn lực cho các dự án phân tách đến công việc cấp 3 | 3 |
| M2 | 3.1.1<br>3.1.3 | Sinh viên có thể lãnh đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh để hoàn thành được đề án theo nhóm. | 3 |
| M3 | 2.4.3 | Giải thích được cách áp dụng các phần mềm chuyên dụng trong quá trình thực hiện đề án | 3 |

## 4. Mô tả tóm tắt học phần

Đề án Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung về: phân tích môi trường để đánh giá và lựa chọn dự án; phân tách các công việc của dự án và lập kế hoạch tiến độ, tài chính trên cơ sở phân tách đó. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý dự

án của sinh viên và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong lập kế hoạch cho một dự án cũng như tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng các phầm mềm ứng dụng trong quản lý dự án.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp giảng dạy |
|---|---|---|---|---|
| 1-2 | **1. Viết báo cáo tổng quan về dự án**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Lựa chọn dự án theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn;<br>- Tìm hiểu thông tin, nghiên cứu thị trường, hành vi người tiêu dùng… để xây dựng báo cáo tổng quan, đánh giá tính khả thi của dự án. | 4.3.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 2 | **2. Thông qua báo cáo tổng quan** | 4.3.2 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp |
| 3 | **3. Phân tách công việc của dự án**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Phân tách công việc của dự án theo quá trình hoặc thành phần, mức độ chi tiết đến công việc cấp 3 (dự án là công việc cấp 0);<br>- Trình bày kết quả phân tách dưới dạng sơ đồ cây. | 4.4.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | Giảng dạy trực tiếp; Học tập độc lập |
| 4 | **4. Lập kế hoạch tiến độ**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Xác định mối quan hệ giữa các công việc, trình bày theo dạng bảng;<br>- Chuyển mối quan hệ giữa các công việc thành sơ đồ PERT;<br>- Chuyển sơ đồ PERT sang sơ đồ GANTT. | 2.4.3<br>4.4.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | |
| 5 | **5. Lập kế hoạch ngân sách và nhân lực**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Dự toán ngân sách cho từng công việc của dự án;<br>- Tính toán tổng ngân sách của dự án, dự trù nguồn vốn đầu tư (Trình bày dạng bảng). | 2.4.3<br>4.4.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | |
| 6 | **6. Đánh giá các chỉ tiêu tài chính của dự án**<br>Nhiệm vụ của sinh viên<br>- Dựa trên dự toán ngân sách và phân tích thị | 2.4.3<br>4.3.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | trường, dự báo dòng tiền vào và dòng tiền ra trong các năm của đời dự án;<br>- Tính toán các chỉ tiêu NPV và IRR dựa trên số liệu đã dự báo và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án. | | | |
| 7 | **7. Thông qua báo cáo kế hoạch dự án** | 4.3.2; 4.4.2 | | |
| 8 | **8. Xây dựng phương án giải quyết tình huống đẩy nhanh tiến độ hoặc sự cố... do giảng viên giao**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Căn cứ vào tình huống do giảng viên hướng dẫn ra đề, nghiên cứu phương án điều chỉnh kế hoạch để hoàn thành dự án đúng hạn;<br>- Tính xác suất hoàn thành dự án trong tình huống đó. | 4.5.2 | [1]; [2] | |
| 9 | **9. Hoàn thiện báo cáo của đề án**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- Tổng hợp các nội dung đã thực hiện và trình bày vào báo cáo theo đề cương đã được hướng dẫn;<br>- Hoàn thiện các nội dung, bổ sung nếu cần để đảm bảo chất lượng báo cáo. | 4.3.2<br>4.4.2<br>4.5.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | |
| 10 | **10. Nộp báo cáo đề án**<br>*Nhiệm vụ của sinh viên*<br>- In và nộp 02 bản báo cáo cho giảng viên hướng dẫn;<br>- Trong báo cáo đề án phải đính kèm kết quả đánh giá của hai lần thông qua trước đó. | 4.3.2<br>4.4.2<br>4.5.2<br>3.1.1-3.1.3 | [1]; [2] | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Mô tả tổng quan dự án và đánh giá thị trường | Tuần 2 | Báo cáo | 4.3.2<br>3.1.1-3.1.3 | 10 |
| Vấn đáp | Hoạch định dự án (phân tách công việc; lập kế hoạch tiến độ, nguồn lực) và các chỉ tiêu tài chính của dự án | Tuần 7 | Báo cáo | 2.4.3; 4.4.2<br>4.5.2;<br>3.1.1-3.1.3 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ nội dung đề án. | Theo KH thi KTHP | Báo cáo | 4.3.2;4.4.2<br>4.5.2;<br>3.1.1-3.1.3 | 80 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | Trình bày được đủ các nội dung cần mô tả về dự án | 10 |
| | Hiểu | Trả lời được lý do thực hiện đề án | 30 |
| 2 | Áp dụng | Thiết kế được sơ đồ mạng, sơ đồ Gantt, lập được dự toán ngân sách và bảng phân bổ nguồn lực cho dự án | 60 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. PGS. TS Từ Quang Phương; Giáo trình quản lý dự án; Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân; 2008.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Eric Verzuh; MBA trong tầm tay, chủ đề Quản lý dự án; NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
2. ThS Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Trần Thị Thu Huyền |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỀ ÁN QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Đề án quản trị tác nghiệp
- Tên tiếng Anh: Project for Operation Management
- Mã học phần: FIM366
- Số tín chỉ: 01
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Các học phần học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 60 tiết
  - Tự học : 30 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Nêu mục tiêu về kiến thức cơ bản về Quản trị tác nghiệp |
| M2 | Thực hành thuyết trình, thảo luận và trả lời câu hỏi |
| M3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề như một nhà kinh tế. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | - Nắm được kiến thức cơ bản về quá tình sản xuất trong doanh nghiệp;<br>- Xác định được phương pháp dự báo tối ưu;<br>- Các thức Định vị doanh nghiệp;<br>- Các kiến thức về hoạch định tổng hợp và hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu;<br>- Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp. | 3 |
| M2 | 2.1.1 | - Thống kê và phân tích số liệu đầu vào, đầu ra. | 3 |
| | 2.1.2 | - Lập kế hoạch tổng hợp | 3 |
| | 2.1.3 | - Ra quyết định. | 3 |
| | 3.2.2 | - Kỹ năng giao tiếp chuyên môn | 3 |
| M3 | 4.1.3 | Góc nhìn và tư duy trong giải quyết vấn đề như một nhà kinh tế. | 3 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Đề án quản trị tác nghiệp là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu và vận dụng các nội dung đã nghiên cứu trong học phần quản trị tác nghiệp để giải quyết các bài toán trong thực tế trong một đơn vị như tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, đặc trưng sản phẩm và lựa chọn công nghệ, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp để từ đó đưa ra các quyết định như hoạch định tổng hợp, hoạch định nguyên vật liệu, điều độ sản xuất ...

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lựa chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu | 1.3.2<br>2.1.1<br>2.1.3<br>3.2.2<br>4.1.3 | [1] | Hướng dẫn |
| 2 | Chương 1. Mô tả sản phẩm, kết cấu sản phẩm | | [1] | Hướng dẫn |
| 3 | Chương 2. Thực trạng quản trị tác nghiệp tại doanh nghiệp<br>- Các phương pháp dự báo nhu cầu;<br>- Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp;<br>- Định vị doanh nghiệp;<br>- Hoạch định công suất;<br>- Hoạch định tổng hợp;<br>- Hoạch định nguyên vật liệu;<br>- Điều độ sản xuất;<br>- Hệ thống sản xuất. | | [1] | Hướng dẫn |
| 4 | Chương 3. Đề xuất một số giải pháp, chiến lược quản trị tác nghiệp phù hợp với tình hình thực tế | | [1] | Hướng dẫn |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Bảo vệ đề án | Toàn bộ nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Báo cáo | 1.3.2; 2.1.1 2.1.3; 3.2.2 4.1.3 | 100 % |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về quản trị | 30 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | tác nghiệp | |
| | Hiểu | - Thực trạng liên quan tới vấn đề nghiên cứu | 20 |
| | Vận dụng | - Thu thập số liệu và phân tích vấn đề nghiên cứu | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận | 20 |
| 3 | Nhận biết | - Nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. TS.Trương Đức Lực, TS.Nguyễn Đình Trung; Giáo trình quản trị tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2014.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. PGS.TS. Trương Đoàn Thể; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Giáo dục; 2010.

[3]. TS. Nguyễn Đình Trung; Bài tập quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2007.

[4]. TS. Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị sản xuất; NXB Tài chính; 2006.

[5]. S. Anil Kumar & N.Suresh; Operation management; New age international pulishers; 2008.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang Email: Dangngochuyentrang@tnut.edu.vn
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: Nguyenhongnhung@tnut.edu.vn
3. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: Buithiphuonghong@tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng Khoa | P.Trưởng bộ môn | Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | Đặng Ngọc Huyền Trang |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Supply chain management
- Mã học phần: FIM 363
- Số tín chỉ: 03
- Các học phần học trước: Quản trị sản xuất
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giảng trên lớp : 43 tiết
  - Tự học : 90 tiết
  - Kiểm tra quá trình : 2 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Hiểu các kiến thức cơ bản về cấu trúc và vai trò của chuỗi cung ứng; hiểu biết về hoạt động Quản trị chuỗi cung ứng |
| M2 | Thực hiện làm việc nhóm và giao tiếp tích cực trong các công việc |
| M3 | Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động chuỗi cung ứng |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 1.3.2 | Hiểu các kiến thức cơ bản và vận dụng mô tả thực tế về cấu trúc của chuỗi cung ứng;<br>Hiểu các kiến thức cơ bản và vận dụng mô tả về hoạt động Quản trị chuỗi cung ứng | 3 |
| | 4.3.2 | Tính toán dự báo nhu cầu, lựa chọn phương án lưu kho, lựa chọn địa điểm sản xuất và phân phối | 4 |
| | 4.4.2 | Vận dụng xác định mô hình chuỗi cung ứng và các dòng chảy trong chuỗi cung ứng | 3 |
| | 4.6.2 | Vận dụng xác định các mô hình, chỉ tiêu đánh giá hoạt động chuỗi cung ứng | 3 |
| M2 | 3.1.1; 3.1.3 | Thực hành làm việc nhóm | 3 |
| | 3.2.1 | Thực hành thuyết trình, thảo luận và trả lời câu hỏi | 3 |
| M3 | 2.1.2<br>4.1.2 | Có năng lực nhận biết các vấn đề và đánh giá các tác động của môi trường tới hoạt động quản trị chuỗi của doanh nghiệp | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động Quản trị chuỗi cung ứng, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để xác định mô hình chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, ngành và phân tích các hoạt động Quản trị chuỗi cung ứng thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động của chuỗi cung ứng. Sinh viên cũng được thực hành kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp thông qua thuyết trình, thảo luận và trả lời các câu hỏi về vấn đề về chuỗi cung ứng trong thực tiễn.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| **Chương 1: Khái quát chung về chuỗi cung ứng (5/0/10)** | | | | |
| 1 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>1.1. Các khái niệm cơ bản<br>1.2. Lịch sử phát triển các lý thuyết về chuỗi cung ứng<br>1.3. Cấu trúc chuỗi cung ứng<br>1.4. Phân loại chuỗi cung ứng<br>1.5. Các quyết định Quản trị chuỗi cung ứng | 1.3.2<br>4.4.2<br>3.1.1<br>3.1.3<br>3.2.1<br>2.1.2<br>4.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| **Chương 2: Lập kế hoạch và quản lý nguồn cung cấp (10/0/20)** | | | | |
| 2,3 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>2.1. Các mô hình hoạt động chuỗi cung ứng<br>2.2. Dự báo nhu cầu và lập kế hoạch chuỗi cung ứng<br>2.3. Tính giá sản phẩm trong chuỗi cung ứng<br>2.4. Quản trị tồn kho<br>2.5. Quản lý nguồn cung ứng<br>2.6. Tín dụng và các khoản phải thu | 1.3.2<br>4.3.2<br>3.1.1<br>3.1.3<br>3.2.1<br>2.1.2<br>4.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | | | |
| | **Kiểm tra quá trình 1** | | | |
| **Chương 3: Sản xuất và phân phối trong chuỗi cung ứng (10/0/20)** | | | | |
| 4,5 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>3.1. Thiết kế sản phẩm trong chuỗi cung ứng<br>3.2. Điều độ sản xuất<br>3.3. Quản lý nhà máy trong sản xuất | 1.3.2<br>4.3.2<br>3.1.1<br>3.1.3 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.4. Quản lý đơn hàng<br>3.5. Kế hoạch phân phối sản phẩm | 3.2.1<br>2.1.2 | | |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: không* | 4.1.2 | | |
| **Chương 4: Công nghệ thông tin và chuỗi cung ứng (8/0/16)** | | | | |
| 6,7 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>4.1. Vai trò của thông tin trong chuỗi cung ứng<br>4.2. Hiệu ứng "roi da"<br>4.3. Tích hợp chuỗi cung ứng<br>4.4. Hợp tác hoạch định, dự báo và cung cấp bổ sung<br>4.5. Hệ thống thông tin hỗ trợ chuỗi cung ứng | 1.3.2<br>3.1.1<br>3.1.3<br>3.2.1<br>2.1.2<br>4.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | | | |
| | **Kiểm tra quá trình 2** | | | |
| **Chương 5: Đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng (4/0/8)** | | | | |
| 8 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>5.1. Các mô hình đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng<br>5.2. Mô hình tương quan thị trường chuỗi cung ứng<br>5.3. Mô hình đo lường hiệu quả SCOR<br>5.4. Mô hình thẻ điểm cân bằng | 1.3.2<br>4.6.2<br>3.1.1<br>3.1.3<br>3.2.1<br>2.1.2 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 4.1.2 | | |
| **Chương 6: Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng (8/0/16)** | | | | |
| 9,10 | *A. Nội dung giảng dạy - học tập*<br>6.1. Tổ chức dự án phát triển hệ thống chuỗi cung ứng<br>6.2. Các bước xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng | 1.3.2<br>4.4.2<br>3.1.1 | [1] [2] | Giảng<br>Thảo luận |
| | *B. Nội dung thực hành, thí nghiệm: Không* | 3.1.3<br>3.2.1 | | |
| | *Thảo luận Bài tập lớn: Mô Hình chuỗi cung ứng và các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp* | 2.1.2<br>4.1.2 | | |
| | **Hướng dẫn ôn tập** | | | |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Tự luận | Hiểu các khái niệm cơ bản, cấu trúc chuỗi cung ứng; | Tuần 3 | Kiểm tra quá trình | 1.3.2;4.3.2<br>2.1.2;4.1.2 | 15 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Lập kế hoạch và quản lý nguồn cung cấp | | 1 | | |
| Tự luận | Sản xuất và phân phối trong chuỗi cung ứng; Công nghệ thông tin và chuỗi cung ứng | Tuần 7 | Kiểm tra thường xuyên 2 | 1.3.2;4.4.2<br>2.1.2;4.1.2 | 15 |
| Thuyết trình, thảo luận | Tìm hiểu về hoạt động quản trị chuỗi tại một DN | Tuần 10 | VD: Bài tập nộp | 1.3.2;4.6.2<br>3.1.1-3.1.3<br>3.2.1;2.1.2<br>4.1.2 | 10 |
| Vấn đáp | Toàn bộ các nội dung học phần | Theo kế hoạch thi KTHP | Thi kết thúc học phần | 1.3.2;4.3.2<br>4.4.2;4.6.2<br>3.2.1;2.1.2<br>4.1.2 | 60 |

**7. Rubrics đánh giá học phần**

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm(%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Trình bày được định nghĩa và khái niệm cơ bản về chuỗi cung ứng<br>- Trình bày các nội dung cơ bản cấu trúc chuỗi cung ứng, các dòng chảy trong chuỗi<br>- Biết các hoạt động xây dựng hệ thống chuỗi | 20 |
| | Hiểu | - Mô tả mô hình cấu trúc chuỗi cung ứng, các dòng chảy trong chuỗi<br>- Các phương pháp dự báo, tồn kho, phân phối, xác định địa điểm, quản lý mối quan hệ với nhà cung cấp<br>- Hiểu vai trò và hoạt động quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng | 15 |
| | Vận dụng | - Vận dụng xác định mô hình chuỗi cung ứng và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng phù hợp | 15 |
| | Phân tích | - Áp dụng các kiến thức đã học để tính toán dự báo nhu cầu<br>- Tính toán các phương án tồn kho, xác định địa điểm sản xuất và phân phối và phân tích lựa chọn phương án hiệu quả. | 20 |
| 2 | Thực hành | - Thuyết trình và thảo luận và trả lời câu hỏi | 15 |
| | | - Làm việc nhóm | 5 |
| 3 | Nhận biết | - Có năng lực nhận biết các vấn đề và đánh giá các tác động của môi trường tới hoạt động quản trị chuỗi của doanh nghiệp | 10 |

**8. Tài liệu học tập**

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. John J. Coyle, Edward J. Bardi, C. John Langley; *Supply chain management: A logistic perspective*; South-Western College; 2013.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. TS. Nguyễn Thành Hiếu; *Quản trị chuỗi cung ứng*; NXB KTQD 2015;

[3]. David Simchi-Levi, Philip Kaminsky, and Edith Simchi-Levi; *Designing and Managing the Supply Chain*; McGraw-Hill/Irwin; 2nd edition; 2002;

[4]. Chopra Sunil và Peter Meindl; Supply chain management: *Strategy, planning and operation*; Upper Saddle River; NJ: Prentice- Hall, Inc; 2007;

[5]. Shoshanah Cohen & Joseph Roussel; *Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng; biên dịch*: TS. Lê Đức Thọ; NXB Lao động xã hội; 2011;

[6]. Nguyễn Kim Anh; *Bài giảng Quản trị chuỗi cung ứng*; Trường đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; 2007.

**9. Phụ trách học phần**

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn

2. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen @tnut.edu.vn

**10. Phê duyệt**

| Trưởng khoa | P. Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS.Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Phạm Thị Minh Khuyên |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp)
- Tên tiếng Anh: Practicum project for graduation.
- Mã học phần: FIM485
- Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Các học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực, quản lý dự án, quản trị tác nghiệp, quản trị chiến lược, kỹ năng quản trị doanh nghiệp
- Các học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Giờ thực hành thực tập : 180 tiết
  - Tự học : 90 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | - Khả năng quan sát, tiếp cận thực tế các hoạt động tại cơ sở thực tập.<br>- Nắm được thực trạng hoạt động tại cơ sở thực tập.<br>- Đề xuất được một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. |
| M2 | - Kỹ năng lập kế hoạch làm việc<br>- Kỹ năng giao tiếp<br>- Kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình |
| M3 | -Thái độ chủ động, tích cực học hỏi |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 4.1.1; 4.1.4<br>4.2.1; 4.2.4 | Đánh giá đước các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức, từ đó có thể đánh giá thực trạng, đề xuất một số hướng nghiên cứu để nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ sở | 4 |
| M2 | 2.3.1<br>2.3.2 | Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống | 4 |
| M3 | 4.6.2 | Đề xuất được một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực tế chuyên môn dành cho sinh viên của chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Dựa trên cơ sở kiến thức và chuyên môn đã học, học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội đánh giá thực tế áp dụng các lý thuyết đã học tại các cơ sở thực tập. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 - 2 | - Tiếp cận thực tế các hoạt động của doanh nghiệp | 4.1.1-4.4.4<br>4.2.1-4.2.4; 2.3.1<br>2.3.2 | [1],[2] | Hướng dẫn |
| 3 - 4 | - Hoàn thiện Đề cương chi tiết Báo cáo thực tập<br>- Thực tế tại cơ sở thực tập | | [1],[2] | Thuyết trình |
| 5 - 8 | - Thực tế tại cơ sở thực tập<br>- Nộp Báo cáo thực tập sơ bộ | | [1],[2] | Hướng dẫn |
| 9 | Chỉnh sửa và nộp báo cáo thực tập | 4.1.1-4.4.4<br>4.2.1-4.2.4; 2.3.1<br>2.3.2; 4.6.2 | [1],[2] | Hướng dẫn |
| 10 | Báo cáo thực tập tốt nghiệp | | [1],[2] | Hướng dẫn |

**6. Đánh giá học phần**

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR cần kiểm tra | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | Đề cương chi tiết | Tuần 4 | Báo cáo | 4.1.1-4.4.4<br>4.2.1-4.2.4 | |
| Báo cáo | Hoàn thiện Báo cáo thực tập và nộp Báo cáo thực tập | Tuần 10 | Báo cáo | 4.1.1-4.4.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2<br>4.6.2 | 100 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Đặt vấn đề lựa chọn phần đề tài | 20 |
| | Hiểu | - Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động của tổ chức/ doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường<br>- Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp | 30 |
| 2 | Vận dụng | - Thu tập số liệu về thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | 20 |
| | Phân tích | Phân tích các nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động đến hoạt động của doanh nghiệp | 15 |
| 3 | Sáng tạo | Đề xuất các phương án giải quyết vấn đề nghiên cứu và nêu kiến nghị. | 15 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Đại học Kỹ thuật công nghiệp.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Tài liệu, số liệu của đơn vị khảo sát thực tế.

## 9. Phụ trách học phần

- Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung — Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn
2. TS. Phạm Thị Mai Yến — Email: yen.phammai@tnut.edu.vn
3. ThS. Trần Thị Thu Huyền — Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
4. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên — Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn
5. ThS. Bùi Thị Phương Hồng — Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn
6. ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang — Email: dangngochuyentrang@tnut.edu.vn

## 10. Phê duyệt

| Trưởng khoa | P.Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Ngô Thuý Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành quản lý công nghiệp.
- Tên tiếng Anh: Graduation Thesis (Administration in Industrial Enterprise)
- Mã học phần: FIM496
- Số tín chỉ: 6
- Các học phần tiên quyết: Quản trị học
- Các học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực, quản lý dự án, quản trị tác nghiệp, quản trị chiến lược, kỹ năng quản trị doanh nghiệp.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Thực hành, thực tập : 360 tiết
  - Tự học : 180 tiết

## 2. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu | Mô tả |
|---|---|
| M1 | Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị trong tổ chức. |
| M2 | - Kỹ năng thu thập, xử lý thông tin;<br>- Kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin;<br>- Kỹ năng giải quyết vấn đề;<br>- Kỹ năng nghiên cứu độc lập;<br>- Kỹ năng giao tiếp;<br>- Kỹ năng viết báo cáo khoa học. |
| M3 | - Góc nhìn, tư duy trong giải quyết vấn đề quản trị trong tổ chức. |

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Mã CĐR của HP | Mô tả<br>*Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:* | Trình độ năng lực |
|---|---|---|---|
| M1 | 4.1.1<br>4.1.4 | Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải | 4 |
| | 4.2.1<br>4.2.4 | Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp | 4 |
| M2 | 2.3.1<br>2.3.2 | Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| M3 | 4.6.2 | Đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong tổ chức/doanh nghiệp và đề xuất phương án cải tiến | 4 |

**4. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Sinh viên hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp về: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị nghiên cứu và thực trạng hoạt động nghiên cứu (số liệu được phân tích, đánh giá của đơn vị nghiên ứu 03 năm gần nhất); đề xuất một số giải pháp cụ thể giúp đơn vị nghiên cứu khắc phục được những tồn tại. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong tổ chức trong mối liên hệ với các yếu tố môi trường ngành, môi trường vĩ mô, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của tổ chức, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của tổ chức.

**5. Nội dung và kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | CĐR học phần | Tài liệu học tập, tham khảo | Phương pháp dạy học |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lựa chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu. | 4.1.1-4.1.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2<br>4.6.2 | [1] | Hướng dẫn |
| 2 | Bảo vệ đề cương trước hội đồng chuyên môn. | | [1],[2] | Thuyết trình |
| 2 | Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương theo góp ý của hội đồng chuyên môn. | | [1],[2] | |
| 3-4 | Chương 1: Lý luận chung về vấn đề nghiên cứu. | 4.1.1-4.1.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2<br>4.6.2 | [1] | Hướng dẫn |
| 5 | Báo cáo kết quả lần thứ nhất. | | [1],[2] | Thuyết trình |
| 5-7 | Chương 2: Thực trạng liên quan đến vấn đề nghiên cứu. | 4.1.1-4.1.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2<br>4.6.2 | [1],[2] | Hướng dẫn |
| 8 | Báo cáo kết quả lần thứ hai. | | [1],[2] | Thuyết trình |
| 8-9 | Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung thực trạng vấn đề nghiên cứu. | 4.1.1-4.1.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2<br>4.6.2 | [1],[2] | Hướng dẫn |
| 10 | Báo cáo kết quả lần cuối, hoàn thiện KLTN. | | [1],[2] | Thuyết trình |

## 6. Đánh giá học phần

| Hình thức kiểm tra | Nội dung | Thời điểm | Công cụ kiểm tra | CĐR kiểm tra | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|
| Bảo vệ KLTN | Kiểm tra đề cương chi tiết; báo cáo khóa luận. | Theo kế hoạch bảo vệ. | Báo cáo | 4.1.1-4.1.4<br>4.2.1-4.2.4<br>2.3.1-2.3.2; 4.6.2 | 100 |

## 7. Rubrics đánh giá học phần

| Cấp độ | Trình độ năng lực | Tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng điểm (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Biết | - Đặt vấn đề lựa chọn phần đề tài | 20 |
| | Hiểu | - Lý luận chung về công tác quản trị cụ thể đã chọn | 30 |
| 2 | Vận dụng | - Thu tập số liệu và đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu | 20 |
| | Phân tích | - Phân tích các nguyên nhân tác động đến vấn đề nghiên cứu | 10 |
| 3 | Nhận biết | - Nhận biết các tác động của vấn đề nghiên cứu tới doanh nghiệp và sự phát triển của nền kinh tế | 10 |
| | Sáng tạo | Đề xuất các phương án giải quyết vấn đề nghiên cứu và nêu kiến nghị. | 10 |

## 8. Tài liệu học tập

*8.1. Sách, giáo trình chính:*

[1]. Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Đại học Kỹ thuật công nghiệp.

*8.2. Sách tham khảo:*

[2]. Tài liệu, số liệu của đơn vị khảo sát thực tế.

**9. Phụ trách học phần:** Giảng viên giảng dạy chính:

1. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung Email: nguyenhongnhung@tnut.edu.vn
2. TS. Phạm Thị Mai Yến Email: yen.phammai@tnut.edu.vn
3. ThS. Trần Thị Thu Huyền Email: gvtranthithuhuyen@tnut.edu.vn
4. ThS. Phạm Thị Minh Khuyên Email: phamthiminhkhuyen@tnut.edu.vn
5. ThS. Bùi Thị Phương Hồng Email: buithiphuonghong@tnut.edu.vn
6. ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang Email: dangngochuyentrang@tnut.edu.vn

## 10. Phê duyệt

| Trưởng khoa | P. Trưởng Bộ môn | Đại diện nhóm Biên soạn |
|---|---|---|
| TS.Ngô Thúy Hà | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung | ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung |